



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TP. BIÊN HOÀ



BAN TRỊ SỰ - BAN VĂN HÓA



Nội San Bát Nhã

DL.2022 - PL.2566 / SỐ 4



Những Xuân

DI LẶC



- **CHỨNG MINH**

- Hòa thượng Thích Nhật Quang
Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai
- Hòa thượng Thích Thiện Đạo
Chứng minh Ban Trị sự GHPGVN TP. Biên Hòa

- **CHỦ BIÊN**

- Thường trực Ban Trị sự GHPGVN TP. Biên Hòa

- **BIÊN TẬP**

- Ban Văn hóa Phật giáo thành phố Biên Hòa

Văn phòng Ban Trị sự: Chùa Đức Quang

Số 33, Đường Nguyễn Ái Quốc, KP 1, Phường Tân Phong,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại: 0251 3946769

Email: btspgbienhoa@gmail.com

Website: www.phatgiaobienhoa.com





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TP. BIÊN HOÀ

BAN TRỊ SỰ - BAN VĂN HÓA



Nội San Bát Nhã

DL.2022 - PL.2566 / SỐ 4



Mừng Xuân

DI LẶC



Ming Xuan

DI LAC

Lời nói đầu

Kính bạch chư Tôn đức!

Thưa toàn thể quý độc giả!

Xuân đã về, tiết trời đang se lạnh, hoa đã và đang nở để đón mừng một mùa xuân bất diệt; mùa xuân theo nghĩa của đạo Phật là mùa xuân của cõi lòng, là luôn an trú trong chánh định. Thế nên nói, khi an trú trong đại định thì tất cả đại địa đều nở hoa. Từ trong chánh định đó mà Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni đã đạt ngộ viên mãn dưới cội bồ đề cách đây trên 2500 năm.

Nhân dịp đón mừng xuân Di Lặc Quý Mão 2023 và cúng dường Đại lễ Đức Phật Thành Đạo PL. 2566 - Nhâm Dần, Ban Văn hóa Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa xin mạn phép cho ra mắt cuốn Nội san Bát Nhã số 4. Sự cộng tác nhiệt tình của chư Tôn đức Tăng Ni, quý độc giả là niềm khích lệ tinh thần rất lớn cho Ban Văn hóa có đủ năng lượng tích cực để tiếp tục phụng sự cho quý độc giả những khẩu vị tinh thần vô giá về cuộc sống và văn hóa Phật giáo.

Ban Văn hóa kính mong chư Tôn đức đạt ý quên lời chứng minh cho tấm lòng của Ban Văn hóa. Vì có rất nhiều bài viết từ Bắc – Trung – Nam gửi đến Ban Văn hóa mà số lượng trang của cuốn nội san có giới hạn nên Ban Văn hóa sẽ cố gắng biên tập, đăng bài của chư Tôn đức và quý tác giả ở các số sau của Nội san Bát Nhã.

Tập Nội san Bát Nhã có đến tay quý vị hay Ban Văn hóa có được chút thành quả đều là nhờ vào sự quan tâm, khích lệ to lớn của chư Tôn đức và quý tác giả/ độc giả, từ việc viết bài và số lượng bài gửi về rất nhiều, đó là niềm hạnh phúc của Ban Văn hóa.

Ban Văn hóa xin thành kính tri ân và kính chúc chư Tôn đức, quý cộng tác viên, quý độc giả mùa Thành Đạo và Xuân Quý Mão 2023:

Vô lượng cát tường

Vô biên thắng phước

Vạn sự thắng duyên.

Đại đức Thích Đạt Ma Toàn Hạnh

*Phó Trưởng ban Ban Trị sự
kiêm Trưởng ban Ban Văn hóa GHPGVN TP. Biên Hòa*





Ánh Sáng THÀNH ĐẠO

HT. Thích Thiện Đạo



Kính lạy Đức Thế Tôn!

Nhân loại chúng con đang hướng về Ngài với tất cả niềm tôn kính và tri ân vô hạn. Ánh sáng chánh pháp của Ngài đã giúp chúng con trở về đúng hướng, đã soi sáng tâm hồn chúng con trên mọi nẻo đường tăm tối khổ đau. Tình thương mà Ngài đã đánh thức trong chúng con thật cần thiết để giữ yên cho thế giới khỏi biến thành biển lửa chiến tranh thù hận.

Đức Phật thành đạo là một sự kiện vô cùng hy hữu trong lịch sử tư tưởng nhân loại, đã khẳng định khả năng tối thượng của con người là có đủ năng lực giải thoát khổ đau, chứng đắc an lạc giải thoát. Trong các sự thành công, chỉ có sự thành công bằng sức mạnh nội tâm là đáng ca tụng và cao thượng nhất.

Ta hãy lắng nghe người đương thời đã ca tụng, nhận xét về Đức Phật như sau: “Ngài đã phá vỡ những gì bị che kín, đã dựng lại những

gì bị xô ngã, đã soi sáng những gì bị bóng đen bao phủ, đã phục hồi lại các giá trị đã bị tước đoạt.”

Tưởng niệm Đức Phật Thành Đạo là nhằm tôn vinh nguồn ánh sáng tinh khiết nhiệm màu mà sự giác ngộ của Đức Phật đã đem lại cho nhân loại. Nhờ tiếp cận và áp dụng ánh sáng nhiệm màu đó mà biết bao quốc độ, bao thời đại, bao con người đã thật sự có hòa bình an lạc, có tri thức nhân bản để góp phần vào sự phát triển văn hóa đạo đức của nhân loại. Ánh sáng nhiệm màu đó đã chuyển hóa uế độ thành tịnh độ, phiền não thành an lạc, phàm phu thành thánh trí, biến bùn đất thành đóa sen tinh khiết.

Thành Đạo dưới cội Bồ Đề, cách đây trên 2500 năm, nhưng những lời dạy của Đức Phật như là những đóa sen báu cho nhân loại. Đóa sen đó trang nhã về màu sắc, thanh khiết về hương thơm, thiêng liêng về biểu tượng. Chỉ có 80 năm hiện hữu với cuộc đời, nhưng Đức Phật Thích Ca đã để lại cho nhân loại một kho tàng giáo pháp, một nền tư tưởng vô cùng phong phú đồ sộ, mà chưa có nền tư tưởng nào sánh kịp.

Tinh thần vô ngã vị tha, biết quên mình vì chúng sanh, là nền tảng căn bản của giáo lý Phật đà. Không có lòng yêu thương vô biên thì không phải là người phật tử chân chính. Không có sự cảm thông tha thứ thì không phải là tinh thần cứu khổ của đạo Phật. Ngày nay con người quá chú trọng về mặt kiến thức, về mặt lý luận, hậu quả là mắc con bệnh vô cảm, ưa tranh chấp hơn thua, ba hoa sáo ngữ, quanh co lừa lọc, tạo nên một cuộc sống nghèo nàn về kiến thức, khô khan về tâm hồn, cạn kiệt về tâm lý. Khi tư duy không bắt kịp việc làm thì lòng người bất an, xã hội không ổn định.

Đã đến lúc chúng ta phải dang tay đập vỡ cơ đồ sanh tử, phá vỡ bức tường thành chấp ngã kiên cố đã giam hãm chúng ta từ vô lượng kiếp. Đã đến lúc phải mở toang cánh cửa tâm hồn để đón ánh bình minh chánh pháp. Đã đến lúc chúng ta phải trở về với chính mình. Dù có lặn hụp trăm sông ngàn biển, có trôi lăn vạn nẻo luân hồi, chúng ta vẫn có thể vượt qua nếu chúng ta thật sự biết hồi đầu. Cửa báu không ở bên ngoài mà ở ngay trong mỗi chúng ta. Đừng rong ruổi tìm cầu, chúng ta sẽ nhận diện được con người thật của chính mình, sẽ được an trú trong ngôi nhà tự tánh, sẽ được soi sáng bằng ánh sáng giác ngộ nhiệm mầu từ cội Bồ Đề linh thiêng lịch sử./.

Kỷ niệm Lễ Phật Thành Đạo PL. 2566 – DL. 2022

TỬ THIÊN VÀ TAM MINH NỀN TẢNG CỦA THÀNH ĐẠO

Quảng Tánh

Đêm Bồ-tát Siddhartha vượt thành xuất gia, cả hoàng thành Kapilavatthu chìm trong im ắng và hoang lạnh. Không khí chia ly buồn thương man mác như bao trùm khắp các ngã đường của kinh thành mỗi nơi Ngài đi qua. Bồ-tát Siddhartha cảm nhận mọi thứ rất rõ ràng dù Ngài không hề ngoái lại. Siddhartha quyết tâm ra đi với tất cả nhiệt huyết của tuổi xuân, quyết tìm ra chân lý để giải quyết vấn đề khổ đau sinh tử cho mình và cho cả muôn loài.

Sau khi vượt sông Anomà, Siddhartha cỡi hoàng bào, cắt tóc trao cho Channa đem về trình báo phụ hoàng, tạm biệt người hầu cận trung thành và ngựa Kanthaka yêu quý, Ngài nhắm rừng xanh thẳng tiến. Người thanh niên, vị đông cung thái tử đã để lại phía sau tất cả dư âm của một đời sống vương giả, hiện thân làm đạo sĩ lang thang trong rừng xanh



núi thăm, với lộ trình phía trước đường như vô định, chưa biết về đâu.

Năm năm tầm sư học đạo, bảy giờ Bò-tát còn được gọi là đạo sĩ Gotama đã gặp hai vị thầy nổi tiếng đương thời, đó là Alàra Kàlāma và Uddaka Ràmaputta. Tại đạo tràng của đạo sư Alàra Kàlāma, Bò-tát Siddhartha đã chứng được Vô sở hữu xứ, một thiền chứng thâm sâu thuộc tầng thứ ba của Tứ không định. Đạo sĩ Gotama



được mời ở lại để lãnh đạo, dẫn dắt đồ chúng nhưng Ngài thấy rằng: “Giáo lý này không dẫn đến buông xả, không tận diệt ái dục, không dẫn đến chấm dứt, không dẫn đến thanh bình an lạc, trực chứng, giác ngộ và Niết-bàn” nên từ giả ra đi.

Rời đạo sư Alàra Kàlāma, Bò-tát lần tìm đến với đạo sư Uddaka Ràmaputta. Tại đây, đạo sĩ Gotama đã chứng đạt Phi tướng phi phi tướng xứ, thiền chứng cao nhất trong tam giới và trong tất cả các đạo sĩ đương thời. Uddaka Ràmaputta cũng thỉnh cầu đạo sĩ Gotama ở lại lãnh đạo đồ chúng nhưng Bò-tát vẫn thấy rằng thiền chứng này tuy rất thâm thâm nhưng vẫn chưa đạt đến giác ngộ và Niết-bàn, nên cũng giả từ ra đi.

Với thời gian dài đến năm năm, tuy không đạt được giác ngộ tối hậu nhưng

Bò-tát Siddhartha đã thành tựu kinh nghiệm về thiền định, nhất là thiền Chỉ với các thiền chứng của Tứ không định rất sâu xa, tịch tịnh. Lúc rời xa vị thầy Uddaka Ràmaputta danh tiếng nhất, kỳ thật Bò-tát cũng không biết phải nương tựa vào ai. Trong tận cùng của niềm cô độc, tiếng gọi khổ hạnh bỗng trở nên réo rắt gọi mời. Bởi trong tín niệm của các đạo sĩ đương thời, khổ hạnh luôn được đề cao, mọi người đều xem khổ hạnh là cửa ngõ duy nhất để diệt trừ tất cả tội lỗi cũng như phiền não, mở toang cánh cửa u tối vô minh, thành tựu giải thoát tối hậu.

Bảy giờ, những khu rừng xanh tốt và thâm u xứ Uruvela là thánh địa của những đạo sĩ khổ hạnh. Đạo sĩ Gotama tìm đến để thực hành khổ hạnh cùng với năm người bạn đồng tu, nhóm đạo sĩ Kondanna. Thêm sáu năm trường khổ ải, đạo sĩ Gotama đã tận lực đi theo con đường khổ hạnh, tự đọa đầy đến tột cùng. Ngài tinh tấn đến độ vượt thắng tất cả mọi hình thức khổ hạnh của các đạo sĩ đương thời, có thể nói là bậc khổ hạnh đệ nhất và đỉnh cao chói vót là ngấp nghé bờ vực của sự tự hủy diệt. Trong tình trạng sắp đối diện với cái chết, đạo sĩ Gotama chợt nhận ra rằng: Khổ hạnh không đưa đến giác ngộ. Đời sống vương giả của bậc đế vương hưởng thọ dục lạc là chìm đắm trong sanh tử thì đã đành nhưng đời sống khổ hạnh đến tột cùng cũng chỉ làm thân thể suy kiệt, tinh thần héo úa và nhất là bế tắc trong việc khai mở tuệ giác, chỉ phí công vô ích mà thôi.

Bò-tát Siddhartha tiếp tục trầm tư về con đường đưa đến giác ngộ. Có một đạo lộ nào khác nữa chăng? Nhớ đến thời thơ ấu, trong buổi lễ hạ điền Ngài đã thể nhập Sơ thiền, một trạng thái hỉ lạc do ly dục



sanh. Một ý tưởng sáng chói chợt hiện ra nơi Ngài là hướng nội và xả ly. Đạo sĩ Gotama liền quyết định từ bỏ khổ hạnh, thọ dụng bát cháo sữa của nàng Sujata dâng cúng, tắm rửa ở dòng sông Neranjara, bắt đầu thực tập hướng nội và xả ly theo tinh thần Trung đạo, tránh xa hai cực đoan. Sau khi sức khỏe được hồi phục, tinh thần minh mẫn, định tĩnh trở lại, Bồ-tát Siddhartha đến cội Bồ-đề hạ quyết tâm thiền định.

Trong lúc Bồ-tát phát đại nguyện dù thịt nát xương tan, nếu chưa giác ngộ thì không rời khỏi cội Bồ-đề thì nhóm đạo sĩ Kondanna từ bỏ Ngài ra đi. Họ khinh ghét Ngài vì đã thoái thất, không đi đến tận cùng con đường khổ hạnh. Còn lại một mình trong rừng thiêng nước độc, bốn bề hoang lạnh, đối diện với vô vàn hiểm nguy, Bồ-tát thể nhập thiền định với quyết tâm sắt đá, ý chí kim cương. 49 ngày đêm tọa thiền dưới cội Bồ-đề là cuộc chiến hàng phục nội ma và ngoại chướng vô cùng cam go, cuối cùng Ngài đã chiến thắng.

Trước khi tuệ giác bùng vỡ, kinh sách ghi rằng Bồ-tát hướng đến giác ngộ tối hậu bằng cách tuần tự nhập Sơ thiền, Nhị thiền, Tam thiền và Tứ thiền. Trên nền

tầng Tứ thiền, Bồ-tát vận dụng “Tâm định tĩnh, thanh tịnh, không còn ô nhiễm, nhu nhuyến, dễ uốn nắn, dễ xử dụng, giác tỉnh, vững chắc và không thể lay chuyển”, hướng tâm ấy về tuệ giác “Hồi nhớ những kiếp sống quá khứ”. Ngài liền nhớ lại nhiều kiếp sống quá khứ với đầy đủ các chi tiết. Đó là tuệ giác đầu tiên, Túc mạng minh, Bồ-tát Siddhartha chứng ngộ vào lúc canh Đầu, đêm Thành đạo.

Tuệ giác và tịnh lạc đã phát sanh, nhưng Bồ-tát vẫn giữ chánh niệm, tự giác tỉnh, tiếp tục hướng tâm ấy về “Sự hiểu biết hiện tượng sanh và diệt của chúng sanh”. Ngài thấy rõ chính hành vi tạo tác của mỗi người là tác nhân đưa họ sanh tử luân hồi trôi lăn trong ba cõi. Bồ-tát chứng Thiên nhãn minh, tuệ giác thứ hai vào canh Giữa, đêm Thành đạo.

Ngài tiếp tục hướng tâm ấy đến “Tuệ hiểu biết sự chấm dứt các lậu hoặc”. Vào canh Cuối của đêm Thành đạo, lúc sao Mai vừa mọc, Bồ-tát chứng được Lậu tận minh. Màn đêm tăm tối của dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu đã bị phá tan và trí tuệ bùng phát. Ngài biết rằng: “Ta đã được giải thoát. Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, các việc cần làm đã làm xong, không còn

trở lại đời này nữa”. Ngài chứng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ đây, Ngài được tôn xưng là Đức Phật với mười danh hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật-Thế Tôn.

Trải qua vô lượng kiếp hành Bồ-tát đạo, và trong kiếp hiện tại Bồ-tát Siddhartha cũng phải bao phen khó nhọc, dám hy sinh cả thân mạng mới có ngày huy hoàng, thành Bậc Giác Ngộ, Thế Tôn, Phật Thích Ca Mâu Ni dưới cội Bồ-đề.

Có thể xem Tam minh (Túc mạng minh, Thiên nhãn minh và Lậu tận minh) là nội dung chứng ngộ của Bồ-tát Siddhartha trong đêm Thành đạo. Tam minh là tuệ giác của thiền Quán được Đức Phật phát triển và thành tựu dựa trên nền tảng thiền Chỉ của Tứ thiền. Chính sự khám phá này của Thế Tôn, về sau đã trở thành nguyên tắc cơ bản cho sự tu tập và thăng chứng của các Tỷ-kheo đệ tử.

Kinh *Đại sư tử hống* (Trung bộ kinh) tóm tắt lộ trình tu tập của vị Tỷ-kheo bằng cách chứng nhập từ Sơ thiền đến Tứ thiền, rồi từ Tứ thiền chuyên tâm tu tập thiền Quán vô ngã, vô thường, loại trừ mười kiết sử để lần lượt chứng đắc bốn Thánh quả và đạt Niết-bàn tối hậu.



Có một đạo lộ khác để thành tựu giác ngộ là từ Tứ thiền, hành giả tiếp tục đi sâu vào Tứ không định. Tuy nhiên, Thế Tôn thường cảnh tỉnh phải xuất Phi tưởng phi phi tưởng xứ để nhập cảnh giới Diệt thọ tưởng định trước khi vào Niết-bàn tối hậu. Tốt nhất là nên dừng lại ở Vô sở hữu xứ, rồi tu tập Tứ vô lượng tâm (Tủ, Bi, Hỷ, Xả) để băng đến Diệt thọ tưởng định trước khi vào Niết-bàn tối hậu (Thích Chơn Thiện, *Tăng già thời Đức Phật*, tr.229).

Như vậy, dù Bồ-tát Siddhartha đã trải qua vô lượng kiếp tu tập Bồ-tát đạo, mang trong mình năng lực và bản nguyện của vị Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ nhưng nội dung tu tập và chứng ngộ của Ngài thật cụ thể, rõ ràng mà hàng đệ tử hậu thế có thể lần theo dấu xưa để thành tựu Thánh quả A-la-hán. Tứ thiền có vai trò rất quan trọng, làm nền tảng cho thiền Quán để phát huy tuệ giác nhằm chứng đắc Tam minh, thành tựu giải thoát tối hậu.

Chính thiền Quán với tuệ minh sát có năng lực soi chiếu phá tan si ám về tự ngã thường hằng để thấu triệt sự thật vô ngã, vô thường của vạn pháp đồng thời làm sụp đổ những kiết sử căn bản vốn là thành trì của sanh tử luân hồi nhằm chứng đạt giác ngộ viên mãn, chính là phát kiến vĩ đại của Bồ-tát Siddhartha.

(12/2022)



ĐI LỄ CHÙA ĐẦU NĂM:

NÉT ĐẸP VĂN HÓA ĐẶC TRƯNG VÀ KHÁT VỌNG MUÔN ĐỜI CỦA CON NGƯỜI

Linh Thuần

Gửi gắm niềm tin của bản thân mình vào một tôn giáo là đặc điểm chung của toàn nhân loại. Và Phật giáo, một tôn giáo có bề dày trên hai ngàn năm tại Việt Nam luôn được đại bộ phận quần chúng nhân dân coi như là một hệ thống quản lý đời sống tình cảm, văn hóa, giúp cơ thể, tâm hồn con người luôn khỏe mạnh, tốt đẹp, và tràn đầy sức đề kháng trước những biến hoại vô thường của cuộc đời.

1. Từ đời sống du tăng đến sự định cư của Tăng đoàn thời kỳ Phật giáo đầu

Tại thời kỳ Phật giáo đầu, đời sống của đức Phật và tăng đoàn được duy trì bằng hình thức khát thực từ nhà này sang nhà khác, chúng tăng thiên định, ngủ nghỉ dưới gốc cây trong rừng rậm, trên sườn đồi, trong hang núi, nơi nghỉ trang, hoặc trên đồng rơm. Sự tu tập luôn nghiêm mật, nỗ lực với mục đích duy nhất là đạt được sự giải thoát hoàn toàn ngay cả khi máu thịt của cơ thể khô héo chỉ còn lại da, gân, và xương.¹

Theo sử liệu, hình thức định cư đầu tiên của Tăng đoàn được gọi là: *āvāsa* và *ārāma*,² tức nơi ở hoặc trú xứ lưu trú khi mùa mưa tới; các trú xứ này chưa có tính ổn định, kiên cố, tiện nghi sơ sài, và thường ở nơi hẻo lánh, thôn quê hơn là nơi phồn hoa đô hội.

Với sự phát triển của Tăng đoàn, cùng ước muốn được nghe đức Phật thuyết pháp của mọi tầng lớp nhân dân trong xã hội, Đức vua Seniya Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), một vị vua anh minh của đế chế hùng mạnh Ma Kiệt Đà (Māgadha) thuộc vùng Đông Ấn Độ, đã hiến cúng một khu vườn rộng để cất một Tịnh xá tiếng Phạn: *Vihāra*, hay còn được biết đến với các tên gọi như: *Addhayoga*, *Pāsāda*, *Hammiya* và *Guhā*³: nghĩa là ngôi nhà sạch, có phong cảnh u nhã: chỗ để các Tỳ Kheo tọa thiền, tu tập, sinh hoạt, quần chúng nhân dân nghe giảng giáo lý. Và như thế, ngôi Tịnh xá Veluvanārāma (Trúc Lâm Tịnh xá)

tại thành Vương Xá (Rājagṛha), là ngôi Tịnh xá đầu tiên được xây dựng, hay còn gọi là một Tăng-già-lam-ma (Sanghārāma) nghĩa là Chúng viên, Tăng viên hoặc Tăng viện.⁴

Ngôi tự viện thứ hai là: Tu viện Vườn xoài Ngự y (Jivakārāma Monastery) tại thành Vương Xá (Rājagṛha) mang tên ngự y trú danh sống cùng thời đức Thế Tôn là Jivakā phát tâm hỷ cúng vì ngưỡng mộ nhân cách, trí tuệ của đức Phật.

Ngôi tự viện thứ ba là: Tu viện Vườn xoài Ambapālī (Ambapālī Monastery) tại thành Tỳ-xá-li (Vesālī), mang tên kỹ nữ Ambapālī, một mỹ nhân tuyệt sắc thời bấy giờ đã phát tâm xây dựng sau khi nghe đức Thế tôn thuyết pháp.⁵

Dù được xây dựng sau nhưng xét về sự nổi tiếng, và giá trị lịch sử thì phải nói đến Kỳ - hoàn Tịnh xá (Jetavanārāma). Tại ngôi Tịnh xá này, đức Phật đã trải qua nhiều mùa an cư, và thuyết giảng nhiều bài pháp quan trọng, hơn nữa, ngôi Tịnh xá được gắn liền với tên tuổi của vị đại thí chủ hộ trì Tam bảo Cấp-cô-độc (Anāthapiṇḍika) thành Xá Vệ (Śrāvastī). Danh tiếng của ông được gắn liền với việc lót vàng phủ kín toàn bộ khu vườn của thái tử Kỳ-đà (Jeta), con trai của vua Ba-tư-nặc (Prasenajit): người cai trị vương triều Kiền-tát-la (Kosala), một vương quốc có thế lực mạnh nhất tại Bắc Ấn Độ thời bấy giờ, do đó Tịnh xá Kỳ Hoàn còn được gọi là Kỳ Viên Tịnh xá.⁶ Trong đoạn mở đầu của Kinh Di Đà (Sukhāvatī-vyūha- sūtras) mà chúng ta đọc tụng hàng ngày: “*Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Xá Vệ quốc, Kỳ thọ Cấp Cô Độc viên...*”, được xuất phát từ điển tích này.

Bên cạnh đó, chư tăng còn trú ngụ trong các trú xứ được xây dựng trong hang động, trong các dãy núi..., và những hình thức định cư như vậy được biết đến với tên gọi khác là: *Leṇa*. Quần thể hang động Ajanta là đại diện tiêu biểu nhất của phong cách *Leṇa*.

Như vậy, mỗi *Vihāra* - Tịnh xá thực sự là nơi trú ẩn an toàn cho tăng - ni khi mùa mưa đến, tránh thú dữ trong rừng, tránh được nắng nóng, gió bão, và trộm cướp. Theo đà phát triển của xã hội, các Tịnh xá về sau được kiến tạo một cách có hệ thống, quy mô, và

được coi là tổ chức tôn giáo đầu tiên tại Ấn Độ, xa hơn nữa hệ thống tu viện lớn như: Takṣaśilā, Nālandā, Vallabhī, Vikramaśīla..., đặc biệt là Nālandā đã trở thành trung tâm học thuật, một trường đại học với đầy đủ các môn học như: toán học, văn học, địa lý, hóa học, và mang lại nhiều lợi ích xã hội, giá trị văn hóa, tư tưởng cho Phật giáo nói riêng và Ấn Độ nói chung.⁷



Cần phải nói thêm rằng, nhờ sự bảo trợ đắc lực từ giới tinh hoa chính trị, tri thức, kinh tế như: vua Tần-bà-sa-la, vua Ba-tư-nặc, ngài Cấp-cô-độc vv..., mà đạo Phật thời bấy giờ được biết đến là hệ tư tưởng chủ đạo, và có sự ảnh hưởng đến phương thức tổ chức đời sống xã hội một cách tích cực.

2. Sơ lược về ý nghĩa tên gọi: Tự viện – chùa chiền

Từ Tự viện - siyuan (寺院) gồm hai ký tự, được xuất phát từ Trung Quốc. Thời Tần, hệ thống quan chế trung ương xác lập Tam công (三公) chỉ 3 quan viên cao nhất phụ trợ quốc quân thời cổ, Cửu khanh (九卿) là 9 quan viên cao cấp của chính phủ trung ương. Tuy nhiên, theo Tả Truyện, được chú giải bởi danh tác Khổng Dĩnh Đạt, đời Đường, kể từ thời Hán trở về sau, các văn phòng của Tam Công được gọi là: phủ - Phủ (府), và các văn phòng của Cửu Khanh được gọi là: Si - Tự (寺). Như vậy, ký tự: si 寺 chỉ cho văn phòng chính phủ, một cơ quan phụ trách về đối ngoại, chuyên tiếp đón sứ thần các nước khác có quan hệ ngoại giao với nước sở tại.⁸

Đời vua Hán Minh Đế (58 – 75) AD (漢明帝), đạo Phật truyền qua Trung Hoa bởi Ngài Ca Diếp Ma Đằng (Kāśyapa-mātanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmarakṣa) cùng Kinh Bốn Mươi Hai Chương (四十二章經). Thời đó, vì chưa có chùa nên hai Ngài phải ở tạm

Hồng Lô Tự (鴻臚寺). Về sau, ngôi chùa đầu tiên mang tên Bạch Mã Tự (白馬寺) - Baimasi Monastery, gắn với điển tích hai Ngài cùng con ngựa trắng mang Kinh Phật đến Trung Hoa được xây dựng. Và ký tự: Tự - si (寺) vẫn được giữ nguyên.⁹

Còn ký tự: Viện – yuan (院), ban đầu chỉ cho khoảng sân rộng trong nhà, được bao quanh bởi một bức tường hoặc một mái hiên theo kiến trúc truyền thống của Trung Quốc. Về sau, vào thế kỷ thứ 7 đời nhà Đường (Tang) vua Cao Tông (Gaozong) đã ban

hành sắc lệnh xây dựng tu viện: Đại Từ Ân Tự - Daci'ensi Monastery (大慈恩寺) cho Pháp sư Huyền Trang - Xuanzang (玄奘). Bên trong khu nhà có sân rộng để cho Pháp sư dịch kinh gọi là: Phiên Kinh Viện - Fanjing Yuan (翻經院). Kể từ đó, ký tự: Viện – yuan (院), (temple; monastery) bắt đầu được sử dụng để chỉ chung cho các tu viện: nơi ở của tu sĩ Phật giáo, và các tín đồ Phật giáo tham gia vào các hoạt động tôn giáo.¹⁰

Đó là khởi nguyên của tên gọi: Tự viện. Qua đến nước ta Tự được Việt hóa là “chùa” đọc trại thành “chùa chiền”, và đi lễ chùa đã trở thành một nét văn hóa đặc trưng trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam.



*Bích Vân Thiên tự tại
Sun World Fanxipang Legent - Sapa - Lào Cai*

3. Đi lễ chùa đầu xuân: Nét đẹp văn hóa đặc trưng của người dân Việt

Thời xưa, dịp Xuân về, nam thanh nữ tú coi dịp đi lễ chùa như một cơ hội để tìm ý trung nhân, gặp gỡ người trong mộng. Dưới mái chùa cong nghiêng, ẩn mình khiêm hạ dưới lũy tre xanh, muôn mặt đời sống văn hóa, tinh thần của người dân vùng lúa nước được tái diễn như bình văn, làm thơ, viết thư pháp, hát đối, diễn tuồng...vv. Hình ảnh các cô thiếu nữ đi lễ chùa đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận cho thơ ca, nhạc họa:

Hôm nay đi Chùa Hương,

Hoa cỏ mờ hơi sương.¹¹

Xuân về, đi lễ chùa đã trở nên rất quen thuộc, gần gũi, rất đời dung dị như một phần tất yếu của cuộc sống, không thể tách rời khỏi đời sống cộng đồng:

Ngày Xuân đi hội lễ chùa

Nam thanh nữ tú bỏ bùa cho nhau

Ước duyên, duyên thăm trâu cau

Ước tình, tình mãi một màu thủy chung¹²

Như thế, mái chùa mặc nhiên là một trung tâm giáo dục ý thức cộng đồng, tình yêu quê hương đất nước, lòng chung thủy sắt son. Tình yêu theo quan điểm nhà Phật không chỉ để thỏa mãn các cảm giác của căn, trần, thức, nó phải dựa trên nền tảng

đạo đức của Ngũ giới. Vì thế, đến chùa lễ Phật, họ coi Phật không chỉ là chứng nhân cho tình yêu đôi lứa, hơn nữa họ coi đức Phật như một chỗ dựa về mặt tinh thần, và họ lên chùa để giải bày tâm sự cùng đức Phật.

Đi lễ chùa đầu Xuân còn là nguồn vui sống, điểm tựa tâm linh, tinh thần cho con người ta sau khi nhận ra ý nghĩa thật sự của kiếp nhân sinh như khách qua đường, thế mới nói: “*Trẻ vui nhà, già vui chùa*” qua hình ảnh:

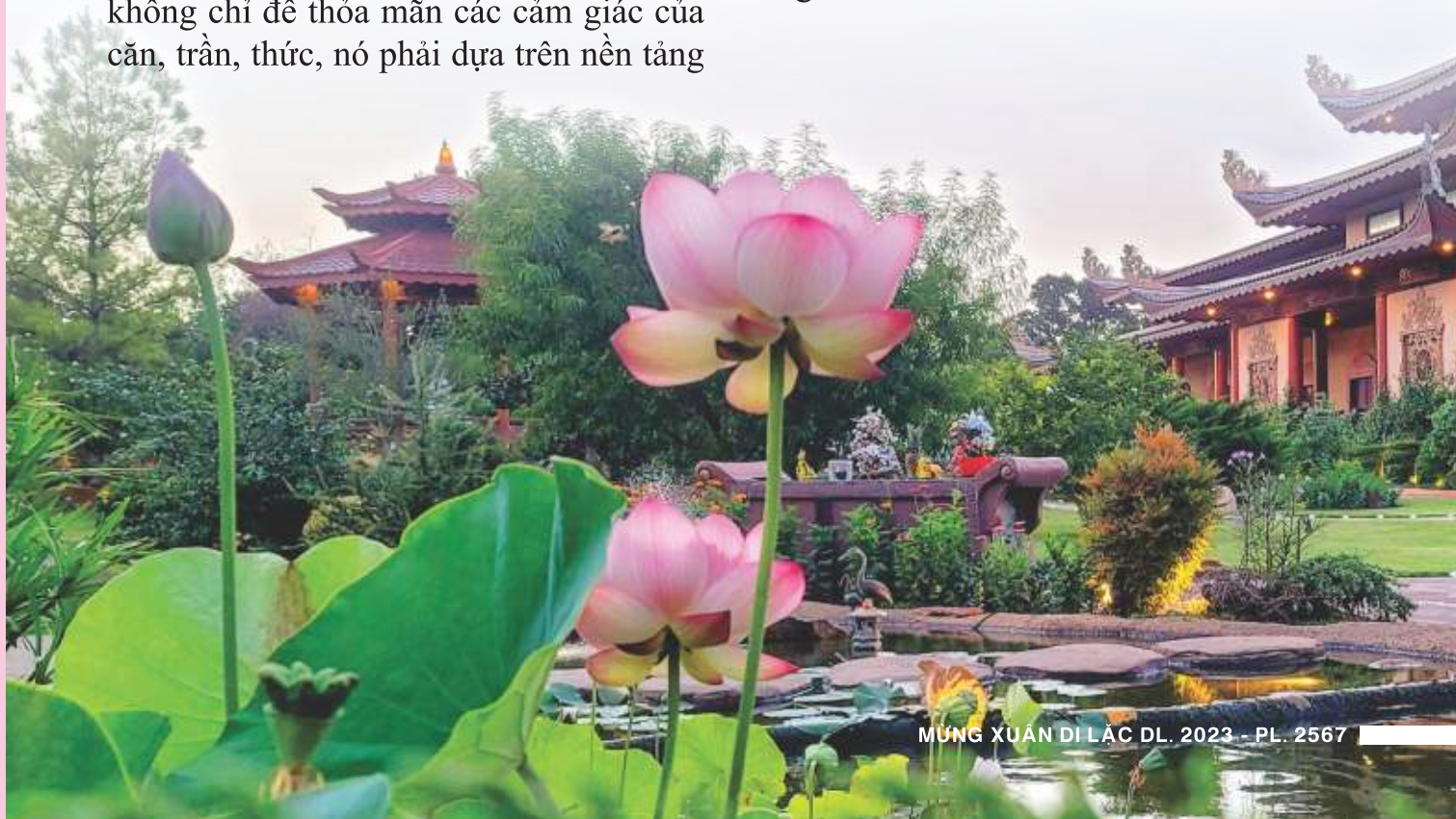
“Trên đường cát mịn, một đôi cô

Yếm đỏ, khăn thâm, trẩy hội chùa

Gậy trúc dắt bà già tóc bạc,

Tay lần tràng hạt miệng nam mô¹³

Sinh thời, đại thi hào Vương Duy - Trung Quốc được gọi là “thi Phật”; đi chùa lễ Phật không chỉ giúp ông tự tại trong cõi hồng trần cuộn cuộn, chốn quan trường mưa máu, gió tanh, nó còn là nguồn cảm hứng sáng tạo, giúp ông thăng hoa mọi cảm xúc sâu kín nhất của tâm hồn. Ông từng cảm thán:



Nếu có 23 tỷ VNĐ, tỷ phú Elon Musk¹⁴ sẽ bán cho chúng ta một vé du lịch trên sao Hỏa, vì chức năng của khoa học là giúp khám phá thế giới tự nhiên, nhưng khoa học chưa hoàn toàn giúp chúng ta thỏa mãn khi tìm hiểu thế giới nội tâm con người. Nói theo ngôn ngữ của các thi sĩ thì:

*Linh hồn ta còn u ẩn hơn đêm
Ta chưa thấu nữa là ai thấu rõ.*¹⁵

Và vì thế, con người luôn cần phải dựa vào tôn giáo, và họ đi chùa lễ Phật như một lẽ đương nhiên; vì tôn giáo là vấn đề tư tưởng, là tình cảm, niềm tin của quần chúng nhân dân nói chung, và tín đồ nói riêng, phương Tây gọi đó là An ninh tôn giáo (Religion-Security).¹⁶ Đặc biệt, vài năm gần đây, xu hướng đi lễ chùa dịp Tết tăng cao, nhất là các tỉnh thành phía Bắc; do ảnh hưởng văn hóa, phần vì đất chật, người đông, quỹ đất dành để xây các khu vui chơi giải trí văn hóa lành mạnh quá ít. Nên đi chùa lễ Phật vừa với mong muốn những điều tốt đẹp nhất trong năm mới là lựa chọn hợp lý nhất.

Xuân Quý mão – 2023 đã gần kề, nào hãy lên chùa lễ Phật, vì niềm tin gửi gắm nơi đức Phật cũng giống như sóng wifi, chúng ta không nhìn thấy nó, nhưng hiệu năng và sự lan tỏa của nó khiến chúng ta như được tiếp thêm sức mạnh và biến mọi ước nguyện thành sự thật.



* Tài liệu tham khảo:

1. Nguồn: I. B. Horner, (trs), Majjhima Nikāya (The Collection of The Middle Length Sayings), Vol. II, 'Majjhimapanāsa' (The Middle Fifty Discourse), Kīṭāgirisutta 70 (Discourse at Kīṭāgiri) (Delhi: Motilal Banarsidass, 2004), 146.
2. Arāmās nghĩa là một khu rừng nhỏ, một vườn cây, nơi có cảnh đẹp. Xem: Monier Williams, A Sanskrit English Dictionary Etymologically and Philologically Arranged (Delhi: Motilal Banarsidass, 2011) 150.
3. Nguồn: Sukumar Dutt, Buddhist Monks, and Monasteries of India: Their History and Their Contribution to Indian Culture (Delhi: Motilal Banarsidass, 3rd (Reprint), 2015). 58.
4. Nguồn: I. B. Horner, (trs), Vinaya Piṭaka (The Book of The Discipline – Luật Tạng) Vol, IV (Mahāvagga I) (rpt), (London: Luzac & Company LTD, 1962) 51.
5. Xem: Vinaya Piṭaka, Sđd., 317.
6. Xem: Sukumar Dutt, Sđd., 62 – 63.
7. Nguồn: Jagdish Chand, Education in Ancient and Medieval India (Delhi: Anshah Publishing House, 1st, 2007) 71.
8. Nguồn: Zuo zhuan 左傳, 107, noted by Kong Yingda in Tang Dynasty: “Since the Han Dynasty, the offices of Three Gong have been known as fu, and the offices of Nine Qing have been known as si.” (自漢以來，三公所居謂之府，九卿所居謂之寺); Han shu 漢書, 282, “All places that belong to government offices and the court are all known as si.” (凡府廷所在，皆謂之寺).
9. Nguồn: <http://tripitaka.cbeta.org/T54n2126>, Da Song sengshi lue 大宋僧史略, p. 236 T2126 大宋僧史略
10. Sđd., p. 236 T2126.
11. Trích: thơ Nguyễn Nhược Pháp trong bài: “Chùa Hương”.
12. Trích: thơ Lê Xuân Trường trong bài: “Xuân đi lễ chùa”.
13. Trích: thơ Nguyễn Bính trong bài: “Xuân về”
14. Ông là người sáng lập và điều hành của nhiều những thương hiệu nổi tiếng như: PayPal, Tesla, Space X..., người Mỹ gốc Nam Phi.
15. Trích: thơ Xuân Diệu trong bài: “Xa cách”.
16. Nguồn James K. Wellman, Jr., and Clark B. Lombardi, (eds) Religion and Human Security: A Global Perspective, (Oxford: Oxford University Press, 1st, 2012) 10.

Mùa xuân là mùa khởi đầu của sự sống không đơn giản chỉ vì đây là mùa vạn vật sinh sôi nảy nở, mà trong Phật giáo, mùa xuân còn là biểu trưng cho sự trường tồn của Đạo pháp vì gắn bó với rất nhiều sự kiện quan trọng liên quan đến Đức Phật, trong đó đặc biệt có sự kiện Đức Phật thành Đạo (Mồng Tám tháng Chạp). Chính vì thế, cứ mỗi độ tết đến xuân về trong lòng những người con Phật lại trào dâng niềm hỷ lạc vô tận. Đường như ai cũng muốn được sống với niềm hạnh phúc trong chánh pháp, muốn được tận hưởng hương xuân nồng nhiệt, đầy ắp của Tì - Bi - Hỷ - Xả.

Đức Phật THÀNH ĐẠO SỰ KHỞI ĐẦU CHO MỘT MÙA XUÂN Bất Tận

Đại đức Thích Khải Thành

Trụ trì Chùa Pháp Bảo, Biên Hòa, Đồng Nai

Ngày Mồng Tám tháng Chạp hàng năm, thời điểm đánh dấu những ngày tháng lạnh giá của mùa đông sắp kết thúc và nhà nhà háo hức chuẩn bị đón một mùa xuân mới. Trong dòng chảy thiêng liêng ấy, theo dấu chân Phật, những người con Phật lại trở về với những ngôi già lam, dưới sự hướng dẫn của các bậc chân tu để cùng nhau:

*“Chấp tay lay ánh sao trời
Đêm Người Giác Ngộ luân hồi vỡ tan
Cuộc đời nhân loại sang trang
Kể từ khi Ánh Đạo Vàng rạng soi”.*

Có thể nói, nếu mùa xuân hồi sinh sức sống cho muôn loài, thì Đức Phật thành Đạo là sự hội sinh cho nhân loại. Bằng chính cuộc đời và sự chứng đắc của mình, Ngài đã chỉ cho nhân loại biết khổ đau chính là do con người tự tạo ra, nên cũng chính con người phải tự mình diệt khổ, phải tự mình triệt phá vô minh và tham ái để đi tới sự giải thoát cho mình. Không ai ban phước hay giáng họa cho ta cả. Chỉ có vì vô minh và tham ái nên ta tự làm khổ mình mà thôi.

Nếu không có Đức Phật khai mở trí tuệ, chắc chắn nhân loại vẫn đắm chìm trong khổ đau. Cho nên, cuộc đời Đức Phật là những trang sử hùng tráng để khởi đầu và tạo dựng mùa xuân cho nhân loại – mùa xuân trong ánh Đạo vàng. Thật khó có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ của thế gian về sự vi diệu và ý nghĩa của Đêm Thành Đạo thiêng liêng ấy, cái đêm khiến cho Đức Phật từ một người thế gian trở thành bậc Vô thượng Chánh đẳng, Chánh giác. Nhưng đó không phải là sự thể nhập đột ngột tự phát của tri kiến, cũng không có sự bật phát bất ngờ giống như cơn mưa mùa hạ, hay sự trở lạnh đột ngột của thời tiết



khi gió mùa đông bắc tràn về; mà trái lại đó là một quá trình xua tan tất cả những cực đoan mê mờ sau 49 ngày dưới gốc cây Bồ Đề, để rồi đến canh ba của đêm Mồng Tám tháng Chạp lịch sử ấy, khi Sao Mai vừa lên, Ngài sưởi ấm thế gian bằng sự chứng ngộ trong ánh sáng của trí tuệ và từ bi. Giống như mùa xuân, cứ lặng lẽ ..., âm thầm ..., đi tới đâu mang hơi ấm của sự sống tới đó.

Cả cuộc đời Ngài là bài học sống động về đức hạnh, về tâm từ bi, đức hy xả và hạnh nguyện độ sinh không ngừng nghỉ. Sự kiện Thành Đạo của Ngài chính là thông điệp: Tình Thương - Bình Đẳng - Trí Tuệ - Hoà Bình được gửi đến nhân sinh và vũ trụ. Và cũng nhờ đó mà chúng ta tỉnh ngộ: thế gian là vô thường, cuộc đời là quán trọ, không có gì là vĩnh viễn. Thân ta cũng chỉ là giả tạm, cũng sinh diệt theo vô thường. Chính vì vậy phải vươn lên, sớm trở về với Phật tính nơi bản thân mình và lấy đó làm lẽ sống. Được như vậy là chúng ta đã biết hoà nhập với mùa xuân bất tận bằng cuộc hành trình tự thân tu tập, tự thân an lạc của mình.

Không giống các bậc thầy đương thời luôn dạy con người phải tin nhận tuyệt đối và trung thành với các đáng bệ trên. Ở cương vị là người dẫn đường, Đức Phật vẫn luôn nhắc nhở: giáo pháp của Ngài không phải là phải là tín điều, chỉ được tin mà không được hiểu: *“Tin ta mà không hiểu ta là phi bát giá ta”*. Giáo pháp của Đức Phật chính là chân lý đến để mà thấy, để chứng nghiệm bằng tự thân của mỗi cá nhân trong đời sống hàng ngày. Vì vậy, con người phải luôn thức tỉnh trước những tham vọng mù quáng và si mê, tà kiến của mình; tốt hay xấu, hạnh phúc hay khổ đau đều do chính mình quyết định. Ngài đã chỉ dạy tường tận và đầy đủ các phương pháp để cho mỗi cá nhân tu tập, mở mang trí tuệ để có được sự an lạc; không chỉ vì an lạc của bản thân mà cho tất cả mọi loài.

Là người con Phật, chúng ta phải

luôn tích lũy hạnh phúc trong thiện sự mỗi phút giây trong đời. Niềm an vui từ dòng suối pháp mà Đức Phật ban cho là:

“Không làm các việc ác
Siêng làm các việc lành
Giữ tâm ý thanh tịnh”.

Và khi chúng ta sống với niềm vui chánh pháp thì quanh năm suốt tháng lúc nào với ta cũng là mùa xuân - mùa xuân của Đạo Pháp.

Vũ trụ tuần hoàn, đang quay lại khoảnh khắc thiêng liêng của đêm Mồng 8 tháng Chạp năm ấy. Không ngôn từ nào có thể diễn tả hết niềm hạnh phúc, biết ơn của chúng ta đối với sự kiện Đức Phật thành Đạo. Mong sao Ánh Đạo Vàng mà Ngài mang đến sẽ tiếp tục phá tan vô minh, mê mờ và mọi sợ hãi, hận thù, đem lại an vui và hòa bình cho nhân loại. Bởi vì sự vi diệu trong giáo pháp của Đức Phật chính là sự chuyển hóa tâm thức của con người theo chiều hướng tích cực. Việc tu và thực hành theo lời dạy của Ngài chính là con đường giúp chúng sinh vượt mọi phiền não khổ đau và chứng nghiệm niềm an vui, hạnh phúc trong chánh Pháp, để từ đó vững tin bước đi trên con đường giác ngộ, giải thoát.

May mắn thay cho nhân loại vì có Đức Phật, có đạo lý thiêng liêng cao cả để nương tựa và thực hành. Trong suốt 45 năm thuyết pháp độ sinh, Đức Phật đã để lại cho nhân loại một kho tàng chân lý vô cùng quý báu. Chân lý ấy vẫn mãi mãi ngời sáng và soi rọi khắp năm châu. Việc đem ánh sáng của Đạo Phật đến với cuộc đời đã trở thành sứ mệnh thiêng liêng và cao cả của những người đệ tử Phật.

Ngày nay, Phật giáo đã được lan truyền và đi vào cuộc sống của nhiều quốc gia ở các châu lục trên thế giới. Thế giới reo vui hoan ca đón nhận ánh sáng giác ngộ từ Đức Phật – bậc thầy của Nhân, Thiên. Để ghi nhận những đóng góp thiết thực của Phật giáo cho thế giới về đạo đức, hòa bình, bình đẳng, bảo vệ môi trường,



v.v... ngày 15 tháng 12 năm 1999, Đại hội đồng Liên hợp quốc đã ra Nghị quyết công nhận Lễ Vesak là ngày Đại lễ của thế giới, là Lễ Hòa bình Liên hợp quốc (LHQ). Theo tinh thần của Nghị quyết, từ năm 2000 trở đi Đại lễ Vesak LHQ được tổ chức hằng năm, không những tại trụ sở chính của Liên hợp quốc - thành phố New York, nước Mỹ mà tại trụ sở của các nước thành viên cũng đều được tổ chức một cách trang trọng.

Đất nước Việt Nam của chúng ta đã vinh dự 3 lần được đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak LHQ, đó là: Đại lễ Vesak LHQ lần thứ V, năm 2008, Phật lịch 2552, tổ chức tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình, Hà Nội; Đại lễ Vesak LHQ lần thứ XI, năm 2014, Phật lịch 2558, tổ chức tại Chùa Bái Đính, tỉnh Ninh Bình và gần đây nhất là Đại lễ Vesak LHQ lần thứ XVI, năm 2019, Phật lịch 2563, tổ chức tại Chùa Tam Chúc, Tỉnh Hà Nam, với chủ đề: “Cách tiếp cận của Phật giáo về sự lãnh đạo toàn cầu và trách nhiệm cùng chia sẻ vì xã hội bền vững”. Vesak LHQ lần thứ XVI với sự tham gia của hơn 100 quốc gia trên thế giới, được tổ chức thành công rực rỡ đã chứng tỏ vị trí vô cùng quan trọng và tầm vóc to lớn của Phật giáo Việt Nam đóng góp cho nhân loại và cho mùa xuân của Đạo pháp.

Thời gian cứ lặng lẽ trôi, mọi thứ đã, đang và sẽ nhạt nhòa bởi lớp bụi của thời gian, chỉ có mùa xuân được khởi đầu bằng sự kiện thành Đạo của Đức Phật là bất diệt. Mặc dù Ngài nhập Niết Bàn đã hơn 2500 năm, song những lời dạy của Ngài vẫn vang vọng trong tâm trí của mỗi người con Phật chúng ta, nhắc nhở chúng ta hãy nhìn thẳng vào cuộc đời để chọn cho mình con đường đi, tự rèn luyện mình trở thành những người sống có ích cho cuộc đời và cho tha nhân. Trong niềm hỷ lạc vô tận chào đón sự kiện kỷ niệm Ngày Đức Phật Thành Đạo, thấm nhuần Chánh pháp, chúng ta sẽ thấy mùa xuân tràn khắp cõi lòng. Chúng ta hãy cùng an trú vào Mùa Xuân ấy, Mùa Xuân bất tận với ánh Đạo vàng rực rỡ mà Đức Phật cống hiến cho nhân loại.

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật!



*** Tài liệu tham khảo:**

1. Bài kệ 183, Kinh Pháp Cú
2. TK. Thích Quảng Phước (2019) <http://phatgiaodaklak.org/mobile/y-nghia-nguon-goc-ngay-dai-le-vesak-lien-hop-quoc.html>
3. TK. Thích Tánh Tuệ (2021), <https://thuvienhoasen.org/a31084/cam-niem-dem-phat-thanh-dao> (Oxford: Oxford University Press, 1st, 2012) 10.



Sự kiện Phật thành đạo không chỉ là một cuộc chinh phục vĩ đại, một chiến thắng về vang đối với bản thân Ngài mà còn là một sự khai sáng tuyệt vời cho hết thảy nhân

loại. Sở nguyện của Đức Phật là tìm ra

nguyên nhân khiến con người trôi lăn trong vòng

luân hồi sanh tử, rồi từ đó tìm ra con đường chấm dứt mầm mống sanh tử.

Có thể tóm tắt sự kiện Phật thành đạo như sau: Khi ấy Bồ-Tát, Tất-Đạt-Đa đúng năm 35 tuổi. Ngày 20 tháng 10 âm-lịch, Ngài lên tòa nhuyển thảo dưới cội cây Bồ-Đề và Bồ-Tát đã lập lời thệ nguyện lớn “ Ta ngồi tòa Bồ-Đề, nếu không chứng được đạo quả vô thượng, thì dầu cho thân thể tan nát, ta quyết không đứng lên rời khỏi Bồ-đề này.” (Kinh Trang-Nghiêm: ... Bồ tát diện hướng đông phương, u tịnh thảo thượng, kiệt già phu tọa, đoan thân chánh niệm, phát đại thệ ngôn :Ngã kim nhược bất chứng đắc vô thượng Bồ-đề, ninh khả tở kỳ thân chung, bất khởi thử tòa”). Và, Ngài tiếp tục tịnh tọa đến 49 ngày sau, đến canh 5, Sao Mai vừa sáng tỏ, giờ Sửu, mừng 8 tháng chạp, Bồ-Tát “Hoát nhiên Đại ngộ” Chứng Thành Đạo Quả Vô-Thượng Bồ-Đề.

Ý nghĩa của sự Thành Đạo.

Thành-Đạo nghĩa là gì ? Tại sao không nói kỷ niệm ngày đắc đạo hay chứng đạo? Bài viết này muốn làm rõ các khái niệm về tu chứng, chứng đắc mà có thể đưa đến sự nhầm lẫn về danh từ và dễ rơi vào các phương pháp tu luyện của ngoại đạo.

Nói đến hai chữ Thành-Đạo có rất nhiều từ nghĩa. Thành Đạo cũng đồng nghĩa như Thành Phật. Phạm ngữ của Thành Phật là BUDDHO BHAVATI, và các đồng nghĩa: Đắc-đạo, Thành-Chánh-Giác, Thành-Bồ-đề, Chứng-Bồ-đề, Hiện-đăng-giác, Đắc-Phật-quả, Chứng-vô-thượng-đạo... Chánh biến tri, thập hiệu cụ túc, phiền não, vô minh tận diệt, diệt hết, lâu lâu sáng suốt, quá hiện vị lai biến mãn pháp giới, vô lượng vô biên nhiều và nhiều lắm! Tổng nghĩa là: “Nhơn hạnh của Bồ-Tát đã đầy đủ, tự lợi đã hoàn thành, đức lợi tha viên mãn và đã đến cảnh giới rốt ráo tối thượng của vô-thượng Bồ-đề.”

Mặt khác, Thành đạo là Phật đã đi hết, đã cuối đoạn đường mà Bồ tát đã phải đi, đã thể nhập tận cùng trong nhỏ tận cùng và trùm hết cái lớn tận cùng lớn, tức là đã đạt được bao trùm cả đại đạo, là bề cả của muôn sông, là không giới của Vũ-trụ, là bao hàm cả vũ trụ vô sở hữu và biến nhập trong tất cả và ngoài của tất cả và còn gọi là Nhất thiết chủng trí.

Thành Đạo HAY Đắc Đạo

Tỳ kheo Thích Huệ Sanh

Như vậy sự thành đạo của Đức Phật là sự trở về trọn vẹn của sự giác ngộ không còn bóng dáng nào của dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu hay còn gọi là lậu tận. Và sự trở về vĩ đại này hay thành đạo đều có sẵn ở nơi mỗi chúng sanh và đức Phật dạy rằng, “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”. Vậy thì ý nghĩa rốt ráo của sự Thành đạo là nhận ra và hằng sống với con người chân thật chính mình đến khi công viên quả mãn.

Hành giả tu tập Phật pháp phải hiểu rõ là không có sự chứng đắc nào từ bên ngoài vào vì “Vô sở trí diệt vô sở đắc”. Như vậy cốt lõi của sự thành đạo là gì? Cốt lõi của đạo Phật khác với các tôn giáo khác. Hầu hết các tôn giáo khác đều cố gắng rèn luyện hay tu luyện để trở thành, để đạt được một lý tưởng gì đó mà họ đề ra tức là có đề ra một mục đích để đạt tới ở tương lai, còn Đạo Phật không tu luyện để đạt được cái gì cả.

“Mục đích của Đạo Phật là giác ngộ, thậm chí giải thoát cũng không cần vì giác ngộ là chính, còn giải thoát chỉ là hiệu ứng của giác ngộ. Giác ngộ của Đạo Phật đơn giản chỉ là thấy ra Sự Thật mà thôi”. (trích HT. Viên Minh)

Về mặt Hóa độ chúng sanh mà nói thì sự Thành Đạo không chỉ cho riêng Đức Phật mà cho chúng sanh. Sau khi chứng ngộ, Đức Phật đem những “Giác ngộ chân thật” mà Phật đã chứng ngộ và, suốt 45 năm, Phật nói vô lượng Pháp môn (phương pháp) để dìu dắt không riêng cho con người mà cho nhiều loại sinh linh khác đồng chứng ngộ, được giác ngộ giải thoát như Phật. Vì, giá trị nhân bản của con người là giá trị Phật và những lời Phật dạy là sự “Ứng Dụng của Thành Đạo”

Như vậy ý nghĩa Đức Phật thành đạo có thể tóm tắt như sau: Thành đạo nghĩa là các pháp được nhìn dưới cái nhìn vô chấp thủ, được thấy thoát ly các tướng hay Vô ngã tướng. Thành đạo là trở về Thật pháp, trở về “Vô sinh”, “Tịch diệt”, vượt qua mọi ý nghĩa đối đãi của thường, đoạn, khứ, lai, hữu, vô, sinh và diệt. Và ý nghĩa quan trọng nhất trong sự kiện Thành đạo của Thế Tôn đó là: *“mở ra cho nhân loại một con đường thoát khổ, một niềm tin thoát khổ”.*

Bài viết có tham khảo một số tư liệu của chư Tôn Hòa thượng với mục đích chính là chia sẻ Phật Pháp cũng như đóng góp bài viết cho Nội san Bát Nhã xuân Quý Mão (2023) của Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên hòa. Có chút công đức lành nào xin hồi hướng đến khắp pháp giới chúng sinh đồng thành Phật Đạo.

LỜI KẾT:

Không nên:

Đọc chữ, dính mắc chữ
Đọc kinh, dính mắc kinh
Theo khái niệm nhân sinh
Nên xa mờ Tánh Giác.

Mà nên:

Thôi dính mắc con chữ
Ngộ ý hãy quên lời
Ngay thực tại thanh thoi
Sáng soi từng khoảnh khắc.

Chùa Thanh Long

Kỷ niệm ngày Phật thành Đạo, PL 2565 - DL 2022





TRIẾT LÝ TẾT

CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

GS-TS Nguyễn Trọng Đàn

Tết bắt đầu từ ngày mùng Một tháng Giêng theo Âm lịch. Tết là ngày đầu năm mới, trước hết và quan trọng nhất là mừng Một. Nhưng, trong ngôn ngữ cổ truyền của người Việt, bắt đầu từ 23 tháng Chạp, người ta gọi là “23 Tết”, cứ thế kéo dài đến 30 Tết. Đêm ấy - hay nửa đầu đêm ấy - được coi là tối tăm nhất trong năm - “*tối như đêm Ba Mươi Tết*” - Và ông Hùm được coi là thế lực đáng sợ nhất, tối tăm nhất nên lại được gọi là ông *Ba Mươi*. 30 Tết, qua *Giao thừa* lại được gọi là *Mùng Một Tết* rồi *Mùng Hai Tết* v.v cho đến ít nhất là *Mùng Bảy Tết* v.v... Lễ *Giao thừa* đón mừng xuân mới, đồng thời cũng là Lễ kỷ niệm Phật Di Lặc đản sinh nên Tết, nói riêng và mùa xuân nói chung, còn được gọi là *Xuân Di Lặc*.

Thật ra lễ đầu năm mới được gọi thu gọn là Tết, còn nếu gọi một cách đầy đủ thì dân gian nói là *Tết Cả* hay gọi theo tên chữ (Hán - Việt) là *Tết Nguyên Đán*. Nguyên là “đầu tiên”, Đán là “buổi sớm”. Theo nguyên nghĩa, *Nguyên đán* là buổi sớm đầu tiên của ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của năm mới. Vậy “*Tết Nguyên đán*” là “*Tết đầu năm mới*”.

Còn Tết Cả nghĩa là Tết hàng đầu, Tết đứng đầu, Tết to nhất và quan trọng nhất. Với tên gọi ấy, trong tâm thức dân gian đã tiềm ẩn cái ý là sau Tết Cả, có những tết khác, “tết con”, tết không to bằng, không quan trọng bằng Tết Cả.

Dân ta còn gọi nhiều lễ nữa trong năm là “Tết”, thí dụ “Tết mừng ba tháng Ba” (Hàn thực hay “tiệc bánh trôi”), “Tết Đoan Ngọ” (mùng 5 tháng 5), Tết “Trung Thu” (Rằm tháng Tám), “Tết Cơm mới” (mùng 10 tháng 10 hay mùng 1 tháng 10 tùy vùng).

Trong một năm, dân ta có Tết Cả và những cái Tết khác: tết con, tết nhỏ. Nói theo ngôn ngữ trí tuệ ngày nay, ta có một cái Tết (viết hoa) và nhiều cái tết (viết thường).

Vậy Tết theo nghĩa rộng bao hàm những định kỳ lễ lạt trong năm và quanh năm.

Tết vẫn nương theo thời tiết tự nhiên chuyển vần theo mùa vụ, chẳng hạn tết Đoan Ngọ là khoảng trước sau ngày Hạ chí, tết Cơm mới ở khoảng tiết Đông chí, tết Trung Thu ở khoảng tiết Thu phân v.v.... Có điều là giữa Văn hoá và tự nhiên có một độ dung sai nhất định, không hoàn toàn trùng khít với nhau.

Theo GS Trần Quốc Vượng “*Tết cổ truyền là cái nhìn tâm linh huyền thoại mang tính biểu trưng, với nhiều biểu tượng và pha màu Đạo giáo. Bảy ngày trước ngày đầu năm mới, tức 23 tháng Chạp là ngày chết tạm thời của vũ trụ, theo ước lệ.*” Bảy (7) là con số thiêng biểu tượng của vũ trụ, chỉ cái Toàn thể, như 3 hồn ở Tim; 7 vía ở Rốn trong toàn thể hồn vía một người đàn ông; như Đức Phật sơ sinh bên Ấn Độ bước đi 7 bước, tức khắp vùng thế giới.

Ngày 23 Tết được gọi là Tết Ông Công Ông Táo. Người ta làm cỗ cúng tiễn “ông Táo châu Giời”, người ta mua cá chép sống rồi thả phóng sinh xuống ao, hồ, sông lạch. Người ta dựng Cây Nêu, mang ý nghĩa phổ quát của Cây Vũ Trụ. Sự tích cây nêu Việt Nam là một huyền thoại đã được Phật hóa. Trên cành của cây treo áo cà sa của đức Phật để xua đuổi quỷ dữ, là những thế lực hắc ám và bóng tối lợi dụng lúc cuối năm vô chủ thần linh đã tiến vào dương thế tranh giành lãnh thổ với con người. Vì mặt trời đi ngủ nên phải dựng cây nêu để đón ánh sáng và để mặt trời có chỗ đậu và cũng vì thế cây nêu còn gọi là cây Mặt Trời. Từ ngày 23 Tết xưa kia, mọi công việc đồng áng, làm ăn buôn bán, học hành ... đều tạm dừng. Đó là sự dừng nghỉ hoàn toàn, để hợp với cái chết tạm thời của vũ trụ.

Sau Tết Ông Công Ông Táo là Giao thừa, điểm thời gian chuyển tiết giữa năm Cũ và năm Mới, được huyền thoại quan niệm như sự giao hoà Âm - Dương, phối ngẫu Đất Trời, để từ trong cái Chết – cái Cũ nảy sinh sự Sống – cái Mới. Một ông Táo mới - hay cũ mà đổi mới - lại xuống trần

thể làm chủ nhà - bếp - đất.

Tín ngưỡng cơ bản của người tiểu nông Việt Nam trồng lúa nước, pha đậm đặc thêm bởi ảnh hưởng Đạo Nho, là sự thờ cúng tổ tiên.

Cùng với mâm cỗ cúng Ông Táo cũ 23 Tết là cỗ cúng tổ tiên. Cùng với mâm cỗ cúng đón Ông Táo mới phút giao thừa ngoài sân là mâm cỗ cúng Tổ tiên trên bàn thờ trong nhà ở gian giữa.

Trong 3 ngày đầu năm người ta thường xuyên sửa cỗ dâng cúng để Tổ tiên được hưởng hương hoa lễ vật; còn con cháu thụ lộc trong tinh thần cộng cảm (communion) gia đình và người thân.

Tình cảm gia đình của người Việt Nam xưa nay rất nặng: Tháng Giêng ăn Tết ở nhà. Dù đi làm ăn buôn bán học hành nơi



đâu quanh năm suốt tháng, gần ngày Tết người ta cũng tìm mọi cách trở về quê, về nhà để cúng Tổ tiên, sum họp gia đình, cộng cảm cùng thân quyến nội ngoại. Lối sống, thể ứng xử Việt 3 ngày Tết là: *Mừng Một thì ở nhà Cha, Mừng Hai nhà Mẹ, mừng Ba nhà thầy*. Đây là đạo đức, hiếu lễ, và tôn sư, trọng đạo của Nho học của người Việt.

Vì Tết là đổi mới, là sức sống mới nên gam màu chủ đạo của việc trang trí là

màu Đỏ - màu Máu, màu của sự sống và sự tái sinh: Pháo đỏ, câu đối đỏ, tranh Tết cũng có màu đỏ. Ở góc độ tâm linh, ma

quỷ sợ màu đỏ nên những ngày vũ trụ vô chủ thần linh người ta dùng màu đỏ để xua đuổi chúng.

Tết là sự trình diễn những món ăn dân tộc: Giò, Chả, Vây bóng, Thịt mỡ, Dưa hành. Đúc kết biểu trưng Tết, không gì cô đọng súc tích bằng đôi câu đối:

Thịt mỡ - dưa hành - câu đối đỏ.

Cây nêu - tràng pháo - bánh chưng xanh.

Như bất cứ lễ hội nào, Tết cũng có những thủ tục và những điều kiêng kị. Thủ tục tắm gội tất niên, mặc quần áo mới, nói lời hay ý đẹp, chúc tụng năm mới, hái lộc, xuất hành, khai bút v.v... Đời Lý Trần có tục lệ rất nhân văn: Trai gái nhà nghèo được phép lấy nhau làm vợ làm chồng vào lúc Giao thừa, không cần cưới hỏi. Tết kiêng kị nói năng thô tục, kiêng quét nhà đổ rác; người có tang kiêng đến nhà người khác v.v...

Sau 3 ngày Tết, người ta làm cỗ cúng hóa vàng cúng tiễn tổ tiên từ dương cơ người đang sống trở lại âm phần.

Từ phút Giao thừa, sự sống hồi sinh tới ngày 7 thì được coi là hoàn toàn hồi phục.

Mùng 7 Tết là ngày Khai hạ, hạ nêu coi như mừng kết thúc Tết. Người ta lại làm lễ *mở cửa rừng*, lại làm lễ *khai ấn*, lễ *Tịch điền*, rồi *khai trương*, *khai bút*...

Ngày xưa “*ra Giêng ngày rộng tháng dài*”, người ta bước vào mùa Hội hè đình đám: Hội hát Xoan đất Tổ, Hội ca Quan họ Bắc Ninh, hội Tổ tôm điểm vùng Kinh bắc. Hội pháo Đồng Kỵ, Phủ Từ Sơn, Bắc Ninh từ mùng 4 Tết là sinh hoạt cộng đồng sớm nhất trong năm mới và các hội làng rải rác suốt mấy tháng Xuân. Người ta trẩy hội chùa Hương tháng Hai cho đến hội chùa Dâu tháng Tư và kết thúc với hội Gióng, vào 9 tháng 4, hội đầu mùa mưa.

Sau đó lại là một năm làm ăn mới, với hy vọng, lo âu và bất trắc...

Tết Dương lịch được chính thức áp dụng trong các công sở Đông Dương từ thời thuộc Pháp. Sau đó, Dương lịch cũng được dùng và xâm nhập vào các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Tâm thức dân

gian giờ có hai hệ quy chiếu thời gian. Hệ Dương lịch trở thành hệ chính thống và hệ Âm lịch là hệ dân gian.

Hệ văn hoá dân gian với cái Tết và các tết, với các lễ hội truyền thống tới những năm cuối của thập kỷ 50 thì vẫn vậy.

Tháng Giêng ngày xưa là tháng ăn chơi. Tháng Giêng ngày nay càng là tháng *chơi và ăn*. Người ta chú trọng chơi hơn là ăn. Người giàu đi du lịch nước ngoài; đại gia đi canavan; cánh giang hồ thời @ chọn đi phượt. Thôi thì đủ kiểu lên rừng xuống biển. Nhiều người mải miết chơi bời đến quên cả Tổ tiên, ông bà cha mẹ, quên cả quê hương bản quán. Sau Tết vẫn ăn tết, càng chơi tết. Ở miền Bắc trong cái man mát mưa xuân, không khí Tết còn tết hơn cả Tết. Từng đoàn xe đủ loại sang-hèn xuôi về Nam Định, ngược lên Bảo Hà, rẽ sang Bắc Ninh, vào chùa Hương, lên Yên Tử... Đình làng, chùa nước; đền to, phủ lớn; chỗ nào cũng đầy người lễ Thánh, lễ Phật, chơi xuân và trẩy hội với *ngựa xe như nước áo quần như nêm*. Đúng là Tết và vui như Tết./.

(Theo GS-TS Nguyễn Trọng Đan. 2011. *Văn hóa Âm thực Truyền thống Việt Nam*. NXB Lao Động-Xã hội.



*** Lời Ban Biên tập:**

Bài viết do chính GS.TS Nguyễn Trọng Đan rút gọn để đăng Nội san Bát Nhã số 4.

Sự kiện lớn đầu tiên của năm mới theo đạo Phật là tán thán, tụng kinh và niệm Phật: “Nam Mô Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Tôn Phật”. Đây là sự cử hành chung của các ngôi chùa khắp nơi trên thế giới. Vì vậy, điều này được cho rằng ngày đầu tiên của năm mới là ngày Đức Phật Di Lặc đản sinh. Thật ra, Đức Di Lặc vẫn là một vị Bồ tát, hay là vị Phật tương lai.

023
NỘI SAN BÁT NHÃ



Hạnh Từ Bi

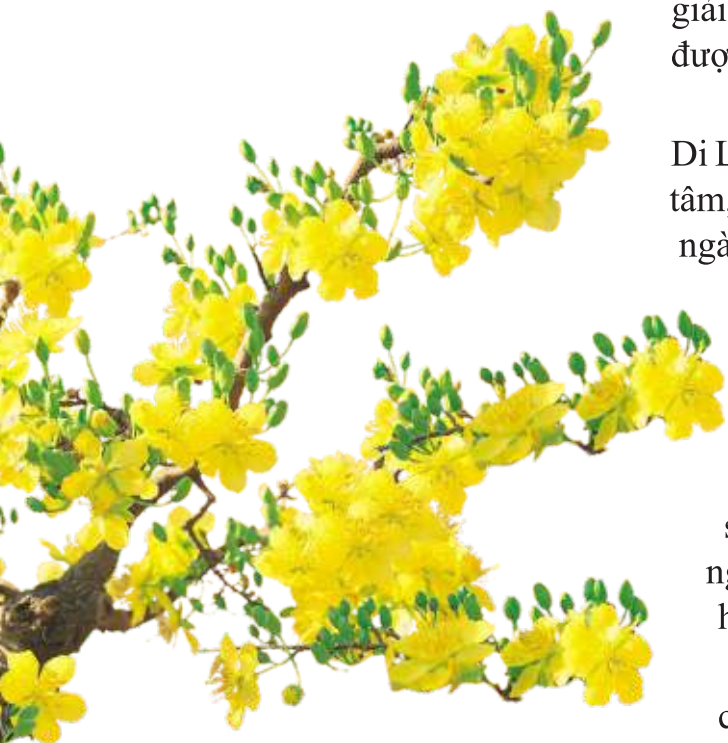
CỦA BỒ TÁT DI LẶC

Tỳ kheo Thích Thiện Thọ

Điều này có nghĩa là sự kiện lớn đầu tiên trong năm mới của những người tu học Phật là cùng chung lời phát nguyện: mong Đức Phật Di Lặc hạ sinh trên thế giới này. Mặc dù trong “Kinh Phật Thuyết Di Lặc Hạ Sanh Thành Phật” có nói rằng Đức Phật Di Lặc đến thế giới này, ngài phải trải qua một vài kiếp, nhưng các đệ tử Phật hy vọng Đức Phật Di Lặc sẽ sớm ra đời. Đây là nguyện vọng sâu xa của người nghiên cứu Phật học, là việc rất có ý nghĩa. Vì Bồ tát Di Lặc hạ sinh thành Phật có hai lợi ích:

1. Thế giới khi Đức Di Lặc hạ sinh thành Phật khác với đời ngũ trược ác thế hiện tại chúng ta đang ở, thế giới của Phật Di Lặc là thanh tịnh và hạnh phúc. Theo “Phật Thuyết Di Lặc Lai Thời Kinh” có nói, lúc đó thế giới của ngài hòa bình, dân cư đông đúc, giàu có vô lượng, không có khổ đau và khốn khổ, vô cùng hạnh phúc.

2. Khi Bồ tát Di Lặc hạ sinh thành Phật, Phật pháp hưng thịnh, có nhiều người phát



tâm xuất gia, nhiều người phát chí nguyện bỏ đề tâm thành Phật. Từ cách nhìn thế gian, thế giới lúc đó phồn vinh, hạnh phúc, từ cách nhìn Phật pháp lúc đó thế giới tràn ngập chân lý và giải thoát. Có đủ hai phương diện này, thế giới mới được gọi là an vui và hạnh phúc.

Theo kinh điển Phật giáo Đại thừa, Bồ tát Di Lặc tức là Bồ tát A Dật Đa, ngài tu thiền định từ tâm, dùng đại từ để độ chúng sanh, lòng từ bi của ngài không ai có thể vượt trội.

Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện có nói: “Bồ tát nếu có thể tùy thuận chúng sanh, thì là tùy thuận cúng dường chư Phật, nếu Bồ tát tôn trọng phụng sự chúng sanh, thì là tôn trọng phụng sự Như Lai, nếu Bồ tát khiến chúng sanh là người hoan hỷ, thì khiến cho tất cả Như Lai hoan hỷ.”

Bồ tát Di Lặc chính là vì tùy thuận chúng sanh, khiến chúng sanh phát tâm hoan hỷ, Bồ tát cho rằng ngài có thể khiến chúng sanh hoan hỷ chính là khiến chư Phật và Bồ tát hoan hỷ. Sở dĩ Bồ tát Di Lặc làm như thế là vì ngài luôn có tâm từ bi vô hạn đối với chúng sanh, thà ngài chịu đựng châm biếm chớ không khiến chúng sanh đau khổ.

Một thể hiện khác về tâm từ bi của Bồ tát Di Lặc đối với chúng sanh là, những thức ăn, vật dụng ngài hóa duyên được, ngài không phải dùng để thọ hưởng cho chính mình mà ngài hướng tâm mình đến những người đau khổ, phân phát cho những người nghèo khổ cần giúp đỡ, giúp họ vui đi nỗi khổ trong sinh hoạt hiện đời.

Một biểu hiện quan trọng hơn về việc phát tâm từ bi đối với chúng sanh của Bồ tát Di Lặc là ngài thường thuyết pháp cho đệ tử của ngài ở nội viện trời Đâu Suất, khuyến hóa nhiều chúng sanh trong biển khổ vãng sinh Tịnh độ Di Lặc, tương lai ngài sẽ hạ sanh đến Tịnh độ Di Lặc nhân gian để hóa độ thêm nhiều chúng sanh. Theo kinh “Di Lặc Thượng Sanh” và “Di Lặc Hạ Sanh” có nói, Di Lặc Tịnh độ trời Đâu Suất và Di Lặc Tịnh độ nhân gian đều là quốc độ trang nghiêm, người sanh lên Tịnh độ Di Lặc, không chỉ vĩnh viễn xa lìa khổ não mà không còn chịu cảnh luân hồi, nhưng vẫn có thể có nhiều pháp lực của Bồ tát Di Lặc để hóa độ nhiều người lìa xa khổ não.

Trong đời sống hiện tại của chúng ta, sở dĩ Bồ tát Di Lặc được đặt bên trong cổng chùa, chính là khiến chúng ta vừa bước vào thì thấy được hình tượng Bồ tát, đầu tiên có thể tưởng tượng được tâm từ bi của Bồ tát Di Lặc. Từ đó tâm từ bi của ngài ảnh hưởng đến chúng ta, khiến chúng ta cũng có thể nhớ nghĩ đến tâm từ bi, tưởng tượng phiền não khổ đau của những người xung quanh, tận lực giúp đỡ họ giải quyết vấn đề họ gặp phải và khiến sinh hoạt của họ trở nên tốt đẹp và có mùa xuân hơn./

Chùa Chúc Thọ - TP. Biên Hòa, ngày 03.12.2022

Mỗi dân tộc, đều có những phong tục tập quán khác nhau. Trong đó, Tết là lễ hội quan trọng bậc nhất của bất cứ dân tộc nào. Đối với dân tộc Việt Nam, Tết Nguyên đán là nét đẹp văn hóa truyền thừa của các dân tộc trên quốc gia Việt Nam. Tết được người Việt cung đón theo các lễ nghi rất phong phú, tùy theo tập tục tín ngưỡng tôn giáo địa phương mà có các ảnh hưởng sâu đậm ít nhiều. Lễ hội Tết Nguyên đán là dịp cho người Việt nhớ về nguồn cội văn hóa dân tộc. Trong đó văn hóa Phật giáo là một phần của văn hóa lễ hội Tết Nguyên đán. Vào dịp lễ hội Tết Nguyên đán, người Phật tử Việt Nam thường tổ chức Tết mang âm hưởng văn hóa Phật giáo. Qua lễ hội Tết, người dân đi chùa có điều kiện học tập các giá trị đạo đức, lối sống tốt đẹp, tưởng nhớ tri ân các bậc Tiên Hiền và cầu nguyện năm mới bách tính trăm họ an khang, thịnh vượng.

Lễ nghi đón tết của người Phật tử thể hiện rõ ràng nghi lễ Phật giáo ở nhà và ở chùa theo truyền thống dân tộc Việt, chùa



Lễ Tết TRONG VĂN HÓA PHẬT GIÁO

TT. Thích Huệ Ninh

là nơi chốn được gửi gắm niềm tin cầu nguyện của mọi người. Khi đứng trước điện Phật mọi ranh giới về tuổi tác, địa vị trong xã hội đều được nhìn nhận là vô ngã. Mỗi người chỉ nhất tâm hướng về Phật cầu nguyện cho năm mới được bình an tốt lành một cách lặng lẽ thâm kín, chìm sâu vào trạng thái thanh tịnh tâm hồn trong môi trường thiêng liêng của chùa.

Theo quy luật tự nhiên “Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu liễm, Đông tàn” thì Tết Nguyên đán là khởi đầu cho mùa xuân, cho một năm mới cũng là ngày kết thúc năm cũ hay còn gọi là Tất niên. Tập tục đi chùa đầu năm của người Phật tử để mong cầu một năm mới được an lành, hạnh phúc. Vào dịp lễ hội quan trọng này, các chùa chuẩn bị rất chu đáo và trang nghiêm. Đó là, vào khoảng gần cuối năm các chùa sẽ xây sửa, sơn lại chùa, làm mới các tượng Phật, cắt cây tía cành, sửa sang nhánh lộc để Phật tử viếng chùa hái lộc đầu năm. Trên mỗi cành lộc đều được treo các tấm thiệp in câu Kinh Pháp cú và các kinh tập khác chứa đựng lời Phật dạy để người hái lộc nhận được những lời hay, ý đẹp trong những ngày đầu năm mới hoặc đủ duyên hơn họ sẽ giác ngộ được lời Phật dạy vì “*tu nhất*

025

NỘI SAN BÁT NHÃ

kiếp, ngộ nhất thời”. Gần những ngày giáp tết, chư Tăng và Phật tử trang trí cảnh chùa như trưng bày hoa quả và vật phẩm lên bàn thờ để cúng Phật, cúng Tổ. Với tâm thế thành kính chuẩn bị chu đáo, cảnh sắc đón Tết ở chùa xinh tươi, ấm áp tình người trong Tết Việt.

Sau thời khắc giao thừa, các Phật tử thường lựa chọn chùa làm nơi đầu tiên để cầu nguyện “bái Phật, lễ Tăng”. Lễ chùa đầu năm là cơ hội đặc biệt để hòa mình vào không khí thiêng liêng nơi cửa chùa. Dịp này, Phật tử đến chùa để chúc tết đầu năm, mừng tuổi chư Tăng Ni.

Vào dịp đầu năm mới, các chùa thường mở pháp hội Dược sư để cầu “**Quốc thái dân an, đem lại sự bình an, may mắn cho mọi người, mọi nhà và cho toàn xã hội**”. Đây là một đại lễ, nhà chùa thường tập trung Tăng Ni chuẩn bị lễ phẩm để khai mở lễ hội quan trọng này. Một số các chùa khác và thiền viện mở các khóa tu học nhân dịp đầu năm cho

nam nữ Phật tử và người tin đạo tận dụng kỳ nghỉ để tu học Phật pháp. Ở vài ngôi chùa khác cũng tổ chức hành hương thập tự, là cơ hội để mọi người bố thí, cúng dường, gieo phước lành, tạo nhân lành sinh quả tốt để cầu nguyện một năm an lành cho gia đình và cho bạn bè thân quyến.

Ở các nước mà Phật giáo là quốc đạo (Thái Lan, Lào, Campuchia, Miến Điện, Tích Lan) người dân vào chùa xin cạo đầu xuất gia gieo duyên trong kỳ nghỉ Tết để trả hiếu cho cha mẹ hoặc tham gia tu học các khóa thiền.

Có thể nói cách đón Tết của người Việt Nam phong phú và chịu ảnh hưởng văn hóa tôn giáo. Đối với người Phật tử và những người có niềm tin vào đạo Phật, sự ảnh hưởng của văn hóa Phật giáo trong cách đón Tết của họ rất rõ ràng là thực hành theo Chánh pháp. Sự phát triển của Phật giáo trong dòng chảy lịch sử đã cho ra đời nhiều ngôi chùa có kiến trúc đẹp, đậm

đà bản sắc dân tộc và nghi thức lễ chùa trên khắp mọi miền Tổ quốc. Dù có sự khác biệt về phong tục tập quán giữa các vùng miền nhưng lễ chùa đầu năm vẫn trở thành truyền thống của người Việt mỗi dịp Tết đến xuân về.

Ngưỡng nguyện ánh sáng và nụ cười đầy từ bi, hoan hỷ, vị tha, phúc lạc và tự tại của Đức Phật Di Lặc sẽ xua đi bóng đêm đen tối của vô minh, nguyện chúc cho tất cả những người con Phật đi trên đường chánh giác, đạo tâm bất thoái chuyển, thành tựu mọi thiện căn công đức !./.



Bức Tranh

Mùa Xuân

*Ni trưởng Thích Nữ Như Dung
Trụ trì Chùa Long Vân, TP. Biên Hòa*

Xuân hay “Tết” là một từ rất quen thuộc và thiêng liêng đối với tất cả mọi người Việt Nam trên khắp đất nước, và kể cả những người con Việt xa xứ trên khắp thế giới. Nó thiêng liêng bởi nó bao trọn nét đẹp văn hoá dân tộc của con người Việt Nam, và nét đẹp này thể hiện qua hình ảnh sum họp gia đình vào những ngày đầu năm, hay các cuộc hành hương trở về ngôi nhà tâm linh qua hình ảnh chùa chiền để tìm lại một chút lắng đọng tâm hồn sau bao ngày tất bật với cuộc sống. Hai hình ảnh này luôn hòa quyện lẫn nhau để tạo nên một **“Bức Tranh Mùa Xuân”** hoàn hảo nhất và mang nét riêng biệt của con người Việt Nam.

Nửa bức tranh đầu tiên là mùa xuân ở thế gian. Là người Việt Nam chắc hẳn ai ai cũng cảm thấy quá quen thuộc và háo hức mong đợi mùa xuân về, dù là người giàu hay người nghèo, vì đây là dịp để bà con quyến thuộc hay bạn bè có thời gian gặp mặt nhau. Đồng thời, mọi người cùng nhau thưởng thức những món ăn mang hương vị dân tộc, hay tham gia những trò chơi tiêu khiển ở các khu vui chơi, văn vắn. Đây là nét đẹp truyền thống văn hóa của con người Việt Nam được thể hiện qua những hoạt động đón xuân.

*“Xuân đến nhân gian rộn tiếng cười
Xuân về hoa nở sắc hồng tươi
Xuân lai nguyện chúc bình an đáo
Xuân khír lòng ta vẫn rạng cười”*

Chính vì điều này mà hầu như ai ai cũng tất bật bận rộn với thời gian để tranh thủ kiếm tiền hầu hưởng một mùa xuân hoàn hảo nhất với ước mong quên đi bao mệt nhọc trong một năm vừa qua. Những hình ảnh trên nhìn bề ngoài có vẻ như nó rất bình thường và là lẽ tất nhiên của cuộc sống. Tuy nhiên, nhìn kỹ lại mới thấy rằng hầu như chúng ta đang quên dần đi những phút giây hiện tại mà chỉ nhìn về tương lai. Tương lai ở đây

không phải là một tương lai tươi sáng rộng mở cho một cuộc sống hoàn hảo cả về thể xác và tâm linh, mà tương lai này chỉ vón vện kéo dài trong ba ngày xuân và sau đó lại trở lại với vòng xoáy của thời gian. Vòng xoáy này là một vòng tròn của bốn mùa Xuân-Hạ-Thu và Đông, và bốn mùa này luôn vận hành mà không có điểm khởi đầu và kết thúc, cũng như nó khiến cho con người cũng phải chạy theo cái vòng tròn đó và không biết dừng lại. Điều này cho thấy, có vẻ như một Đấng Tạo hóa đã an bài cho loài người phải tuân theo, và như thế đa số chúng ta không vượt ra ngoài cái vòng luân quản trên.

Tuy nhiên, trong số những người luôn tuân theo cái vòng tạo hóa của thời gian thì bên cạnh đó vẫn có những tâm hồn vượt ra khỏi vòng xoáy trên. Đó là những người có chiều sâu về tầm nhìn để nhận ra được bản chất thật của mùa xuân, và từ đó họ sẽ tạo cho mình một mùa xuân bất tận; một mùa xuân không còn giới hạn của thời gian hay không gian. Đó cũng chính là hình ảnh của nửa bức tranh Xuân còn lại, hay là nửa bức tranh của Tết “Xuất thế

gia”.

Phật giáo của chúng ta vốn là một tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc. Vì vậy, khi mùa xuân về thì những người con Phật qua hình ảnh của các ngôi chùa cũng bắt đầu dọn dẹp để đón xuân, hay nói khác đi là đón những người con lưu lạc sau những ngày tháng vất vả vì cuộc mưu sinh trở về với ngôi nhà tâm linh; bởi vì:

*“Chuông vắng nơi nao nhớ lạ lòng
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông”*

*Hòa thượng Thích Mãn Giác
(Huyền Không)*

Mái chùa ở đây ví như một ngôi nhà chung cho tất cả chúng sanh trở về đón xuân, nếu như gia đình là nơi đón xuân của bà con quyến thuộc thì ngôi chùa chính là nơi mở cánh cửa đón tất cả mọi người không phân biệt thân sơ hay giàu nghèo. Về với ngôi nhà tâm linh, những người con Phật sẽ đón xuân với một tinh thần khác hẳn; tức là chúng ta không phải chỉ để hưởng thụ những món ăn ngon hay những trò tiêu khiển ở thế gian, bởi tất cả những thứ đó chỉ là những thú vui tạm bợ qua bản chất vô thường của nó. Vì vậy, đến với ngôi nhà tâm linh những người con Phật sẽ được tiếp nhận một năng lượng tích cực qua hình ảnh thanh tịnh của Đức Phật và những lời dạy của các bậc minh sư. Năng lượng tích cực này giúp cho mọi người đón xuân một cách trọn vẹn nhất; trọn vẹn ở đây là nhận thức được trong từng phút giây hiện tại an lạc chính là xuân. Nhận thức được điều này thì mùa xuân không bao giờ mất đi cũng như không bị biến đổi theo mùa xuân-hạ-thu-đông, bởi trong một sát na thời gian đã chứa đựng cả ba thời (Quá khứ-hiện tại và vị lai) rồi. Hiểu được điều





này người con Phật sẽ mở cánh cửa “Không”; một cánh cửa vượt lên trên những khái niệm của thế gian thường tình. Đó chính là cánh cửa mở ra một mùa xuân bất tận, một mùa xuân của sự tỉnh thức, và đây chính là bản chất thật của mùa xuân trong Đạo.

*“Xuân đạo đến đi hoa mãi nở
Xuân thiền lai khứ mãi vui cười
Xuân trong ánh đạo thường miên viễn
Xuân ấy vĩnh hằng xuân thẩm tươi.”*

Xuân trong Đạo sẽ là mùa xuân vĩnh hằng bởi nó đã vượt ra ngoài vòng đối đãi của thế gian; vòng đối đãi ở đây là sự phân biệt vọng tưởng qua con mắt thường tình dựa trên những hiện tượng giả tạm. Người con Phật phải vượt ra khỏi đối tính nhị nguyên này để thấy được bản thể của mùa xuân qua con mắt trí tuệ.

Nếu như nửa bức tranh Xuân của thế gian chính là hiện tượng, thì nửa bức tranh Xuân trong Đạo chính là bản thể, và rời hiện tượng ở thế gian thì bản thể không thể hiển bày. Chính vì vậy “*Phật pháp không rời thế gian pháp*” là ở chỗ này. Phật pháp luôn đồng hành cùng dân tộc, bởi rời thế gian thì Phật pháp không tồn tại. Phật pháp chính là chân lý của vũ trụ và chân lý này chỉ hiển bày qua các pháp ở thế gian. Cho nên, hình ảnh đón xuân ở thế gian và trong Đạo chính là sự hòa quyện lẫn nhau để tạo nên một bức tranh Xuân hoàn hảo nhất.

Như vậy, hai nửa bức tranh Xuân ở thế gian và trong Đạo đã hòa quyện lẫn nhau để tạo nên một “**Bức Tranh Mùa Xuân**” đẹp nhất cả về hình thức lẫn nội dung. Đồng thời, bức tranh này đã dựng lên nét văn hóa đặc trưng của con người Việt Nam mà khó đất nước nào có được. Đây là một niềm tự hào của con người Việt Nam bởi nó gắn kết được giữa đời và đạo, và từ đó cả hai luôn đồng hành để tạo nên một mùa xuân bất tận; mùa xuân của an vui, hạnh phúc và bình an trong từng khoảnh khắc chứ không phải chỉ trong ba ngày xuân.

KÍNH MỪNG
ngày ĐỨC THẾ TÔN
THÀNH ĐẠO 8-12

Tỳ kheo Thanh Lợi



*Rung rinh Vũ trụ nhạc trời vang
Mừng Đức Thế Tôn chứng Đạo vàng
Trên nệm Bồ đoàn rèn Bát nhã
Dưới vòm cổ thụ luyện Kim cang
Vinh hoa tột đỉnh tâm từ bỏ
Phú quý vô song ý chẳng màng
Mặc lũ ma trêu cù quỉ phá
Đạt thành chánh quả phóng hào quang
8-12 Nhâm Dần (2022)*



*Thuở xưa thái tử Tất Đạt Đa
Là vị thiên nhân xuống Ta-bà
Chân thân thị hiện gieo mầm đạo
Bảy đoá sen vàng đỡ gót hoa.
Ôi thật tuyệt vời đức Thích Ca!
Tám thân vàng ngọc chốn rừng già
Sáu năm khổ hạnh nơi hoang vắng
Quên mình vì đạo quyết tìm ra.
Tìm ra ánh đạo cứu nhân sinh
Vượt thoát trần lao sắc, dục, tình
Xoa dịu trần gian nhiều khổ lụy
Giữa chốn đêm trường rọi đuốc minh.
Rọi đuốc cho đời thấu đức trong
Vô minh, si ám đám giấc lòng
Từ đây biết mặt người rồi đó
Chánh niệm, tri tường bản thể không.
Từ quang hiển hiện chẳng đâu xa
Đức - Trí ngài soi khắp mọi nhà
Từ đây ánh dương ngời chói rạng
Ngàn sau truyền mãi danh Phật-đà.*

phật đà
MÂU NI

NS. Diệu Trang

Xuân

Sư Diệu Trang

*Xuân chớm bên thêm đón nắng mai
Nàng xuân e thẹn nét trang đài
Biết ra xuân cũng nhiều tuổi đấy
Từ thuở hoang sơ hiện mặt mày*

*Thế mà xuân vẫn vẽ thơ ngây
Vẫn dáng yêu kiều thật lạ thay
Ồ hay! Xuân chính là tiên tử
Lạc xuống trần gian giữa cõi này*

*Xuân giống nàng trăng khuyết lại tròn
Xuân như làn gió trải núi non
Xuân như khách đạo bên chùa vắng
Tuổi nhuốm hồng hôn xuân vẫn còn*

*Vẫn còn xuân sắc vẫn hồn nhiên
Xuân của đời tu, Xuân của thiền
Đâu nói trẻ già, đâu nói tuổi
Xuân là an lạc, Xuân muôn niên.*

Ngày 17/11/2022 (24/10/2022 Nhâm Dần)



ơn Phật TỪ BI

NS. Thích nữ Hương Nghiêm
Chùa Viên Thông
phường Phước Tân 2022

KÍNH dâng ngàn đóa hoa lòng
THÀNH tâm kính Phật tổ thông đạo mẫu
TUỞNG thọ hành thức tóm thâu
NIỆM chuyên tự tánh lâu lâu tánh chân
ÂN xưa vì pháp xả thân
ĐỨC tâm hiếu đạo đáp ân muôn loài
BỒN nguyện khai mở liên đài
SƯ thầy bi mẫu chuyển xoay luân hồi
THÍCH chủng dòng pháp truyền đời
CA ngâm tán tụng người người vâng theo
MÂU Ni ngọc báu rắc gieo
NI đoàn kính lễ phụng theo lời vàng
PHẬT ân muôn kiếp cứu hàng chúng sanh



vào cõi sắc không

Lăng Già Tâm

DẤU CHÂN CÁT

Ta về học tiếng hư vô
Học câu vô tự, học lời vô vi
Ta bà mây độ đến đi
Cửa không trắng tỏ, còn ghi chút này.

LẠC NGUỒN

Nghe trong đồng vọng thanh âm
Tiếng chân như hiện muôn trùng sắc không
Chênh vênh dốc đá chiều đông
Buông tay hổ thẳm, dòng sông lạc nguồn.

VÃY TAY

Người về bỏ cuộc rong chơi
Cười lên khoe mắt, tàn khơi tháng ngày
Có gì trong một chữ say
Sao chưa vẫy nhẹ bàn tay vô thường.

BẾN DỖ

Đời người là chiếc đò ngang
Sang sông thuyền đậu buông sào rong chơi
Phổ phường nhộn nhịp sắc màu
Thuyền neo bến vắng lên cầu vô sanh./.

AN NHIÊN NGẮM Xuân

NS. Quảng Tiên

Một năm khởi đầu bởi mùa Xuân, đời người bắt đầu bằng tuổi trẻ. Thế nên, Xuân được xem là khởi nguồn của sum la vạn tượng. Và Xuân trong cửa thiền có luôn hằng hữu và miên viễn chăng? Làm thế nào để hành giả luôn tự tại trước mọi đổi thay cảnh vật bên ngoài, giữ tâm an nhiên trước đến đi của Xuân?

*“Thuở bé chưa từng rõ sắc không
Xuân về hoa nở rộn trong lòng
Chúa Xuân nay bị ta khám phá
Chiếu trái giường thiền ngắm cảnh hồng”
(Xuân Vãn _ Trần Nhân Tông - Hòa Thượng Thanh Từ dịch)*

Phật Hoàng Trần Nhân Tông khi chưa rõ sắc – không, mỗi khi xuân đến cũng rộn rã nơi lòng, nhưng khi đã khám phá được chúa Xuân thì Ngài vẫn an nhiên ngắm cảnh hồng, tự tại nhìn sự nở tàn của hoa. Ngài đã “thấy và hiểu” gì ở “Chúa Xuân” mà bình thản, ngồi giữa vườn thiền ngắm Xuân vậy !

Chúng ta có rộn ràng khi Xuân đến, và buồn thiu khi Xuân đi. Nhà thơ Nguyễn Du nói: “Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”. Ở đây, Nguyễn Du nói: Người tức chỉ cho tâm, bởi thân ngũ uẩn chưa có sự can thiệp của ý thức, thì người không bị chi phối bởi cảm thọ buồn vui. Bởi vậy, nếu tâm xuân thì cảnh xuân, lòng người héo úa thì cảnh vật xơ xác điêu hiu. Vậy làm thế nào tâm ta mãi xuân mà đón 4 mùa, để xuân đa kiết khánh, hạ bảo bình an, thu tổng tam tai, đông nghênh bách phúc !

Mùa xuân của nhân thế với bao lo toan, bộn bề, nào là trang hoàng bàn thờ tổ tiên, tươm tất nhà cửa, mua cây mai, trồng chậu vạn thọ, gói bánh tét..... và sau bao tất bật kia mấy ai lặng yên để nhìn lại tâm. Khi tâm an thì vật cũng yên, chẳng tìm, không mong, vô cầu mà xuân mãi vẫn xuân. Nhưng chúng ta thì vẫn mãi đi tìm một con đường đang mờ mịt lối:

*“ Mãi mê lên núi tìm trầm
Có hay trầm ở trong tâm yên bình
Mãi mê trong cõi hư vinh
Một hôm đất gọi giật mình trắng tay”
(Mê - TRẦN NGỌC TUẤN)*

Chúng ta cũng giống như người ngậm ngải tìm trầm. Truyền thuyết người tìm trầm phải trèo đèo lội suối vào rừng sâu mới mong tìm được trầm. Muốn qua được sơn lam chướng khí, rừng thiêng nước độc, người đó phải ngậm ngải mới vượt qua và trở về bình an! Nhưng loại ngải này ngậm lâu trong người sẽ hóa thành xà niên. Đúng là: “*Ăn của rừng rừng rung nước mắt.*”

Ta cũng vậy mãi mê đi tìm một cõi hạnh phúc, bến bờ bình yên nào đó, sử dụng đủ

mọi thuật pháp để đương đầu với gió sương, bão giông bên ngoài. Nhưng tìm hoài chẳng ra nên cứ mãi lặn hụp trong danh lợi mà quên mất mình! Do mình “quên” nên mình mới “lạc đường”. Tiếng Hoa chữ “vong” – (忘) và chữ “mê” – (迷) rất có ý nghĩa. Chữ “vong” (là mất, không còn) trên chữ “tâm” nên quên, bởi do đánh mất tâm nên mới đi sai đường (bộ sước là đi), là lầm đường, là lạc lối !

Khi người tu mà quên đường thì rất dễ sa vào bùn lầy, cạm bẫy, mà cạm bẫy của người tu không phải khi rơi vào hố sâu, rớt xuống vực thẳm hay trượt xuống bùn, áo quần lấm lem. Mà mình chạy theo đời nên bị đời hóa và chẳng thấy đường ra. Bị “lạc” trong danh và lợi nên luôn tất bật ứng phó không để lạc hậu giữa thời 4.0 này!

Ta mãi mê một đời, trôi lặn một kiếp, cứ thế lần lữa qua hết năm tháng ngày dài đến khi giật mình thì tay trắng vẫn hoàn trắng tay. Cái nắm- buông của bàn tay tưởng chừng đơn giản lắm, nhưng có khi sống trọn kiếp nhân sinh vẫn chưa thấu hiểu hết được sự xòe nắm của bàn tay.

Nếu ta biết thưởng xuân thì 4 mùa hoa vẫn nở. Nhành mai của Thiền sư Mãn Giác chính là tâm thường hằng bất biến trước được - mất - còn - không của đời người. Thiền sư là vậy, còn chúng ta có an yên trước mọi thứ đổi thay không? Chỉ riêng mình ta mới biết công phu và sự thực tập chính mình đến đâu. Không khéo ta rất dễ dối mình gạt người, giống người tìm trầm kia, khi ta bị gió của lợi danh ngấm vào người cũng biến thành xà niên, nhưng được khoác lên bởi chiếc áo đẹp, y phục tốt. Chỉ tự thân mới cảm nhận được chất độc của tham sân, chiếm hữu đã hủy hoại cơ thể ta ra sao. Ta không an trú được hiện tại, không thấy được hạnh phúc khi sống trong Tăng thân, đầu óc luôn quay cuồng toan tính hơn thua giữa lời kinh tiếng kệ, chính ta đã tự hủy hoại đời tu của mình, làm cho đời tu của mình không thành công, như người kia cuối cùng đã biến thành xà niên.

Nếu không chịu được cái lạnh giá buốt của mùa đông thì hoa chẳng bao giờ nở rộ. Người tu cũng thế bất luận tăng hay tục nếu không vượt qua được thử thách, đương đầu với gió sương, không biết tránh gai nhọn, né sỏi đá, đi đường vòng thì cây da sứt máu, thương tích khắp người.

Nếu người biết tu đạo thì cảnh nào đến cũng chuyển hóa được, dù bao nghịch cảnh vẫn an nhiên đối diện. Không ồn ào mà lại thâm trầm, lặng yên nhưng lại sâu sắc, vô ngôn nhưng lại thâm thúy. Tu để thấy được mình, chẳng hơn thua với người, không tranh cao thấp bởi gió tăng nào gặp mây tăng đó. Tâm an yên thì cảnh nhẹ nhàng, lòng bình lặng thì người hiền hòa, biết nhẫn chịu thì đạo càng dày, biết cúi xuống thì đức vang xa, chịu thua thiệt thì hạnh tăng trưởng. Nếu dùng được Tâm này mà đối người tiếp vật thì “*Hoa nở hoa tàn, tâm vẫn xuân*”. Xuân đến xuân đi vẫn tự tại nơi lòng, mỉm cười khi mai nở, an yên khi xuân qua.

Xuân chôn tòng lâm cũng hòa với đời, thuận nhân tình, nhập thế độ đời, hòa quang đồng trần nhưng chẳng dính bụi trần, ấy mới thật là xuân miên viễn !

*Núi tự núi, sông tự sông
Mùa xuân miên viễn cõi lòng vô biên
Hốt nhiên gặp ánh mắt thiền
Chân tâm bừng ngộ giữa miền vô ngôn*
(Ngộ - TRẦN NGỌC TUẤN)



Xuân

THÀNH ĐẠO

Minh Mẫn

Xuân vận hành giữa Hạ và Đông, nghĩa là hội tụ và hóa giải khí tiết giữa hai mùa. Chính những tổ chất ấy, mùa Xuân xem là mùa đẹp nhất trong năm, thơm mát cho muôn hoa đua nở, cây cối đâm chồi nảy lộc, vì thế người dân đi lễ chùa bẻ cành hái hoa để xin “lộc” đầu Xuân.

Xuân bắt đầu được tính từ ngày 4 tháng 2 hoặc ngày 5 tháng 2 Dương lịch gọi là “lập Xuân”. Khí tiết đã âm ỷ từ Thiên tượng âm dương đất trời khi tinh cầu vận hành quanh thái dương hệ.

Tâm thức và tánh khí bình thường con người cũng bị ảnh hưởng ít nhiều theo thời tiết, nhưng có những con người không hề bị ảnh hưởng tiết thời khi họ làm chủ được sinh mệnh, hoặc ít nữa chủ động được “nguyên thần” với một định lực phi thường. Người có một thần lực siêu nhiên cũng phải bắt đầu kết tụ năng lực hành trì lâu dài từ quá khứ hoặc trong hiện tại. Sinh vật cỏ cây hoa lá cũng thế, quá trình kết tụ để hình thành theo thời tiết, đó là dạng huân tập.

Con người khác hơn thảo mộc, ý thức con người đủ năng lực vượt qua sự chi phối thời tiết, tránh được những tác động ngoại cảnh nếu là một hành giả hành trì miên mật. Con đường hành giả chọn đi đến kết quả đã định hướng còn tùy thuộc vào pháp hành tương thích với căn cơ cá biệt, vì thế không thể có một pháp hành cộng đồng đưa đến kết quả tập thể như nhau. Ngay cả đức tin tôn giáo, tùy căn cơ sở thích mà mỗi người chọn cho mình một tôn giáo khác nhau

Một toa thuốc Tây không hiệu quả cho căn bệnh đang cần, phải đổi thuốc. Một tuần không kết quả hoặc không có hiện tượng suy giảm, phải thay thang thuốc Bắc khác. Cũng thế, cùng một pháp hành, mỗi người đạt kết quả khác nhau, thậm chí đeo đuổi suốt nhiều năm mà tính khí và trí tuệ vẫn không thay đổi, biết là mình không tương hợp với pháp môn đó.

Trường hợp trên đây là người mới bắt đầu gieo duyên; Quá khứ nhiều kiếp đã gieo trồng sâu một pháp hành, chắc chắn khi chuyển kiếp, nghiệp thức vẫn mang theo, tự động đưa đến tiếp nhận pháp hành đã huân tập. Do đó phát sanh thân đồng qua nhiều lãnh vực trong cuộc sống không có gì lạ!

Theo kinh sử “Phật giáo Bắc truyền” cho biết Đức Thích Ca Mâu Ni không phải mới thành Phật từ kiếp này; ngài đã từng là Bồ tát, từng chuyển sanh qua các cõi trời trước khi lâm phạm mang thân người. Từ đó cho thấy một hạt nhân phải hội tụ duyên sanh mới kết thành quả.



Như gà mẹ ấp trứng, đủ thời gian cho gà con tượng hình rồi mẹ mổ vỏ trứng cho con chui ra, Qua 6 năm khổ hạnh, suốt 49 ngày an thần nhập định, đó là hiện tượng ấp ủ hạt nhân lưu tồn trong quá khứ, đến lúc nhân và duyên đầy đủ, trở quả vô sanh là chuyện tất yếu.

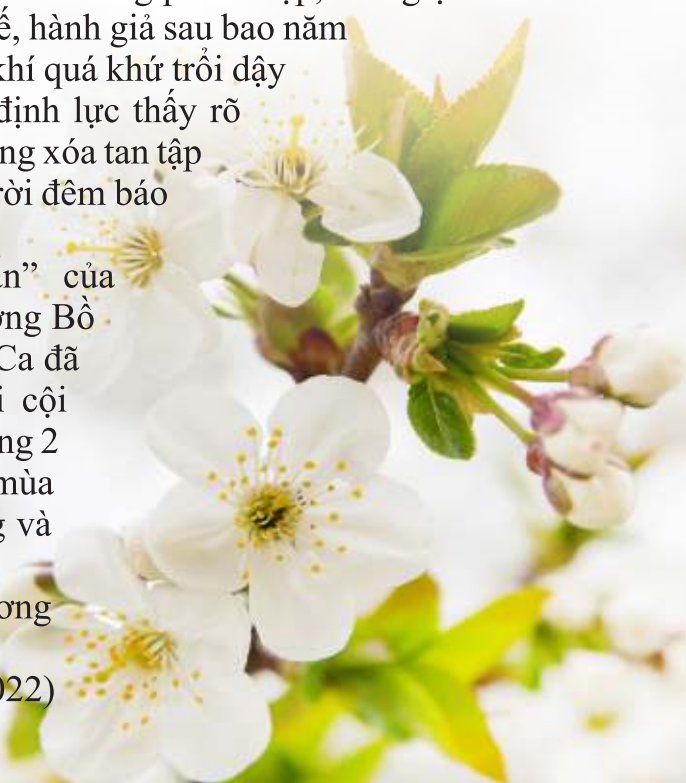
Nói dễ mà nói, sự hình thành một kết quả không đơn giản; qua mưa gió bão bùng, nắng cháy mưa sa giúp cho cây bám vững vào lòng đất, kết tụ thời khí âm dương hình thành hoa trái. Hoa trái mùa xuân hương vị khác hẳn hoa trái khác mùa.

Cũng thế, đắc pháp có thể bất cứ lúc nào, nhưng đắc đạo mang tính toàn triệt nó phải tương ứng với khí tiết âm dương vũ trụ. Đắc pháp hay đắc đạo từng phần chỉ là đẳng cấp mang tính giai đoạn, ít phụ thuộc vào khí tiết vũ trụ. Trước khi hoàn mãn công phu tu tập, như giọt nước cuối cùng tràn đầy ly nước. Cũng thế, hành giả sau bao năm tháng miên mật, tâm thức lắng đọng, tập khí quá khứ trôi dạt như bão bùng gió táp mưa sa giúp cho định lực thấy rõ những ảo ảnh của tâm thức, tuệ giác lóe sáng xóa tan tập khí, như vầng sao mai lấp lánh giữa nền trời đêm báo hiệu thái dương sắp xuất hiện.

Tuần tự, quả vị “vô sanh pháp nhẫn” của hàng Bồ-tát trước khi đạt quả vị “vô thượng Bồ đề” cũng gọi là “thành đạo”. Đức Thích Ca đã chiến thắng nội ma ngoại chướng dưới cội Gaya vào đêm mùng 8 tháng chạp, tức tháng 2 lịch Ấn Độ. Mùa xuân nhân loại cũng là mùa xuân của Đạo quả kết tinh từ thiên tượng và đạo lực của một vĩ nhân.

Xuân và Đạo quả là sự kết tinh và tương phù đã đi vào lòng nhân loại.

(23/11/2022)





mùa Xuân

TRONG ĐẠO PHẬT

Vương Mộc

Trong khí xuân tung bừng, con người cũng phấn khởi và hi vọng cho một năm mới tốt đẹp hơn. Từ bao thế kỷ nay, đi chùa lễ Phật, cầu an, cầu phước trong những ngày đầu năm đã trở thành một thông lệ không thể thiếu trong lễ tết của người Việt Nam.

Đức Phật dạy rằng Phật pháp bất ly thế gian giác. Vì vậy, có thể nói xuân trong đạo Phật cũng là xuân trong cuộc đời. Từ đó, chúng ta nhìn thẳng vào cuộc sống mà tìm được mùa xuân và sự an lành cho chúng ta. Với tinh thần xây dựng trên nền tảng đạo Phật gắn bó mật thiết với sự sống của con người, cho nên người ta thường nói đạo Phật và nhân loại, đạo Phật và dân tộc.

Khi nói đến mùa xuân là nói đến sự tươi đẹp, an lành. Thế nhân thường mượn mùa xuân để nói đến cuộc sống tươi vui đầy sức sống vươn lên. Vạn vật vô thường, thế giới đổi thay, vũ trụ và con người vận hành không ngừng trong từng sát na theo một vòng luân hồi vô thủy vô chung. Xuân

đến, xuân đi, rồi xuân lại về. Không có mùa xuân nào là mùa xuân đầu tiên, cũng không có mùa xuân nào là mùa xuân cuối cùng. Trong cái sinh diệt không ngừng ấy, có một cái gì bất sinh bất diệt, một mầm sống vẫn tiếp nối vô cùng vô tận. Mùa xuân tượng trưng cho sự sống tiềm tàng đầy năng lực.

Hoà chung niềm vui của nhân loại và đất trời, đạo Phật đón chào xuân mới trong tinh thần hỷ xả bao dung, từ bi và trí tuệ. Phật giáo nghinh xuân trong tâm thế rất riêng, rất khác biệt nhưng đầy ý vị và nhân văn, đó là “mùa xuân Di Lặc”. Gọi là xuân Di Lặc vì ngày mừng một Tết Nguyên đán cũng là ngày vía Đức Di Lặc – vị Phật tương lai biểu trưng cho hạnh hỷ xả và bao dung, yêu thương và chia sẻ, tươi vui và hạnh phúc.

Cửa chùa, đất Phật vốn an yên. Tiếng chuông chùa ngân vang giữa hơi sương sớm, khói trầm... tạo nên không khí thanh bình. Dù là ai, ở đâu, làm gì, cứ vào

những ngày đầu năm mới, người dân Việt luôn hướng tâm mình để đến chùa thắp hương lễ Phật, hoà mình vào không khí thiêng liêng nơi chốn thiền môn thanh tịnh để cầu nguyện bình an, hạnh phúc trong năm mới. Dù năm qua cuộc sống có thuận duyên, hay may mắn chưa mỉm cười, nhưng ngồi sau cánh cổng chùa, lắng nghe chính tâm mình thổn thức, tâm từ bao dung, buông bỏ, một niềm tin vào chánh pháp sẽ làm cuộc đời tươi mới, đọng đầy yêu thương như nắng sớm đang về.

Có thể thấy, ngày nay, các bạn trẻ đến chùa ngày một đông, điều này cho thấy nhận thức giá trị ngày tết dân tộc nơi cửa Phật đã được nâng cao. Hình ảnh các bạn chấp tay lễ Phật, xá chào quý sư, thầy, ngày nay không còn xa lạ. Họ đến chùa để tìm hiểu giáo lý, để cầu may mắn, để tìm lại giây phút bình yên trong cuộc sống bận rộn hằng ngày. Đây là điều minh chứng cho một đạo Phật tích cực, đạo Phật nhập thế hợp thời và hợp căn cơ.

Nụ cười từ hoà bao dung của Ngài Đương Lai Từ Thị Di Lặc Tôn Phật cũng là hình ảnh gần gũi và thân thương nhất trong ngày đầu xuân. Vì thế mà ngày xuân đến chùa lễ Phật không chỉ để cầu an, cầu phước lộc mà còn nên phát tâm nguyện noi theo những hạnh nguyện của Ngài để một ngày kia cũng được giác ngộ, xa lìa phiền não.



“Đức Di Lặc ngồi trên mỏm đá
Hai chân trần đáng điệu khoan thai
Mặc cho thế sự đổi thay
Trên môi vẫn nở nụ cười không tên”.

Hay:

“Bụng lớn có thể chứa, chứa những điều
không thể chứa trong thiên hạ
Tâm từ thường xả, xả những điều khó xả
bỏ của thế gian”.

Trong tiếng Phạn, Di Lặc nghĩa là Metteya, dịch ra tiếng Hán là Từ Thị, mang ý nghĩa tâm từ trong đó. Tâm từ là một trong “tứ vô lượng tâm”, tức TỪ, BI, HỖ, XẢ. Từ là tình thương bao la tự nhiên. Bi là cảm thông và chia sẻ cái khổ của người. Hỷ là vui với cái vui của người. Xả là không chấp trước không nắm giữ. Bốn tâm này như dòng suối mát ngọt ngào làm trôi đi những chướng ngại, đau buồn, sân hận, đem lại sự an vui cho mọi người.

Hình ảnh của Ngài không đơn thuần chỉ là biểu tượng mà còn mang tính triết lý vô cùng sâu sắc. Với cái bụng to, Ngài có thể chứa hết những gì mà thế gian không thể chứa. Hận thù, oan trái, tham lam, sân giận... Ngài đều dung chứa vào cái bụng to ấy. Vì cái bụng ấy là cái bụng của trí tuệ tánh không, của tấm lòng từ bi rộng lớn. Ngài còn có tướng lỗ tai dài biểu thị cho sự từ ái. Đây là lỗ tai biết lắng nghe, ai khen cũng cười và ai chê cũng nở nụ cười. Sáu đứa trẻ tượng trưng cho sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) lúc nào cũng quấy nhiễu, lôi cuốn chúng ta theo những trần cảnh trước mắt. Nhưng Đức Phật Di Lặc vẫn cười rất tươi, an nhiên bất động vì Ngài đã điều phục được sáu căn ấy, chuyển “lục tặc” chướng ngại thành “lục thông” thấu suốt vô ngại.

Ngày lễ vía Đức Phật Di Lặc vào ngày đầu năm có ý nghĩa khuyên nhắc những người con Phật chúng ta noi theo hạnh của Ngài thực hiện từ, bi, hỷ, xả trong cuộc sống hiện tại. Có như vậy mọi nghiệp chướng sẽ hoá giải, phiền não chuyển hoá thành Bồ Đề, thân tâm được an lạc, tràn đầy hạnh phúc.

Cành mai vàng, hoa đào đỏ thể hiện sắc xuân của mùa xuân dân tộc. Ngày đầu xuân, người du xuân hái lộc cũng nên tạo cho mình một nụ cười rạng ngời như hoa mai, một tâm hồn đầm thắm như hoa đào vậy. Không những thế, hoa mai còn là biểu tượng cho trí tuệ bừng sáng, rạng ngời. Hoa đào là biểu tượng cho lòng từ bi, độ lượng, lúc nào cũng sống vì tha nhân, vì lợi ích cho muôn loài. Hãy thực tập, quán chiếu để thấy mình luôn có đầy đủ vẻ đẹp của hai loài hoa tuyệt diệu trong vườn hoa dân tộc.

Cầu chúc ngày vui của dân tộc luôn hòa quyện vào ngày xuân nơi cửa Phật để hình ảnh mai vàng, đào đỏ mãi khoe sắc ngát hương trong vườn hoa giới, định, tuệ. Xin nguyện mọi người luôn biết hòa kính, yêu thương nhau, trao tặng niềm tin, nụ cười thân thiện vào ngày đầu xuân, vào trong cuộc đời để cuộc sống luôn an lạc, thế gian mãi thanh bình, để mùa xuân miên viễn trong lòng ta vẫn trường tồn, bất biến. Nguyện cầu hình ảnh thánh thiện của Ngài Di Lặc sẽ luôn đồng hành trong cuộc sống của tất cả chúng sanh.



văn hóa PHẬT GIÁO *với* mùa xuân

Nguyễn Nghĩa – Hoàng Kim Hòa
Huynh trưởng cấp Tập

Đạo Phật chủ trương vô thường và luân hồi như một quy luật tự nhiên của vạn vật. Buổi sáng hôm nay ta thức dậy là một ngày mới, lại bắt đầu bận rộn với công việc, lo toan, đêm đến lại sum vầy bên gia đình rồi chìm vào giấc ngủ và ngày mai lại đến, cứ như thế như một quy luật tất yếu lặp đi lặp lại đến độ nhàm chán. Mùa Xuân bắt đầu cho một thời kỳ mới, mọi người, bất kể là người theo tôn giáo hay tín ngưỡng nào cũng bắt đầu tổng kết những gì đã làm được và chưa được trong một năm qua và hoạch định những kế hoạch khả thi cho tương lai, ...

Ở Châu Á, nhất là khu vực Bắc Á và Đông Nam Á, tôn giáo và tín ngưỡng luôn gắn

liền với văn hóa dân tộc tạo nên một giá trị văn học độc đáo, sâu sắc cả trong thơ ca, hội họa và trong giáo dục nhân cách con người. Đó cũng là nét riêng tạo nên nền văn hóa Á Đông.

Mùa Xuân và văn hóa Đông phương

Ở Việt Nam, mùa Xuân là mùa của lễ hội, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 âm lịch với tết cổ truyền, lễ hội đền Hùng, Rước Ấn đền Trần, ... tiếp theo đó là hơn 7.000 lễ hội dân gian, 1.400 lễ hội tôn giáo chưa tính các lễ hội mang tính lịch sử và văn hóa ngoại nhập. Hầu hết các lễ hội dân gian tập trung ở phía Bắc như: lễ hội chùa Hương, hội Tịch Điền, hội Lim, hội Yên Tử ... Các lễ hội đều có khuynh hướng ghi nhớ tổ tiên và các giá trị văn hóa để giáo dục hậu thế.

Các giá trị văn hóa đó đều mang đậm bản sắc dân tộc và dễ thấy nhất của nền văn hóa phương Đông, đó là văn hóa làng xã, nông nghiệp, nông thôn. Tính chất văn hóa làng xã được thể hiện rõ nét qua việc lễ nghi, cúng tế vào dịp cuối năm âm lịch như việc cúng đình, cúng xóm, cúng làng ... Trong những lễ lược này đều quy tụ hàng chức sắc, người cao tuổi lập ban kinh lễ của làng, xóm thực hiện các lễ nghi bài bản cúng tế Thần hoàng, Thổ địa, cầu cho sang năm mới mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu. Bên cạnh đó, những thanh niên nam nữ trong làng, xóm cũng là những người “gánh vác” trách nhiệm đứng ra phụ giúp tổ chức dựng rạp, khuâng vác bàn

ghế, sắp xếp phẩm vật, chuẩn bị ẩm thực ... tạo nên một mối quan hệ khăng khít giữa các thế hệ, giữa con người với tình làng nghĩa xóm sâu đậm sau một năm làm việc vất vả.

Cho dù ngày nay Việt Nam đã thành quốc gia phát triển và đang trên đà hội nhập quốc tế, nhưng với 80% người dân Việt đang sinh sống tại các vùng nông thôn vẫn còn giữ gìn và ảnh hưởng sâu sắc nền văn hóa, văn minh “lúa nước” giàu tính nhân văn này. Đặc biệt là những người di cư từ miền Bắc, miền Trung vào Nam hàng năm cũng không quên tục cúng tế trên tinh thần “ly hương, bất ly tổ”.

Đạo Phật và những giá trị hiện thực.

Cách đây gần một thế kỷ, Albert Einstein nhận định “*Tôn giáo tương lai sẽ là tôn giáo mang tính vũ trụ. Nó phải vượt lên khỏi một THƯỢNG ĐẾ HỮU NGÃ, ngăn ngừa những giáo điều và khoa thần học. Bao gồm cả tự nhiên và tâm linh, nó sẽ đặt trên nền tảng một ý niệm tôn giáo phát sinh từ sự thể nghiệm tất cả mọi sự vật, tự nhiên và tâm linh, vốn là một thể thống nhất đầy ý nghĩa. Đạo Phật đáp ứng được yêu cầu nói trên.*”

Nhận định đó không phải ngẫu nhiên mà năm 1999 tại Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc phiên họp thứ 54, mục 174 của chương trình nghị sự đã công nhận Đại lễ Vesak là một lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hiệp Quốc, Đạo Phật trở thành một tôn giáo vì hòa bình của nhân loại, trong đó Việt Nam cũng đã 3 lần đăng cai tổ chức đại lễ Vesak vào năm 2008 tại Thủ





đô Hà Nội, năm 2014 tại chùa Bái Đính, Ninh Bình và lần thứ 3 năm 2019 tại chùa Tam Chúc, Hà Nam.

Những giá trị đó đã được Đức Phật nhấn mạnh vào luân lý, đạo đức, trí tuệ và thiện định và làm gương cho mọi người bằng cuộc sống chánh hạnh. Ngài đã chuyển bánh xe pháp với giáo lý căn bản Tứ Thánh đế là nền tảng siêu việt “*Bao gồm cả tự nhiên và tâm linh*” và “*đặt trên nền tảng một ý niệm tôn giáo phát sinh từ sự thể nghiệm*” bằng Bát Chánh đạo.

Người Phật tử thực hành tu tập Bát Chánh đạo là con đường đưa đến Niết-bàn bằng sự tự kiểm soát, ngăn ngừa và loại trừ tham ái. Con đường này gồm 8 yếu tố: (1) Chánh kiến, (2) Chánh tư duy, (3) Chánh ngữ, (4) Chánh nghiệp, (5) Chánh mạng, (6) Chánh tinh tấn, (7) Chánh niệm, và (8) Chánh định. Trong đó, hai yếu tố đầu thuộc về Tuệ, ba yếu tố tiếp theo thuộc về Giới và ba yếu tố cuối cùng thuộc về Định, tuy nhiên về mặt thứ lớp thì phải được sắp xếp theo Giới – Định – Tuệ.

Nhóm yếu tố thứ nhất thuộc về Giới phù hợp trong nếp sống sinh hoạt, tu tập của người Phật tử nói riêng và con người nói chung mà nền tảng là “*ý thức đạo lý*”. Trên con đường đi đến an lạc, hạnh phúc và đạt đến cảnh giới Niết bàn (gồm: hữu dư y niết bàn và vô dư y niết bàn) là tuân thủ 5 giới cấm, cốt lõi đạo đức của Phật giáo. Đạo Phật hướng con người đến Chân – Thiện – Mỹ bằng giáo dục làm lành tránh dữ, tu tập giữ 5 giới của người Phật tử tại gia. Tuy nói 5 giới của người Phật tử tại gia

nhưng trên phương diện xã hội, những ai giữ được một trong 5 giới cấm này hoặc cả 5 giới này đều là người có thiện căn với đạo Phật vậy. Người siêng năng giữ 5 giới, không được: giết hại, trộm cắp, tà dâm, nói dối, uống rượu, đó là cách tốt nhất để tránh tất cả tội lỗi và để thanh tịnh tâm hướng đến tự tại, an lạc và hạnh phúc.

Giáo lý của đạo Phật uyên thâm, khoa học và gần gũi với đời sống hiện thực, có giá trị giáo dục nhân cách hài hòa, dễ được chấp nhận trên mọi nền tảng xã hội, dễ thực hiện và ứng dụng trong đời sống hàng ngày cho tất cả mọi người. Giáo lý của đức Phật gần gũi với giá trị nhân bản trong đời sống xã hội, khuyến khích con người sống có đạo lý như: phụng dưỡng cha mẹ, chăm sóc gia đình, biết ơn và tha thứ, tôn kính, khiêm tốn, an tịnh trong hành động, tránh xa cuộc sống phi luân, cảm phục và hy sinh v.v ...

Tóm lại: Bản chất của đạo đức Phật giáo thể hiện qua giáo lý Từ bi Hỷ xả, vô ngã vị tha, cứu khổ cứu nạn... Phật giáo luôn khuyến khích chúng sinh “*tự độ độ tha, tự giác giác tha*”, không phân biệt giữa ngã nhân và tha nhân. Tư tưởng từ bi, cứu nhân độ thế, vị tha của Phật giáo đã có tác dụng bồi đắp, làm phong phú thêm đạo lý trong tâm hồn người Việt nam.

Văn hóa Đạo Phật với mùa Xuân

Đạo Phật có mặt tại Việt Nam từ rất sớm và phát triển mạnh qua các thời Lý, Trần đã ăn sâu vào trong tâm thức của dân tộc, đến độ các trường phái triết học như

Nho giáo, Lão giáo bị “đồng hóa” vào tư tưởng triết học của Phật giáo và mất dần trong nền văn hóa dân tộc Việt Nam. Cho đến nay những trường phái triết học này chỉ còn nhắc đến trong một số môn học tại các trường đại học như một chủ thuyết đã từng tồn tại mang tính tham khảo. Vì thế, đạo Phật đôi khi cũng bị “hàm oan” bởi những quan điểm mê tín dị đoan, coi ngày tốt xấu, ngày xuất hành đầu năm mới..., đã làm cho những người ngoại đạo và một số Phật tử sơ tâm nhầm tưởng nó là chủ trương của Phật giáo, làm ảnh hưởng đến tính khoa học và uyên thâm của giáo lý đức Phật.

Giá trị văn hóa của đạo Phật bao gồm 2 khía cạnh căn bản là giá trị nghệ thuật và giá trị tinh thần. Hình ảnh những ngôi chùa cổ kính uy nghi trải dài từ Bắc bộ đến Nam bộ với nhiều kiến trúc mang đậm truyền thống phương Đông và đa dạng phong tục phù hợp với vùng miền, những kiến trúc chùa tháp ở Bắc bộ gắn liền với hình ảnh cây đa giếng nước tạo nên nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, vùng Tây Nam bộ với những kiến trúc chùa chiền của Khmer, ít nhiều ảnh hưởng văn hóa Cambodia nhưng cũng không thể “thoát ly” nền văn hóa Việt. Với những kiến trúc đó, các ngôi chùa luôn thể hiện chiều sâu của tâm thức làm cho con người luôn cảm thấy gần gũi, an lạc, thanh tịnh khi văn cảnh chùa và nhất là trong những ngày đầu năm mới âm lịch. Người Phật tử và những người lương giáo thường đến chùa làm các lễ nghi đầu năm, cầu cho cửu huyền thất tổ được vắng sanh, gia đạo bình an, hạnh phúc, quốc thái dân an ..., những suy nghĩ đó gắn liền với văn hóa ngàn đời của dân tộc.

*“Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của Tổ tông”*

Mùa xuân, khởi đầu cho một thời kỳ mới, giai đoạn mới, một năm mới, ... nó được bắt đầu bởi một thời kỳ nghỉ ngơi để chuyển tiếp mang tính truyền thống bằng một nghi lễ - Tết Nguyên đán. Nói đến Tết

là nói đến mùa Xuân với rất nhiều ý nghĩa của nó, là thời gian để tái tạo lại bản thân, nhìn lại một quá trình học tập, làm việc với những thành quả đã đạt được và những thất bại phạm phải để rồi tự mình thay đổi, tự đổi mới từ trong tiềm thức để bước sang một thời kỳ mới trở nên đẹp đẽ, tươi mới và tràn đầy sức sống, an vui, hạnh phúc.

Mùa xuân là mùa đẹp nhất của đất trời, trăm hoa đua nở, vạn vật bừng lên sức sống tốt tươi. Với Phật giáo, xuân còn là tâm an lạc và giải thoát của Phật tử. Phải chăng đó cũng là xuân của lòng người, của niềm tin, hy vọng hướng tới tương lai tươi sáng. Với lòng tin đó, ngày đầu năm mới người Phật tử hay người theo lương giáo thường đến chùa lễ Phật, cầu quốc thái dân an, cầu phước huệ và tự mình hứa với lòng một năm mới nhiều cố gắng, nhiều thành công hơn năm cũ đã qua. Trên tinh thần đó giúp cho con người trở nên thánh thiện hơn, hữu ích hơn cho xã hội, cho tổ quốc.

Một nét đẹp khác trong ngày đầu xuân trở thành một thói quen mang tính nhân văn sâu sắc, đây cũng là thời gian cho việc sum họp đại gia đình, những gia đình có người thân tha phương để mưu sinh, ly hương vì mưu cầu cuộc sống nay có thời gian quay về sum họp, đốt nén tâm nhang cho tổ tiên, ông bà cha mẹ trong bảy kiếp. Nhưng quan trọng hơn đó là sự quay về với nguồn cội, tổ tiên mà bản năng một người con xa xứ hay một người sinh sống tại địa phương cũng cùng nhau hướng về cội nguồn trong ngày đầu năm mới. Thứ đến, họ cùng nhau đi lễ chùa, người già đến chùa lễ Phật mong cho thân tâm an lạc, khỏe mạnh, sống lâu dài với con cháu, tạo hòa khí hạnh phúc trong gia đình, họ mong cầu được trường thọ để làm gương cho con cháu, nhất là việc thờ cúng tổ tiên ông bà trong nhiều đời, nhiều kiếp. Người trung niên đến chùa lễ Phật để được an lạc thân tâm, mong muốn một năm mới gia đình được nhiều lợi lạc, hạnh phúc, con cái ngoan hiền, học giỏi, bản thân họ được công thành danh toại... Những ước muốn tích cực đó là động lực cho họ phấn đấu

nhiều hơn trong cuộc sống làm việc và cống hiến cho xã hội, cho tha nhân. Trẻ em cũng được cha mẹ cho đến chùa chiêm bái lễ Phật, nghe các sư thầy thuyết giảng đầu năm, khai thị tuệ giác để năm mới học hành được tấn tới, đỗ đạt cao trong những kỳ thi, trở thành những người có nhân cách tốt, những tài năng cho sự phát triển đất nước trong tương lai.

Tuy nhiên, hiểu được tính vô thường trong giáo lý của đức Phật thì mùa Xuân đâu chỉ là 3 tháng, xuân trong tinh thần Phật giáo là sự an lạc trong đời sống, xả bỏ những hỷ, nộ, ái, ố, ... thì ngày nào cũng là mùa xuân. Nhà thơ Xuân Diệu viết:

*Một ít nắng, vài ba sương mỏng thắm,
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.
Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng.
Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng;
Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ,
Chim trên cành há mỏ hót ra thơ;
Xuân là lúc gió về không định trước.
Đông đang lạnh bỗng một hôm trở ngược,
Mây bay đi để hở một khung trời
Thế là xuân. Ngày chỉ ảm hơi hơi,
Như được nắm một bàn tay son trẻ...
Xuân Diệu, 1939.*

Đối với người Phật tử, xả bỏ hết những ưu phiền, biết đủ, biết yêu thương, kính nhớ tổ tiên thì cảnh bên ngoài là Thu, là Đông, hay là Hạ, lòng người vẫn là Xuân tươi vui, an lạc. Mãn Giác Thiền sư tu hành ngộ đạo, nhận ra mùa Xuân bất tử và đặc ý cảm tác hai câu thơ rằng:

*Đừng bảo Xuân tàn, hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một nhành mai.*

Dịch: HT Thích Thanh Từ

Xuân trong đạo Phật cũng là Xuân trong cuộc đời, cho dù bạn theo tôn giáo hay tín ngưỡng nào, thì hãy nhìn thẳng vào cuộc sống mà tìm được mùa Xuân và sự an lạc, hạnh phúc cho chúng ta. Với tinh thần xây dựng trên nền tảng giáo lý Phật giáo gắn bó mật thiết với sự sống của con người, đạo Phật trở thành một tôn giáo của nhân loại, đạo Phật và dân tộc, văn hóa Phật giáo Việt Nam là tinh hoa hồn Việt.

Biên Hòa, tháng 11 năm 2022



* Tài liệu tham khảo:

HT Thích Trí Quảng, 2021, Mùa xuân trong đạo Phật, <https://phatgiao.org.vn/>

HT Thích Giác Hiệp, 2019, Phật giáo và các giá trị nhân bản, <http://phatgiao.vn>

HT Thích Gia Quang, 2014, Những giá trị Phật giáo cần được phát huy trong thời đại ngày nay, <https://phatgiao.org.vn/>

Dương Thị Hồng Nhung, 2021, Khai thác nét đẹp văn hóa dân tộc thông qua các lễ hội truyền thống Việt Nam để phát triển du lịch, <https://dangcongsan.vn/>

Nguyễn Phan Khiêm, 2017, Lễ hội và bản sắc văn hóa, <https://dangcongsan.vn/>

GS. TS. Mai Ngọc Chử, 2020, Văn hoá truyền thống phương đông - Một số đặc điểm và những hạn chế cần khắc phục trước xu hướng hội nhập quốc tế, Trường



“CẢM NHẬN bài thơ XUÂN YÊU THƯƠNG” của LĂNG GIÀ TÂM

Quảng Thông – Hạnh Như

Đất trời thiên nhiên mỗi năm có bốn mùa Xuân - Hạ - Thu - Đông. Mỗi mùa đều có một điểm đặc trưng của nó, đều tỏa một sức sống mãnh liệt trong mỗi người chúng ta. Sự cảm nhận ấy không ai giống ai, có người thích mùa này có người thích mùa kia, nhưng đa số đều là mùa xuân, bởi mùa xuân không chỉ là mùa của năm, của thời tiết khí hậu ..., mà là Xuân ở lòng người, xuân ở niềm vui trong từng cảm nhận, từng suy nghĩ, từng bước đi của chính mình, mà bài thơ “Xuân Yêu Thương” của tác giả Lăng Già Tâm đã thể hiện.

“Tâm xuân vũ trụ đều xuân

Tâm bình thế giới đâu đâu cũng bình”

Mở đầu bài thơ với một tâm thế khẳng định quả quyết rằng, nếu tâm không vui, không cảm nhận tích cực về sự có mặt của hiện tượng chung quanh thì niềm vui, sự an lạc trong cuộc sống, trong tâm hồn chúng ta sẽ không bao giờ xuất hiện. Nguyễn Du cũng nói rằng:

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

Tác giả muốn nói lên rằng, tâm và cảnh tuy hai mà một. Khi tâm có sự phân biệt đối đãi, có hơn thua, ganh ghét, đố kỵ, ích kỷ thì trong mọi hành động của chúng ta sẽ không có chất liệu của sự hoan hỷ, an lạc, giải thoát.

*Thương nhau giữ một chữ tình
Cho cây thêm nụ cho cành nở hoa*

Tác giả cho ta thấy, trong cuộc đời này, trong mỗi người chúng ta khi tình thương, tình yêu còn được thể hiện một cách chân thành, thì cuộc đời này không bao giờ có chiến tranh, không bao giờ có hơn thua, tranh giành, đố kỵ, ganh ghét... Từ đó, mọi cái nhìn, mọi cảm nhận của chúng ta đều là hoa là hương, là hoan hỷ, là nét đẹp của cuộc đời.

*Ai ơi! Chớ nệ gần xa
Chữ thương chữ mến mặn mà cả hai
Dầu cho xuống biển lên Đoài
Ngày xuân xin có mấy lời trao nhau*



Khi tình thương yêu được thể hiện một cách chân thành, sâu sắc thì không có sự xa gần hay chia cách về địa lí hay lòng người. Thương mến hay ghét bỏ chỉ là trạng thái của tâm. Nếu không cảm nhận được sự đau khổ hay an lạc đang hiện diện trong từng suy nghĩ từng hành động, thì không thể có một sự an lạc giải thoát nào cho chúng ta cả. Dù có lên non xuống biển, hay vào tận rừng sâu cũng không có sự an lạc giải thoát nào nếu không có sự chuyển hóa tâm thức của chính mình. Như nhà thơ Tôn Nữ Kỳ Khương cũng từng nói:

*Còn gặp nhau thì hãy cứ vui
Chuyện đời như nước chảy hoa
trôi*

*Lợi danh như bóng mây chìm nổi
Chỉ có tình thương để lại đời...*

Mùa xuân, an lạc, hoan hỷ, giải thoát chỉ có với những người thực sự có tỉnh giác, có sự an tịnh của tâm hồn thì họ mới có thể truyền năng lượng tích cực ấy đến với người khác một cách chân thật, từ đó mùa xuân của lòng người luôn được truyền cảm hứng đến từng người, đến xã hội, đến nhân loại...

*Tâm có tịnh, trời kia mới tịnh
Lòng có an, đất mới bình an*

Như từ đầu tác giả đã khẳng định rằng khi tâm ta tịnh thì mọi vật mọi việc đều tịnh, khi tâm ta ở trọng thái nào thì cảnh vật sẽ ở trọng thái ấy.

Đức Phật có dạy rằng:

Ý dẫn đầu các pháp,
 Ý làm chủ, ý tạo;
 Nếu với ý ô nhiễm,
 Nói lên hay hành động,
 Khổ não bước theo sau,
 Như xe, chân vật kéo.”

(Kinh Pháp Cú, Phẩm I)

Để xác thực rằng, tất cả mọi hiện tượng trên cuộc đời này đều là do tâm chúng ta tạo nên, nên khi tâm mình an hay động thì cảnh sẽ có an có động.

Dù cho gió biển mưa ngàn

Thủy chung như nhất đá vàng nào phai

Dạo một vòng cả thế giới, khi quay về thực tại thì ta vẫn là ta như thuở nào, có là ai, là gì chẳng nữa, thì sự yêu thương chia sẻ, hòa đồng chung thủy, an lạc hoan hỷ, giải thoát Niết Bàn vẫn là đích đến cuối cùng của con đường chúng ta đang đi.

Để thấy rằng, tác giả là một chức sắc cao tuổi, cả một đời huân tu, giáo dục hoàng pháp, phụng sự giáo hội, giúp đạo giúp đời bằng tất cả tấm lòng của người tu sĩ. Chỉ khi nào ta có an lạc, thì cuộc sống của ta mới có an lạc, tác giả cũng thế, khi có an lạc của chính mình thì tác giả mới truyền tải được năng lượng an lạc đến với độc giả, đến với mọi người qua sự cảm nhận về mùa xuân. Từ mùa xuân của đời, của hiện tượng thiên nhiên tác giả đã chuyển hóa thành mùa xuân an lạc của lòng người. Đó mới thật sự là một nhà chân tu, một nhà thơ, một nhà thiết kế ngôn ngữ tuyệt vời có thể khiến cho mọi người được an lạc như chính mình.



1

Giáng Đâu suất tướng.

Từ Đâu Suất ngài Hộ Minh Bồ Tát
 Quán thiện duyên bao kiếp đã gieo trồng
 Thương chúng sanh trong biển khổ mê mông
 Tám điều đủ Ta-bà Ngài ứng hiện.

047

NỘI SAN BÁT NHÃ



2

Nhập thai mẹ trong hình tướng voi trắng sáu ngà.

Tướng voi trắng sáu ngà không trung đến
 Nhập vào hông ứng mộng hậu Ma-da
 Vô số chư thiên trời kỷ nhạc hoan ca
 Bà tỉnh giấc thọ bào thai hoàng tử.

3

Đản sanh tướng.

Ngày mừng tám tháng tư Bà cùng cung nữ
 Về quê hương theo tục lệ ngàn xưa
 Lâm-tỳ-ni vườn thượng uyển gió đông đưa
 Dưới gốc Vô-ưu Bà đản sanh thái tử.

4

Xuất gia tướng.

Lúc ấu thơ tướng trượng phu vang xứ
 Tình thương bao la trí tuệ hơn người
 Thấy chúng sanh đau khổ khắp nơi nơi
 Ngài lìa bỏ, xuất gia tìm ánh đạo.

8

TƯỚNG

THÀNH ĐẠO

Hạnh Thức - Thích Quảng Thành

¹ 1/Thời kỳ thích hợp. 2/Lục địa thích hợp;
 3/Quốc độ thích hợp; 4/Dòng tộc thích hợp;
 5/Cha mẹ thích hợp;
 6/ Tuổi thọ chúng sanh thích hợp;
 7/Ngày tháng giáng sinh thích hợp;
 8/ nơi tu hành và niết bàn thích hợp.

² Tứ thiên, tứ không và diệt thọ tướng định.

³ Túc mạng minh, thiên nhãn minh
 và lậu tận minh.

5

Hàng phục ma quân.

Sáu năm trường rời xa nơi huyền ảo
 Chốn rừng sâu Ngài quyết chứng đạo mầu
 Biết trong tâm còn ma chướng nổi đuôi nhau
 Bằng giới định xóa tan màn u tối.

6

Tiến trình trong đêm thành đạo.

Bốn chín ngày đêm quán tâm tìm lỗi
 Nhập tứ thiên, diệt thọ tướng, bốn không
 Thân an lành trí tuệ rộng mênh mông
 Lậu hoặc dứt chứng “tam minh” giải thoát.

7

Chuyển pháp luân.

Chứng ngộ rồi Ngài vân du hoằng hóa
 Giáo lý nhiệm mầu vi diệu cứu chúng sanh
 Từ đế thậm thâm Hoa Nghiêm cùng Bát chánh
 Giải thoát muôn loài, lục đạo khai hoàng ca.

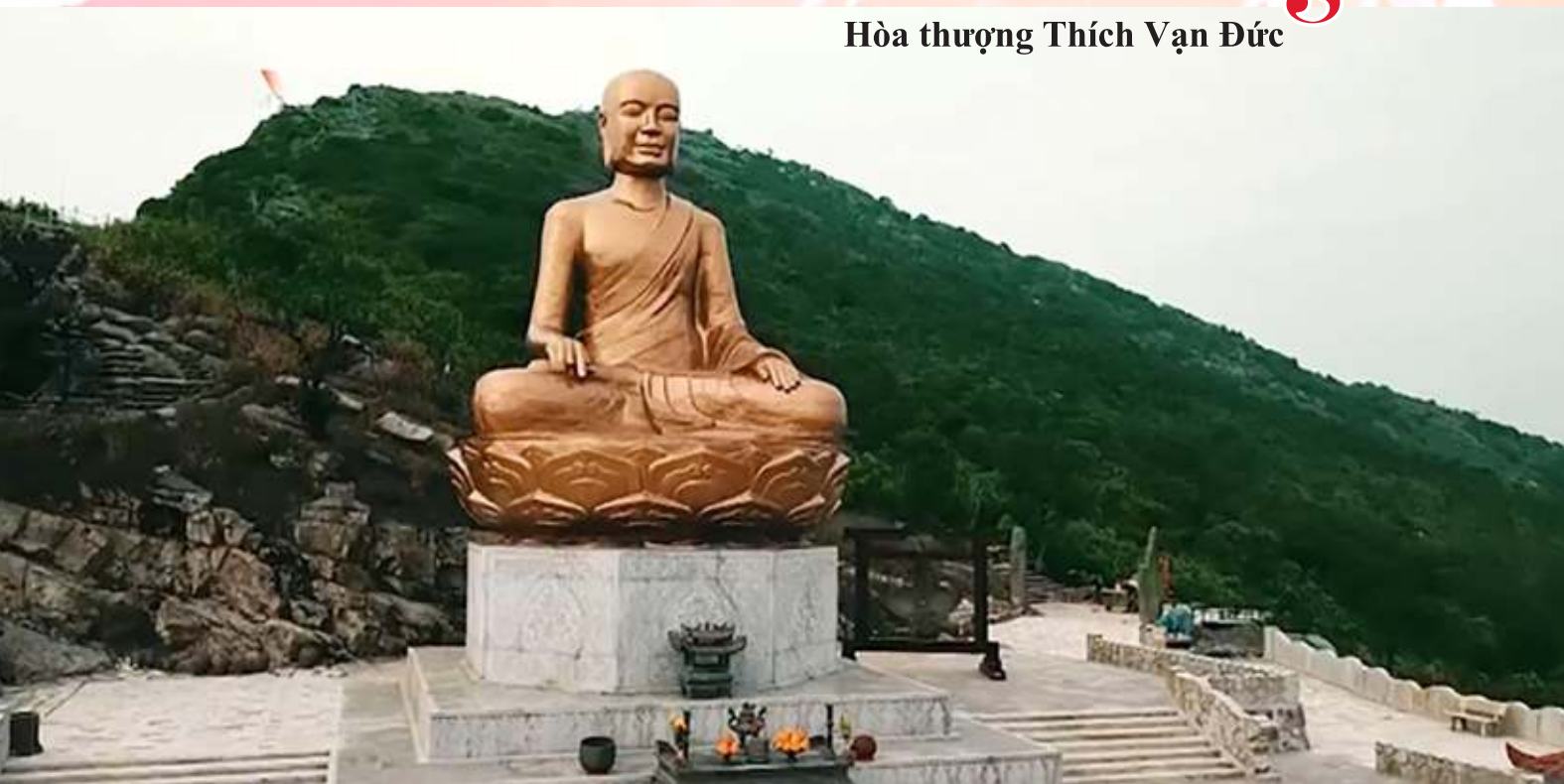
8

Nhập Niết bàn.

Bốn chín năm thuyết pháp cõi ta bà
 Nguyên viên mãn Ngài vào nơi tịch diệt
 Đệ tử chúng sanh, muôn đời lưu luyến tiếc
 Bậc cha lành đức từ phụ Mâu-ni./.

Phật Hoàng Trần Nhân Tông

Hòa thượng Thích Vạn Đức



*Việt Nam đất nước Lạc Hồng
Một người Vương tử rạng danh muôn đời.
Trưởng tử vua Trần Thánh Tông
Bậc Thánh tên Khâm con Hoàng Thái Hậu.
Tổ quốc hưng vong cứu đời.
Làm Thái Tử khi năm lên mười sáu
Chứng tỏ gìn dạ sắc son.
Giữa đêm tuyết gá cành cây nguyện về.
Núi Đông Cửu sáng hiện ra
Kỳ tài thạc đức hay là Đế Vương?
Vua cha hay được mọi bề
Sai quan đến đó mời con về triều
Năm hai mươi một làm vua.
Một hai bảy chín phẩm đẳng cứu trùng
Ngài bác ái với lòng thương
Thấy ngay trên rốn mọc bông sen vàng*

*Trên sen có một Phật vàng
Giác mơ Phật quả tỏ tường hiện ra.
Đứng bên Phật chỉ rằng là
Phật đây Phật hiệu là gì biết không?
Ngài đem giấc mộng trình cha.
Vua cha khen ngợi đó diễm lạ thay
Nhiều năm chay tịnh ốm gầy
Thánh Tông làm lạ liền tìm nguyên do.
Ngài trình tâm nguyện xuất gia
Thánh Tông nức nở cha già rồi đây
Giang sơn cha định hết rồi
Nếu làm như vậy nước này ai lo?
Những khi nhàn rồi ở triều
Ngài hay tham học với ngài Tuệ Trung
Thiền tông ngoại điển đều thông.
Đến khi đất nước Nguyên Mông quấy rầy*

Ngài liền ra trận giải nguy
Để dân an lạc vẹn toàn nước non
Đồng lòng cùng cả dân ta
Đuổi ngay quân giặc Nguyên Mông về Tàu.
Một hai tám năm một lần.
Một hai tám tám là lần thứ hai.
Giặc thua bỏ chạy tan hoang
Khiến cho quân giặc chết oan nhiều người.
Bên ta và cũng bên thù
Ngài đành đau xót biết làm sao u?
Dân yên nước thịnh nghĩ suy
Hội nghị tướng lĩnh Bình Than ghi vào.
Đến Hội bộ lão Diên Hồng
Bàn mưu chính sách lập nhiều kế binh.
Ngài nhìn đất nước hòa bình
Nhà tan cửa nát nhiều người hy sinh.
Nhân Tông xét lại tâm mình
Phải nên sắp xếp thuận thời xuất gia.
Đến năm một hai chín ba
Nhường ngôi trị nước con là Anh Tông.
Nhất tâm tu hạnh Thiền na
Lấy hiệu Chánh Giác Hương Vân Đầu Đà
Tới khi giặc ngỗ hiện ra.
Một ba không bốn Giáp Thìn của niên
Vân du truyền bá thiền ngôn
Khuyên dân tu học Chánh Tông Phật Truyền.
Ngài về Đại nội mùa đông
Truyền giao giáo pháp Chùa Sùng núi Linh.
Vào năm một ba lẻ tám

Ngài gọi Pháp Loa thiền tử
Đến Siêu Loại tại Báo Ân Thiền Tự
Thuyết giảng đa kinh độ chúng
Ngài liền hướng núi tuyết sương phủ đầy.
Pháp Loa thấy vậy bạch Ngài
Xông pha tuyết lạnh lúc này hợp chăng?
Thời cơ đã đến với Thầy
Thuận thời thuận thế kể này dài lâu.
Ngài tường sinh tử đến rồi
Dừng chân Siêu Loại kệ ban xuất rằng:
Số đời một hơi thở
Lòng người hai biển vàng.
Cung ma đồn quá lắm
Cõi Phật vui nào hơn?
Mười tám Ngài đến Ngọa Vân
Mười chín thị giả Pháp Không đến hầu.
Lên am Tiêu Tử, Núi Yên tìm người
Bảo Sát đến Ngọa Vân Am
Trông thấy Bảo Sát mỉm cười bảo ban
Chừ nay ta sắp đi đây!
Mừng một tháng mười một của đêm nay.
Giờ Tý đã đến đúng thì
Ngài ban pháp thoại bèn nằm tịch ngay.
Tất cả Pháp chẳng sanh
Tất cả Pháp chẳng diệt
Nếu hay hiểu như thế
Chư Phật thường hiện tiền
Nào có đến đi ấy vậy.
Năm một ba không tám
Dòng Thiền nước Việt Nam
Trở thành nguồn cảm hứng
Vân Yên trên Yên Tử
Đại Thánh Đức Trần Triều
Trúc Lâm Đầu Đà Tĩnh
Tuệ Giác Hoàng Điều Ngự





TÌM CẦU HẠNH PHÚC ? NƠI ĐÂU ?

SC. Huệ Như

Hạnh phúc là một trạng thái cảm xúc của tâm, được biểu hiện bởi cảm giác vui vẻ, thoả mãn, hài lòng, đầy đủ, hay sự cảm thụ đủ của mỗi cá thể nào đó khi họ bằng lòng với những cảm giác hiện hữu ngay nơi tâm. Mỗi giai đoạn của đời người, sự cảm thụ hạnh phúc không giống nhau, điều ấy tùy thuộc vào đời sống riêng tư và tính chất của từng công việc mà mỗi cá thể cảm nhận.

Có nhiều định nghĩa bằng Anh ngữ về hạnh phúc: Hạnh phúc là khi bạn làm cho người khác hạnh phúc (The best feeling of happiness is when you are happy because you're made somebody else happy). Cũng có một số định nghĩa: Hạnh phúc là khi bạn có những người để yêu thương, một công việc để làm, và một tâm hồn trong sáng (Happiness consists of three things: someone to love, work to do, and a clear conscience).

Nhà Phật khái niệm hạnh phúc: “Trong đời người chúng ta, hạnh phúc là khi ta làm điều gì đem lại lợi ích và mưu cầu lợi ích cho số đông. Mỗi hành động của mình là biết cho đi và nhận về bằng tâm vui vẻ, ấy là hạnh phúc.” Rất nhiều những định nghĩa về hạnh phúc nhưng hoàn toàn chỉ mang tính tương đối được ghi nhận, mà điều ấy còn tùy vào quan điểm sống, ranh giới, giá trị quan của mỗi con người. Cũng có thể hiểu theo nghĩa tương đối, hạnh phúc là sự cảm thụ của từng cá thể.

Trong một buổi chiều êm ả bên cạnh Kỳ viên tịnh xá khi Thế Tôn còn tại thế, có bốn vị Sa Môn đàm luận về “tìm cầu hạnh phúc” và đâu là hạnh phúc chân thật, hãy nghe câu chuyện của bốn vị Tỳ-kheo.

Bóng tà dương đang xuống dần sau dãy núi Himalaya (Hi-mã-lạp-sơn), gió muôn phương thổi lại, mang hương hoa về ướp thơm cảnh vật nơi tịnh xá Kỳ Hoàn vào một

chiều xuân. Cỏ cây làng mạc đượm vẻ thái bình, thanh tịnh trong buổi hoàng hôn ấy. Giữa thiên nhiên êm đềm, vừa ẩn vẻ hùng tráng, bốn vị Sa-môn cùng ngồi bàn luận dưới gốc cây cổ thụ trong tịnh xá. Mỗi người đều có cảm giác rất riêng trong không gian thanh vắng. Bỗng một vị lên tiếng: “Này, các đạo huynh! Chúng ta hãy nghiệm xem trong đời có điều chi hạnh phúc nhất?” Nghe nói, cả ba đều tỏ vẻ tán thành nói tiếp: “Hay lắm, chúng ta mỗi người nên suy nghĩ, rồi đưa ra quan niệm của mình. Sau một hồi suy nghĩ, hình dung trong tâm tưởng.

Vị thứ nhất lên tiếng: “Theo tôi, vào tiết mùa xuân, cỏ cây khoe sắc, muôn hoa hàm tiếu, chim hót líu lo, cảnh sắc như thắm đượm vẻ hiền hòa, phong cảnh thật đẹp! Trong lúc ấy, ví ta được thả chiếc thuyền nhẹ theo dòng nước, hay mang bầu rượu đến sườn non thưởng ngoạn cảnh vật của đất trời, chắc trong đời không chi thích thú bằng!”

Vị thứ hai đáp: “Theo ý tôi, cảnh gia đình sum họp sau bao năm xa cách vẫn là vui nhất. Nếu cảnh sum họp ấy có thêm vào đây những sơn hào hải vị cùng rượu ngon bên cạnh, những điệu nhạc khoan thai, tiết tấu êm dịu, với bao kĩ nữ tuyệt sắc cận kề, thì tôi thiết tưởng, hạnh phúc trong đời chỉ trong ngần ấy!”

Vị thứ ba nói: “Tôi nghĩ, nếu ta được sanh ra trong dòng tôn quý giàu sang, ở cung vàng điện ngọc, châu báu đầy kho, muốn tận hưởng điều chi tùy thích. Khi ra đi, có tôi tớ nâng khăn sửa áo phục tòng, nhất hô bá ứng; về đến nhà, lắm kẻ kính thưa hầu hạ, có người chăm sóc chiều chuộng. Trong cảnh ấy, thử hỏi còn hạnh phúc nào hơn?”

Vị thứ tư lại bảo: “Cuộc đời này nếu chúng ta có tiền, địa vị, rồi từ địa vị ta lại kiếm được tiền, điều ấy có lẽ còn dễ hơn tìm kiếm giai nhân. Nếu người nào có được đôi ba nàng hầu tuyệt sắc, kẻ ấy chưa chắc vua chúa sánh bằng. Còn hạnh phúc nào hơn khi cùng những người đẹp ngắm cảnh sơn thủy bâng khuâng thưởng lạc non bồng, lúc nghe giọng hát du dương, ngơ ngẩn như vào động bích, lại có lúc cùng người đẹp cận chén đồng tâm, thỏ thẻ bên tai những lời êm ả, cùng ngắm mây xanh bàn câu phong nguyệt, chắc rằng hạnh phúc giữa trần này không qua mấy điều tôi vừa kể.

Sau khi nêu lên suy nghĩ của mình, bốn vị đều cho ý nghĩ của mình là đúng nhất, không ai chịu thua, cùng nhau tranh luận, bất phân thắng bại. Bấy giờ, cách đây không xa, đức Thế Tôn đang đi kinh hành quanh tịnh xá Kỳ Hoàn, nghe sự bàn luận ấy, Ngài động lòng thương xót cho bốn vị Tỳ-kheo kia, liền bước đến hỏi: Các ông bàn luận chuyện gì thế? Bốn vị Tỳ-kheo không dám che giấu, phải đem sự thật thưa lên Ngài. Đức Thế Tôn bảo: “Những điều các ông vừa nói, đều là đường lối đi vào sự lo sợ, đau buồn, là địa ngục không có lối thoát, điều ấy không phải hạnh phúc chân thật lâu dài. Vì sao? Cảnh vật dù có tươi đẹp trong mùa Xuân, nhưng sang mùa Thu, đến Đông phải tàn tạ, héo gầy. Thân quyến tuy sum họp, vui cười, song có lúc sẽ phải đau khổ vì nổi chia lìa cách biệt. Tiền của, quan vị có đầy nhưng là những vật không lâu bền, là những thứ ở ngoài thân, khi chết không đem theo được, đến như sắc dục là mối nguy hại vô cùng, nó làm cho con người thân thể suy mòn, tinh thần mờ mịt, chính vì sắc dục làm quốc gia suy vong vì những ai tham đắm nó. Những vấn đề



các ông bàn luận ở đây đều là mối nguy hại, đều là con đường bước vào đau khổ triền miên, chính nó là nguyên nhân cho sự luân hồi bất tận. Chỉ có pháp lạc là Niết-bàn sáng suốt, thường còn, an vui trong sạch, đây mới là nguồn hạnh phúc chân thật. Là Sa-môn, từ thân cắt ái, đoạn trừ những tham muốn nhiễm ô, lánh trần tục đạo, các ông đừng để cho thú vui giả tạm ám ảnh, mà hãy tiến theo con đường chân chánh, suy nghĩ sáng suốt trên lộ trình của mình đang đi mới mong có ngày đến đích”.

Nơi đây, đức Thế Tôn khuyên nhắc các vị Tỳ-kheo. Các Ông nếu có sự mưu cầu hạnh phúc, thì nên trực nhận giá trị của người “Thừa tự pháp”. Nên là người thừa tự pháp, chứ không nên là kẻ thừa tự vật. Ngài nêu lên lý do tại sao thừa tự pháp tốt hơn? vì: “Chúng ta là hàng Tăng lữ mà chỉ biết thừa tự vật, không thừa tự pháp, thế tình sẽ chê trách đệ tử Thích Tôn không phải đi tìm cảnh giới tối hậu cho niệm xả ly.

Thế Tôn cũng dạy: Người biết trọng Pháp, biết trân quý gia tài Pháp bảo, người ấy sẽ tiết chế mọi sự sa xỉ, dừng lại mọi ham muốn. “Thừa tự vật” chỉ làm ta thêm muốn có thêm, mãi mãi sẽ rời xa hạnh phúc, chông thêm sầu -bi- khổ- ưu. Những ai thừa tự pháp không bao giờ khổ vì thiếu hụt vật chất, còn thừa tự vật thì thường nghèo nàn về pháp tài. Giáo Pháp là vô hạn, còn vật chất thì giới hạn. Đôi khi tài vật gây hoạ hoạn cho mình và người, giáo Pháp dẫn đến giải thoát và dứt nhiễm ô, còn vật chất khiến người ta thêm bám víu, chạy theo sự mưu cầu, không có điểm dừng, và đoạ lạc tâm tư trong phiền trực đau khổ. Pháp lạc không gây nhân chiến tranh, xung đột, nhưng vật chất, quyền lực, địa vị thường là nguyên nhân dẫn đến mọi hiềm khích, thù hận. Giáo Pháp không thể bị hủy diệt còn vật chất là thứ khả hoại. Tài sản có thể bị cướp mất, nhưng ngay cả cái chết vẫn không thể cướp đi Pháp tài. Giáo Pháp đưa đến sự viên ly, thoát khỏi sự trói buộc, nhưng tài vật là nguyên nhân của thêm muốn, khổ đau. Giáo Pháp là nguồn gốc của mọi thiện pháp, tài vật là nguồn gốc của tội ác. Giáo Pháp khiến tâm nhân thanh tịnh, tài vật làm tâm nhân nhiễm ô, giáo pháp tìm ra nguyên nhân của khổ, tài vật dẫn ta đến lo âu. Giáo Pháp thanh lọc thanh tịnh tâm, giúp ta đi vào tâm ta, còn tài vật chỉ nằm ở cổng giác quan. Giáo pháp giúp chúng ta sáng mắt thấy rõ sự đời, tài vật là nguyên nhân khiến người ta hiềm ty. (Kính Thừa Tự Pháp, số 3, Trung Bộ 1)

Và cũng trong chiều hôm ấy, Đức Phật lại kể cho các vị Tỳ-kheo: “Về kiếp trước, có một vị quốc vương tên Phổ An, kết bạn thân với bốn ông vua bên nước láng giềng. Một hôm, vua Phổ An mời bốn người bạn sang nước mình hội yến. Tiệc hoa kéo dài đến một tháng, đàn ca, sáo thổi, thức ngon vật lạ đã làm cho tình thân hữu càng thêm đậm đà khnit. Đến ngày chia tay, vua Phổ An hỏi bốn người bạn rằng: “Trên đời có thú chi vui nhất?” Bốn vị quốc vương đều theo chỗ ưa thích tuần tự đưa ra mấy quan điểm: “Cuộc dạo chơi; gia đình sum họp; giàu sang; sắc dục”. Vua Phổ An nói: “Những quan điểm của

các ông nói là gốc của khổ não là giếng mối lo sợ, trước vui sau khổ, sầu lo muôn mỗi đều do đây mà ra, chỉ bằng tịch tĩnh vô cầu vô dục, đạm bạc thủ đạo là an vui nhất.” Theo thiên ý của tôi: Những điều các ông bàn luận đều là thú vui mong manh, và là nguyên nhân của đau khổ, chỉ có Đạo trong sạch là vui nhất. “Này chư Tỳ-kheo! Vua Phổ An thuở trước chính là thân ta ngày nay, còn bốn vị quốc vương kia là tiền thân của các ông đấy. Kiếp xưa, ta đã giải rõ sự khổ vui tận tường mà các ông vẫn còn ham mê tham đắm, chưa thấu hiểu và không nhận ra nên mới trôi lăn trong biển sanh tử cho đến đời này. Nếu hôm nay các ông không xem lại hành vi và ý niệm của mình, không gia công tu tập thì bánh xe sống thác khổ đau chưa biết bao giờ dừng nghỉ.

Muru cầu hạnh phúc xem ra là điều không hợp lý, người hiểu nghĩa hạnh phúc là người không có sự mưu cầu, mà hạnh phúc là sự bằng lòng với các pháp hiện hữu sanh diệt; hợp tan tự tại, bản phú an nhiên; vui khổ không khiến ta mất thăng bằng. Giá trị của hạnh phúc không có chỗ tìm cầu, không đâu ngoài tâm chúng ta, mà là sự cảm thụ của mỗi cá thể đối với sự vật, tính đặt thù của sự việc, hoàn cảnh sai biệt của từng cá thể. Đối với bất kỳ ai càng truy tìm hay mưu cầu thì càng không thể chạm đến hạnh phúc đích thực. Người viết mạo muội cho rằng: “kẻ đại đi tìm hạnh phúc nơi xa, người khôn vun vén nó dưới chân mình. Lời Đức thế Tôn dạy: “Các ông nên là người “thừa tự pháp” thì chắc chắn hạnh phúc chân thật không ngoài tâm ý các ông.”

(Bài viết dựa theo *Heirs In the Dharma (Thừa Tự Pháp)*, kinh Trung Bộ 1 và kinh Pháp Cú Thí Dụ thứ 50, phẩm “Hiếu hỉ”).



TU TẬP ĐỂ chuyển hóa THÂN và TÂM

Đại đức Thích Đức Hải

Lúc mới tu thì hiểu tu là sửa, mà sửa cái gì? Sửa từ lời nói, tướng đứng đi, cách nằm ngồi sao cho đúng oai nghi của người tu đạo. Thời gian thấm thoát ít năm, thấy tu cần phải sửa cái tâm cho thật đẹp bằng ý nghĩ thiện lành, bởi lúc này những tập tính xấu tham, sân, si phát khởi dễ làm cho ta phiền não. Lúc đầu thì nghĩ mình là người tu thì không được buồn phiền, khó chịu, tức giận, thành ra bèn nén giận, dần xuống và nuốt vào bên trong. Năm tháng qua đi mới hiểu tu là chuyển hóa mọi phiền não, chứ không có nghĩa đè nén.

Hiểu theo Tâm lý học thì tu tập là quá trình chuyển hóa nhận thức, hành vi, có nghĩa là khi nhận thức đúng thì dẫn đến hành vi đúng. Trước tiên chuyển hóa về trí thức, từ ngu muội (vô minh) được thay thế bằng trí tuệ; thứ 2 là sự chuyển hóa từ cảm giác lo âu, sợ hãi được thay thế bằng an tịnh, bình thản đau khổ bằng hạnh phúc; thứ 3 là sự chuyển hóa thái độ cố chấp được thay thế bằng buông xả; thứ 4 là sự chuyển hóa trong tính cách cư xử trước sự tham lam, sân hận, si mê được thay thế bằng từ bi, hỷ xả, và trí tuệ. Muốn tu tập để chuyển hóa một tánh tính xấu thì đầu tiên phải ý thức nhận diện ra nó, kế tiếp là tìm



xem ta có những ý nghĩ, tư tưởng, quan niệm nào khiến cho tánh tình kia phát sinh. Sau khi tìm ra nguyên nhân thì ta phải thay đổi ý nghĩ. Mọi chuyển hóa đều bắt đầu từ sự thay đổi nhận thức và suy nghĩ.

Tu lâu chút nữa ta thấy vô thường, khổ, vô ngã, mà không còn sợ hãi và bị chi phối bởi sự vật hiện tượng bên ngoài. Mỗi

khi gặp chuyện khổ đau, trái ý, ta biết bản chất của chúng là vô thường, khổ, vô ngã. Chân lý này đâu phải của chỉ riêng ai, mỗi người trong đời điều phải trải nghiệm qua tất cả hơn thua, vinh nhục, được mất, khen chê, sinh, già, bệnh, chết của cuộc đời, mà tâm đủ bình tĩnh, sáng suốt, vắng lặng, trong sáng trước những hoàn cảnh đó là giác ngộ, giải thoát. Cốt lõi của sự tu đó là thấy ra chân lý cuộc đời, tức là thấy rõ toàn bộ sự thật để không bám víu. Hòa thượng Thích Viên Minh có nói: “Cái cuối cùng của tu tập là thấy rõ ràng tất cả các Pháp, tất cả mọi sự vật hiện tượng trên cuộc đời này đều có một ý nghĩa duy nhất đó là, để xem phản ứng của tâm mình như thế nào.” Bình thường đa số chúng ta đều cho mình biết được thực tại, cái gì tôi thấy, biết, nghe, hiểu đều là sự thật, vì thế nên mới có thấy của tôi rồi cứ khư khư cho cái thấy đó của tôi là đúng. Thực tại là sự việc hay cảnh vật bên ngoài, bằng sự tu tập tuệ giác ta thấy nó không đúng sai, phải trái, thiện ác, đẹp xấu, to nhỏ.v.v...Nó là nó, cảnh là cảnh, vật là vật, tức là sự vật như thế nào thì đúng như thế này, không phê phán hay thêm bớt, thấy sự vật như chúng là, đó cách nhìn "như thị". Đứng trước thực tại ta được thấu nhận mọi sự vật hiện tượng qua lăng kính 6 giác quan của thân, bằng cách mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, miệng nếm, thân xúc chạm, ý hình dung mà hình thành tri giác, nhận thức dẫn đến hành vi có đúng sai, phải trái, trước sau, thiện ác.v.v... Đối các bậc Bồ tát thì giác ngộ tất cả các pháp đều “không sinh ra, không mất đi, không dơ, không sạch, không tăng lên, không giảm xuống” như trong Bát Nhã Tâm Kinh đã dạy. Để chuyển hóa được những điều này chính đức Phật cũng phải trải qua một quá trình trải nghiệm mà giác ngộ, bằng những nỗ lực chân chính của bản thân thông qua con đường thiền định và quán chiếu, đức Phật đã trở thành một bậc giác ngộ, là một con người tỉnh thức. Những phương pháp bằng lời dạy của Ngài đều hướng đến sự giác ngộ hoặc sự tỉnh thức tuyệt đối. Nhân ngày kỷ niệm đức Phật Thành đạo, người viết xin trình bày sơ lược một số ý quan trọng về sự giác ngộ thành đạo của đức Phật, nhằm tu tập và chuyển hóa thân và tâm trong quá trình tu học. Tu tập và chuyển hóa bằng trí tuệ Tứ diệu đế: Ngay sau khi Thành đạo, đức Phật đến vườn Nai thuyết giảng, hóa độ cho nhóm năm anh em Kiều Trần Như. Trọng tâm của bài pháp đầu tiên chính là Tứ diệu đế, trong suốt quá trình hoằng pháp của đức Phật, giáo lý Tứ diệu đế luôn được ngài triển khai, làm định hướng cho các môn hạ đệ tử tu hành. Tứ diệu đế bao gồm thực trạng đau khổ, nguyên nhân gây ra các đau khổ của hiện hữu hay Tập đế, trạng thái vắng mặt toàn bộ khối đau khổ hay Diệt đế và con đường Thánh đưa đến sự chấm dứt mọi đau khổ hay Đạo đế (Tương Ưng Bộ kinh V, 614).

Bốn chân lý diệu được được thấu rõ bằng trí tuệ rằng, sanh, già, bệnh, chết, sầu, bị, khổ, ưu, não, cầu, không được là khổ; nói chung, năm thụ uẩn là khổ, khi hiểu được

nguyên nhân của khổ là tham ái, là yếu tố dẫn đến tái sanh, biết được trạng thái vắng mặt toàn bộ tham ái và đau khổ là an lạc, và hiểu được con đường Thành đạo tám ngành tức con đường giải thoát khổ đau (Trung Bộ kinh 1, 115 - 116). Khổ đau liên hệ đến thân, được đức Phật chia làm 2 loại thân và tâm. Thân gồm “sanh, già, bệnh, chết” thuộc thân sinh học. Tâm chia làm 4 nhóm gồm: Một Thương yêu mà phải chia ly. “người đầu sống, kẻ cuối sống, xa nhau ngàn trùng, ngàn thu vĩnh biệt”. Hai là ghét nhau mà phải hội ngộ. “Nghịch lý cho nhau sự không hài lòng, tiếp xúc giao tiếp với nhau, ngọt ngào khó thở. Bực tức, giận dữ, phản kháng, chống đối.” Ba là mong cầu mà không được toại nguyện. “Phần lớn chúng ta bị vướng kẹt bởi tham vọng của lòng người”. Bốn là cố chấp cơ thể vật lý này là thường hằng. “Dù theo quan niệm duy tâm hay duy vật cũng đều khổ đau.”

Thực tại chỉ có những người có bản lĩnh mới dám nhìn thẳng vào khổ đau để giải quyết nó. Thường con người có 3 thái độ sai lầm căn bản mắc phải các vấn đề khổ đau mang lại. Một là cường điệu hoá khổ đau: Tức khổ đau 1 hình dung tới 10, hay chỉ nhỏ như cục đá lại làm lên thêm bằng quả núi, bản chất khổ đau nhất nhỏ ta cường điệu nó rất lớn, chúng ta đã vô tình biến mình trở thành nạn nhân từ nhận thức sai lầm về thân, tức những nỗi khổ niềm đau ta đang đối diện. Hai là phớt lờ khổ đau: Tức cố tình phủ định các khổ đau mình đang có, không muốn cho ai biết, không chia sẻ, cũng không nhờ người khác góp ý giúp đỡ: Người có bệnh tật, không bận tâm tới bệnh để đi khám, vì sợ phát hiện ra bệnh khác, dẫn đến nhiều nỗi lo hơn. Ba là đào tẩu khỏi khổ đau: Đó là thái độ tuyệt vọng và thất bại hoàn toàn, đầu hàng trước số phận, quá nhiều nỗi lo bị dồn dập, quá sức chịu đựng, chẳng hạn như con bất hiếu, cha mẹ cãi vã. Hạnh phúc được đức Phật dạy: “Hạnh phúc của mỗi thế giới tức là cực lạc là Niết bàn, là trạng thái tâm hoàn toàn vắng bóng, nỗi khổ niềm đau, dầu ở trong hoàn cảnh nào thuận hay nghịch, sẽ luôn hoan hỷ và hỷ lạc, không bị vô thương chi phối”.

Tứ diệu đế là một phương pháp thực nghiệm hay khảo sát về đối tượng như chúng thật sự là; thí dụ thấy một đối tượng, xác định nguồn gốc của nó, biết chắc tình trạng vắng mặt của nó như thế nào, và các phương pháp đạt được trạng thái đó. Tứ diệu đế còn được sánh ví với tiến trình của y học trước một căn bệnh, chứng bệnh, nguyên nhân gây bệnh, trạng thái lành bệnh, và những phương thuốc chữa trị bệnh. Cũng vậy đức Phật như một vị lương y về sự tu tập, chuyển hóa thân và tâm đến cảnh giới an lạc giải thoát.



từ “*Ánh đạo vàng*
đến *Sám nguyện*,”

Hạnh Phương

Tuổi thơ, nhà tôi nép sau lưng chùa làng Gia Độ (Sắc tứ Tiên Độ Tự) ... duyên lành, nhờ vậy, tôi đến chùa, sinh hoạt Oanh Vũ, Gia đình Phật tử Gia Độ ... Tôi được các anh chị huynh trưởng hát cho nghe bài hát Ánh Đạo Vàng, Các anh chị còn dạy cho đoàn sinh hát bài hát ấy. Sau này dự lễ sám hối, tịnh độ, tôi lại được đọc tụng bài Sám Nguyện.

Dường như ở độ tuổi Mở Mắt, Cánh Mềm ... từng câu chữ trong bài Sám Nguyện: 'Đệ tử chúng con từ vô thi' ... Rồi thì từng tiếng lời, từng nốt nhạc Ánh Đạo Vàng của Hằng Vang: Từ ngàn xưa vương thành Ca tỳ la vệ... đã thấm đẫm tâm hồn trẻ thơ tôi...

Đó cũng là cốt tủy một phần hành trang của tôi trên dặm dài thiên lý vào đời ... Hành trang ấy dắt dẫn tôi vào Đạo, Đạo ở đây, nói rõ là Đạo Phật.

Tiếp thụ sinh lực từ nguồn suối cam lồ vi diệu của Đạo Phật, tôi đã vận dụng sinh lực ấy vào đời sống hàng ngày. Rồi tự thiên bẩm tôi đam mê thi ca, văn học, thuở ... chưa ráo máu đầu, tôi bạo dạn lấy chất liệu cam lồ diệu mật ấy làm thơ, viết văn ... Thật bất ngờ, một nhóc tí như tôi lại được thi sĩ Vũ Hoàng Chương, chọn đăng hai bài thơ Mười Thương, và Đâu Phải Sự Tình Cờ trên báo Đại Từ Bi khoảng năm 1971, 1972... Rồi thì chủ bút tạp chí Từ Quang, Thi sĩ Tống Anh Nghị - Tống Hồ Cầm chọn đăng bài thơ Ý Nghĩa Cao Xanh Ý bài thơ trên tạp chí ấy; (40 năm sau, bài thơ lại được nhạc sĩ Hằng Vang phổ nhạc) ... Sau đó, một loạt bài bình thơ, nhận định, thưởng lãm thi ca văn học, viết về những thi gia Phật giáo Việt Nam đăng trên nhật báo Điện Tín ở Sài Gòn: Bình thơ Trụ Vũ, Phạm Thiên Thư, Lê Nghị ... Nhắc lại chút xíu sự kiện văn học này là để nói đến lập địa tư tưởng của mình là tôi mình quyết lấy lý tưởng Đạo Phật làm nền tảng sáng tác văn học ... May mắn thay, đến bây giờ ở độ tuổi “lão già an chi” ... mình thấy mình đã không sai ... Mô Phật...

Nay vào You Tube, từ trang Facebook Nguyễn Hằng, trưởng nữ Nhạc sĩ Hằng Vang, tôi được nghe bài Sám Nguyên, do nhạc sĩ Hằng Vang phổ thi kinh Nhất Hạnh ... Tôi bàng hoàng cảm xúc ghi vội những cảm thức này.

Hơn 20 năm trước tôi đã hành trì một số nghi thức tụng niệm theo Nghi Thức Nhật Tụng của thầy Nhất Hạnh, tôi đã đọc bài Niêm Hương cũng như bài Sám Nguyên này nhiều lần, nhưng khi lắng nghe từng âm giai cung bậc, từng nốt nhạc mà Hằng Vang phổ bài thi kinh ấy, tôi mới thấy hết tinh hoa tư tưởng Nhất Hạnh chuyển tải vào thi kinh và Hằng Vang chuyển tải vào lễ nhạc Phật giáo Việt Nam.

Trên lộ trình dẫn thân vào con đường phụng sự lý tưởng tôi có duyên lành tao ngộ với nhạc sĩ Hằng Vang. Tôi vẫn gọi nhạc sĩ là anh, và anh cũng đã phổ nhạc một số bài thơ của tôi... Sáng tác của Nhạc sĩ Hằng Vang đa dạng, nhiều chiều ... rất phong phú... Nhân tuần thất 49 ngày của anh tại nhà anh ở Ban Mê Thuật, tôi tìm cách tiếp xúc với các con



của anh, tôi mới biết thêm mảng Tình Ca của anh cũng rất đa dạng, rất trữ tình, rất sung mãn...

Nhưng hôm nay, tản mạn về Hằng Vang, tôi quả quyết rằng lộ trình âm nhạc của anh cống hiến cho Phật giáo Việt Nam là: Đã được khởi đầu bằng Ánh Đạo Vàng và cột mốc cuối cùng lộ trình ấy là nhạc lễ Sám Nguyên ... dù rằng giữa lộ trình ấy còn rất nhiều tác phẩm khác, anh di cảo lại cho con cháu, cho các cơ sở văn hóa Phật giáo ... Có thể nhận định này hơi khiên cưỡng....nhưng tôi vẫn hy vọng rằng mình nói không sai ...

(9.11.2022)



Chỗ coi thường

TỤNG KINH NIỆM PHẬT NGHE PHÁP

Cư sĩ Thiện Quả - Đào Văn Bình

Hiện nay, phong trào tu thiền nở rộ nhất là Thiền Chánh Niệm, Thiền Vipassana khiến cho một số người coi thường pháp môn tu tập có tính truyền thống. Thậm chí một số cho rằng lối tu truyền thống bao gồm tụng kinh, niệm Phật trở nên lỗi thời, chỉ có tu theo Thiền Chánh Niệm mới giải thoát mà thôi. Quan niệm đó hoàn toàn sai, trái với lời Phật dạy. Trong Kinh Kim Cang, Đức Phật dạy rằng “Pháp của ta không có thấp có cao”. Trong Bát Nhã Tâm Kinh, Đức Phật lại dạy rằng “vạn pháp bất tịnh, bất cấu, bất tăng, bất giảm” và diễn rộng là “bất thấp, bất cao, bất đúng, bất sai”. Tất cả tùy căn cơ của mỗi chúng sinh mà thôi. Ngoài ra, Đạo Phật khi vào bất cứ quốc gia nào cũng khế hợp với văn hóa truyền thống vốn có trước đó của dân tộc đó. Lối tu của Phật tử Việt Nam khác với lối tu của Phật tử tại các quốc gia theo Nam Tông như Tích Lan, Thái Lan, Miến Điện, Lào, Căm Bốt. Và hiển nhiên lối tu tập của Phật tử tại các quốc gia Phương Tây và Hoa Kỳ cũng khác với lối tu của Nam Tông và Bắc Tông. Điều đó không có gì xa lạ vì văn hóa, cuộc sống và lối suy nghĩ của họ khác với Đông Phương. Căn cơ của Tây Phương thích hợp với lối tu Thiền và Mật Tông điển hình là Đức Đạt Lai Lạt Ma. Tuy nhiên không phải tất cả người tu Thiền đều thành công. Cũng có nhiều vị tu thiền “tẩu hỏa nhập ma” tức mắc bệnh tâm thần. Nhưng có rất nhiều vị tu theo pháp môn tụng kinh, niệm Phật lại đắc quả. Xin nhớ cho có rất nhiều thiền sư lỗi lạc đắc đạo trong quá khứ đều tụng kinh, niệm Phật. Trong pháp hội ở Núi Kỳ Xà Quật, Đức Phật dạy Phật tử Diệu Nguyệt như sau:

“Muôn hàng phục và chuyển biến cái sát-na tâm sanh diệt ấy, thì không có pháp nào hơn là pháp niệm Phật. Này Diệu Nguyệt cư sĩ, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, đủ lòng tin, thì chỉ cần chuyên nhất xưng niệm danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật, suốt cả sáu thời trong ngày và giữ trọn đời không thay đổi, thì hiện tiền chiêu cảm được y báo và chánh báo của Phật A-Di-Đà ở cõi Cực Lạc.” Và Đức Phật nhấn mạnh thêm “Đây là môn tu Đại Oai Lực, Đại Phước Đức.” (2) Ngay các bậc thượng thủ như Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền cũng đều niệm Phật. Còn thiền sư Bách Trượng (720-814) cũng phải nhận định rằng “Tu hành, dùng pháp môn niệm Phật là vững vàng nhất.”

Là người học Phật, tôi kính trọng pháp môn tu Thiền nhưng cũng rất tin tưởng vào pháp môn tụng kinh, niệm Phật và nghe pháp. Pháp môn tu hành truyền thống này của người Việt Nam đã có gần hai ngàn năm nay thật vi diệu. Dùng trí tuệ mà suy xét chúng ta thấy trong tụng kinh có cả Giới-Định- Huệ:

Trước khi tụng kinh, chư tăng ni tại chùa hay Phật tử tại gia đều đánh răng súc miệng sạch sẽ, quần áo chỉnh tề, cử chỉ trang nghiêm cung kính. Mọi động tác đều nhẹ nhàng, không hấp tấp, vội vã. Nhang đèn được thắp lên tạo thành một không khí thật trang nghiêm. Theo tôi nghĩ đó là Giới. Giữ thân trang nghiêm là giữ giới. Và cử chỉ trang nghiêm chính là Giới. Trong khi tụng kinh, khi chú tâm hết vào lời kinh, tiếng chuông, tiếng mõ thì không còn vọng niệm nảy sinh. Đó là Định. Tụng kinh và ghi nhớ lời kinh, kinh thấm vào đầu óc mình lúc nào không hay, nhờ đó trí tuệ mở mang. Đó là Huệ.

Vậy xin chớ coi thường việc tụng kinh.

Còn công năng của niệm Phật xin đọc bài viết “Sự Màu Nhiệm và Nét Đẹp Của Niệm Phật” có đăng trên Thư Viện Hoa Sen.

Còn về nghe thuyết pháp:

Trong rất nhiều pháp hội, nhiều vị chỉ nghe Phật thuyết pháp không thôi mà chứng quả. Nghe giảng sư chân chính thuyết pháp, giảng dạy cách tu tập hay những lời Phật dạy là phước báu vì chúng tử lành theo nhĩ căn thấm vào A Lại Da Thức lúc nào không hay. Ngoài công việc mưu sinh, trách nhiệm trong gia đình chu toàn. Nếu có thời giờ nên tham dự các buổi thuyết pháp thay vì tham gia vào các hoạt động vô bổ. Nghe pháp trên Youtube hay nghe băng cũng tốt nhưng không bằng trực tiếp nghe pháp trong các pháp hội. Bầu không khí trong các pháp hội khác hẳn nghe pháp bằng các cách nói trên. Sự đồng đạo của đại chúng, sự chứng kiến hoặc chứng minh hộ trì của quý tăng ni khiến cho buổi thuyết pháp long trọng khác thường. Nghe pháp là cơ hội tốt làm quen thiện tri thức hay các người cùng sở thích với mình. Bạn đạo rất quan trọng trong việc tu hành và giúp giữ gìn tâm Bồ Đề kiên cố.

Vậy xin quý đạo hữu nào đang tu hành theo pháp môn truyền thống của đạo Phật Việt Nam bao gồm tụng kinh, niệm Phật, nghe pháp xin chớ nao núng. Xin chớ ngã lòng hay “Đứng núi này trông núi nọ.” Trong Kinh Viên Giác, Đức Phật dạy các bồ tát rằng phải chọn pháp môn phù hợp với mình mà tu bởi vì căn cơ mỗi người mỗi khác và sở nguyện mỗi người mỗi khác. Hãy chọn một pháp môn thích hợp và quyết tâm tu hành theo pháp môn đó, chắc chắn sẽ thành công. Hiện nay tại Trung Hoa có pháp môn tu hành rất khắt khe giống như Luật Tông. Ai dám đứng ra tuyên bố rằng tu Thiền Chánh Niệm chứng đắc, giải thoát hơn Luật Tông? Và ai dám nói pháp môn chẳng tu thiền gì cả mà chỉ “Đối cảnh vô tâm” (Ứng vô sở trụ) của Vua Trần Nhân Tông thua kém Thiền Chánh Niệm hay Thiền Vipassana? Theo tôi nghĩ, “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mà Đức Phật dạy Ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề trong Kinh Kim Cang chính là chỗ chứng đắc của “Nhu Lai tối thượng thừa thiền” mà không có bất thứ một thứ thiền nào qua nổi. Đối Cảnh Vô Tâm là tâm Phật, tâm như như bất động. Còn Thiền Chánh Niệm hiện đang phổ biến ở Hoa Kỳ và Tây Phương vẫn chỉ là thiền của chúng sinh còn ngụp lặn trong sinh tử luân hồi.



người PHẬT TỬ TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Mừng xuân 2023 – Tác giả H.M.T

Thế giới ngày nay đang ở khung cửa cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ 4 với trung tâm là sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, Internet kết nối vạn vật, rô-bốt, công nghệ na-nô, công nghệ sinh học,... đã và đang diễn ra, đưa nhân loại tiến vào kỷ nguyên thông tin và hệ thống mạng. Trong kỷ nguyên này, kết nối mọi sự hoạt động của con người trên thế giới với quy mô rộng khắp toàn cầu. Một kỷ nguyên với rất nhiều thuận lợi giúp cho con người có điều kiện học hỏi, trau dồi và tiếp cận với nhiều phương tiện hiện đại. Phật giáo cũng vậy, Phật giáo đã tích cực tham gia góp phần giải quyết các vấn đề xã hội với khả năng của mình. Trên thực tế, tinh thần dần thân nhập thế của Phật giáo đã nói lên vai trò tích cực của mình trong đời sống xã hội đương đại, không những tạo ra các giá trị chân chính đóng góp thiết thực vì lợi ích tha nhân mà còn bảo tồn nguyên vẹn các giá trị truyền thống và bản chất của Đạo Phật. Từ sự chuyển đổi hình thái của xã hội, những tư tưởng, triết lý Phật giáo đang hiện hữu và sẽ đóng vai trò trung gian cho sự chuyển đổi các giá trị của hệ tư tưởng tiến bộ của nhân loại trong hiện tại và tương lai.

Đạo Phật luôn tồn tại trên nền tảng hội chúng và tín đồ. Tín đồ Phật giáo (còn gọi là Phật tử) là người có đức tin sâu vào Tam bảo và tin sâu vào nhân quả. Người Phật tử luôn hướng tâm của mình **"Con về nương tựa Phật, người đưa đường chỉ lối cho con trong cuộc đời. Con về nương tựa Pháp, con đường của tình thương và sự hiểu biết. Con về nương tựa Tăng, đoàn thể của những người nguyện sống cuộc đời tỉnh thức"** (lời phát nguyện khi quy y Tam Bảo). Dân số Phật tử là nguồn tài sản quý báu, là huyết mạch của

Với kỷ nguyên mới này đang tác động mạnh mẽ và làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt thế giới và đất nước, bao gồm cả thượng tầng kiến trúc lẫn hạ tầng cơ sở của con người và xã hội hôm nay. Về thượng tầng, triết lý thực tại công nghiệp 4.0 đang là triết lý của “ảo là thực” và “thực là ảo” và cũng là triết lý của tích hợp những “ảo” thành “thực”. Cuộc đổi thay tất yếu này của nhân loại được đánh giá là đầy năng lượng của triển vọng cũng như thách thức. Triển vọng cho những cộng đồng và cá nhân ý thức được cuộc đổi thay và chuyển mình kịp theo cuộc đổi thay. Ngược lại, ấy sẽ là thách thức. Vậy vai trò của người Phật tử trong kỷ nguyên mới này cần phải làm gì để góp phần duy trì mạng mạch Chánh pháp và làm cho đạo Phật trở thành một tôn giáo tươi trẻ, năng động và đầy sức sống?

1. Vận dụng ứng dụng khả năng Bi – Trí – Dũng của Đạo Phật:

* Ứng dụng khả năng Bi (lòng từ bi):

- Bi trong đạo Phật đó chính là lòng cảm thông và cảm nhận được sự khổ đau mà người khác hay vật khác đang gánh chịu. Mặt khác, Bi không phải đơn giản chỉ có sự xót thương và chia sẻ khổ đau với người khác, dù cho đi kèm với bố thí cũng thế. Bi trong Đạo Phật rất cao cả và tích cực, mãnh liệt hơn những gì ta hiểu một cách thông thường. Ngoài ra, Bi còn là một sức mạnh thiêng liêng và Bi cũng chính là đức hạnh và nguyên nhân thúc đẩy Đức Phật đi truyền dạy Giáo Pháp sau khi Giác Ngộ đến hết phần đời còn lại ở trần gian “*vì lòng bi-mẫn dành cho chúng sinh đang chịu sự khổ đau bất tận trong vòng sinh-tử luân hồi*”. Bi còn được hiểu “*Nếu có một người cầm gậy đánh ta, ta không kết tội chiếc gậy đã làm cho ta phải đau đớn, ta cũng không kết tội kẻ đã cầm gậy đánh ta,...mà ta phải kết tội sự nóng giận đang chi phối, thúc đẩy và hành hạ người đang cầm gậy đánh ta*”. Vậy, nếu ta biết kết tội sự nóng giận đang giày vò người



cầm gậy, tức là ta phát lộ lòng Từ bi đối với họ. Chính hận thù và giận dữ đang tàn phá họ và làm cho họ khổ đau. Từ bi buộc ta phải giúp họ trút bỏ sự giận dữ và hận thù trong lòng họ và quên đi những đau đớn của ta. Bi là như thế, không phải đơn giản là một thứ tình cảm xót thương mà giúp tâm trí ta sẵn sàng đối mặt với khổ đau của người cam chịu bằng sự trầm tĩnh. Nếu ta chọn hành động theo sự thôi thúc từ nội tâm thì lòng từ bi khi đó sẽ sinh khởi cho phép ta giúp đỡ đối tượng mà không bị vướng mắc về cảm xúc. Người Phật tử thực hiện hạnh Bi của mình bằng cách tích cực tham gia các phong trào phát triển xã hội, bảo vệ môi trường, tri ân, báo ân, đền ơn, đáp nghĩa, hiến máu nhân đạo ... Đặc biệt, tham gia công tác từ thiện với tinh thần cứu khổ, cứu nạn của đạo Phật, hòa cùng truyền thống lá lành đùm lá rách, thương người như thể thương thân của dân tộc Việt Nam.

* Ứng dụng Trí (Trí tuệ):

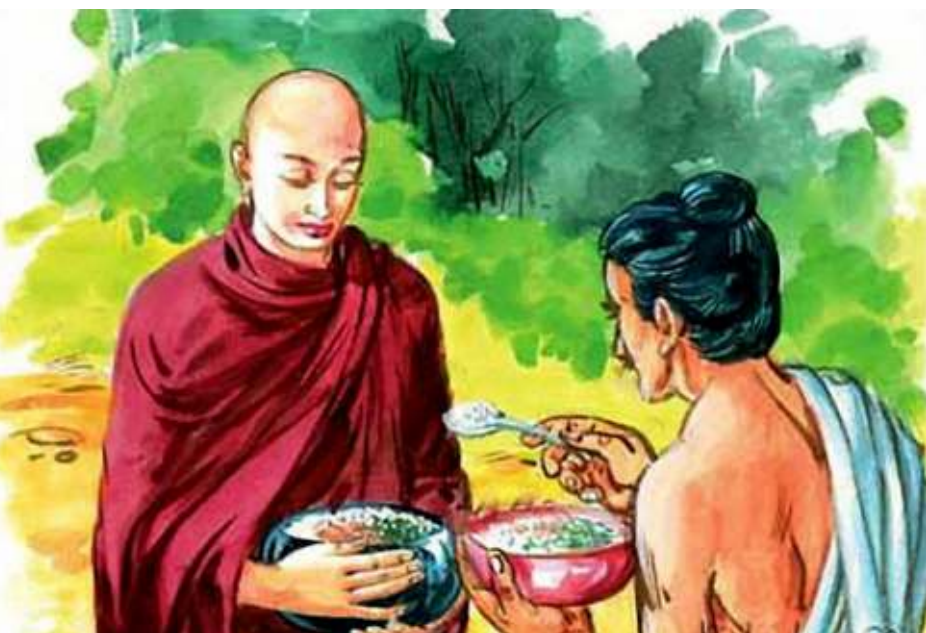
- Trí tuệ được hiểu là “ nhận thức rõ vấn đề ” hay “ hiểu mọi hiện tượng đúng với bản chất của nó “ *Yathà bhùtam pajànati Tathà bhùtam pajànati* ”, giống như dòng chảy của nước vừa chảy vừa là gương soi bóng của mọi sự vật (hiện tượng).

- Trí tuệ là năng lực nhận thức đúng của tâm về bản chất của cuộc sống để quyết định lựa chọn tình thế phù hợp đạt lợi ích cho mình và cộng đồng. Đặc tính của Trí tuệ luôn đặt tâm thuận theo cách tự nhiên để nhận biết mọi vật đều có quy trình hoạt động riêng ***" Người có trí tuệ giống như chiếc thuyền vững chắc có khả năng thoát khỏi biển khổ sông mê, là liều thuốc chữa được muôn ngàn bệnh tật, là chiếc búa sắt đập tan rừng phiền não, là lưỡi dao cắt đứt lưới vô minh "*** (Kinh Di giáo).

Người Phật tử với kiến thức Phật giáo trong kỷ nguyên 4.0 ứng dụng vào đời sống, vào giới trẻ dùng trí-tuệ dẫn hướng cộng đồng xã hội ứng xử có văn hóa qua ý nghĩ lời nói, cử chỉ hành động ở mọi nơi mọi lúc, mọi hoàn cảnh, trong mọi thời thế trở thành nếp nghĩ cách làm của cộng đồng.

- Trí tuệ được chia làm 03 loại:

+ **Trí Văn:** là năng lực hiểu biết nhờ “ nghe nhiều, học rộng ” là **kỹ năng lắng nghe** từ thiên nhiên, từ việc trao đổi giao tiếp hàng ngày với cộng đồng xã hội, để *thấu hiểu những gì người khác nói*, cần phải học tập *kỹ năng lắng nghe* hiệu quả. Ai cũng vậy trước khi nói chuyện hay nói chuyện có sức hút thường lắng nghe, tiếp nhận các loại thông tin từ môi trường sống thiên nhiên và từ mọi người xung quanh. Quá trình tích lũy nhiều loại thông tin từ việc nghe và thấu hiểu lâu dần trở thành loại Trí tuệ nghe nhiều (Trí văn). Người Phật tử khi ứng dụng kỹ năng nghe vào cuộc sống “ số ” thường:





Sẵn sàng lắng nghe: Khi nói chuyện trao đổi, chúng ta cần có thái độ sẵn sàng là người lắng nghe, do đó chúng ta nên chủ động và tập trung cao vào vấn đề họ đang nói. Hãy luôn nhớ rằng: Giây phút này chúng ta đang *lắng nghe họ truyền tải thông tin* là họ đang cho, đang tặng chúng ta những thông tin mà họ quan tâm cần gửi đến chúng ta các nội dung cần được chia sẻ.

Tương tác đồng thuận đặt câu hỏi: Khi chúng ta tương tác đặt câu hỏi với người nói, chính là xác nhận thông tin chính xác họ đã truyền đạt tới chúng ta để đôi bên đồng thuận vấn đề có cùng suy nghĩ kết nối chung một niềm tin, để bước qua ngôn ngữ không lời như ánh mắt, nụ cười thể hiện trạng thái cởi mở sinh động.

Lắng nghe và thấu hiểu là một trong những nghệ thuật sống của Phật giáo, Bồ Tát Quan Thế Âm lắng nghe tiếng kêu đau khổ của chúng sinh mà đến cứu giúp (*Tâm thanh cứu khổ*), để mở cánh cửa nhận thức cho mỗi người về thông tin chỉ đơn thuần là âm thanh hoạt động theo sự loan truyền tín hiệu không vì cái khổ “Tình” (Hy - nộ - ái - ô - ái dục) mà quên đi các quy luật sinh diệt của vạn vật.

+ **Trí Tư:** là năng lực của Tâm có được nhờ vào suy nghĩ, xét đoán, phân tích các chuỗi thông tin, cách tâm thức tiếp thu thông tin và xử lý. Đây là giai đoạn tiếp theo của Trí tuệ Lắng nghe và thấu hiểu. Lối phân tích này dựa vào lối suy nghĩ không hại ai, không giận hờn ai và không ham muốn. Phẩm chất của “Trí Tư” là xa lìa những ý nghĩ độc ác, hung dữ, thù hận, bạo tàn mà phát triển về tình thương, lòng trắc ẩn, trái tim bi mẫn đối với cuộc đời.

+ **Trí Tu:** là năng lực trí tuệ của Tâm thực hiện phương pháp thực hành của Tâm, làm cho Tâm có đầy lòng từ bi - hỷ xả hướng đến giải thoát khổ đau cho cộng đồng và cho cá nhân. Phương pháp thực hành giải phóng những suy nghĩ tiêu cực ích kỷ, mở rộng lòng bác ái vì cộng đồng thông qua kỹ năng mở rộng tâm hồn, thoát khỏi các áp lực bế tắc, xây dựng niềm tin vào tín ngưỡng cộng đồng. Khi đã biết Lắng nghe và Thấu hiểu (Trí

vấn), phân tích sự kiện (Trí Tư) thì Trí Tư mở lòng bác ái sẽ xây dựng cuộc sống trong kỷ nguyên mới đầy hạnh phúc và an lạc.

Vì vậy, để có thể an toàn và tự tại hơn khi sống chung với thời đại mới – thời đại của kỹ thuật số, người Phật tử khi sử dụng mạng xã hội cần phải có trí tuệ để định hướng trong việc tiếp cận thông tin và cần ý thức thận trọng trong tất cả mọi vấn đề được đăng trên mạng xã hội, nên tránh xa những trang web văn hóa đồi trụy, phản động, không xem các phim ảnh mang tính bạo lực, học Phật pháp trên những trang tin chính thống của Phật giáo ...

* Ứng dụng khả năng Dũng (Dũng mãnh):

Khi Bi và Trí tuệ phù hợp thì “ Dũng ” phát sinh. Lòng dũng mãnh, kiên định đã được vun đắp bởi tâm Từ bi và Trí tuệ trở thành Chí nguyện kiên cố không thay đổi; không sợ hãi, không lùi bước trước khó khăn nghịch cảnh.

Sự im lặng làm ngơ trước cái xấu ác, tạo điều kiện cho xấu ác sinh trưởng nhanh hơn, nhiều hơn mạnh hơn. Người Phật tử dùng các pháp Bi - Trí - Dũng như ngọn đuốc soi đường vượt qua mọi nghịch cảnh. Bi + Trí + Dũng là phẩm chất của giáo dục Phật giáo hướng đến nâng cao phẩm cách con người qua Kỷ Nguyên mới.

2. Vận dụng ứng dụng công nghệ 4.0 vào việc học Phật và thực hành:

Bậc Cổ đức nói “ **Đạo tại nhân hoằng** ”. Đức Phật trải suốt 49 năm tùy căn cơ của chúng sinh mà Ngài đã tùy duyên dùng thiện xảo phương tiện để thuyết pháp giúp cho những người có duyên với Phật pháp đều vượt qua khổ đau và đạt được giác ngộ, giải thoát.

Trong thời đại thông tin phát triển, các phương tiện công nghệ có thể xem như là một phương tiện truyền bá Phật pháp khá hữu hiệu trong thời đại hiện nay. Người tu học Phật có thể dùng mạng xã hội như một kênh để chia sẻ Phật pháp đến những Phật tử và giới trí thức hữu duyên nhằm nâng cao trình độ nhận thức Phật pháp. Nhờ đó, mọi người sẽ có nhiều cách tiếp cận Phật pháp linh hoạt hơn và nó sẽ phù hợp hơn đối với những người bận rộn nhưng có nhu cầu tìm hiểu về Phật pháp.

Những phương tiện công nghệ giúp ta nhân rộng ảnh hưởng tích cực của đạo Phật





đến với nhiều người trong xã hội ở mọi lúc, mọi nơi, góp phần chuyển tải một “Đạo Phật ứng dụng” đến với con người và xã hội. Các ứng dụng mà chúng ta có thể thấy nhiều nhất hiện nay như: webstie, gmail, google drive, zalo, facebook, viber, excel ... vào công tác quản lý, trao đổi, cập nhật thông tin trong hoạt động Phật sự một cách thuận tiện hơn. Các phương tiện công nghệ phát triển giúp chúng ta có thể giới thiệu hình ảnh của Phật giáo Việt Nam đến bạn bè quốc tế, tăng cường hợp tác và giao lưu quốc tế, mở rộng hoạt động đối ngoại tôn giáo, nâng tầm vị thế của Phật giáo Việt Nam trong khu vực và quốc tế.

Như vậy, ở một mức độ nhất định, phương tiện công nghệ phần nào đem lại lợi ích thiết thực trong đời sống tu tập, nếu chúng ta biết sử dụng đúng cách và hợp lý. Tuy nhiên, nó cũng có những tác hại đối với người quá lạm dụng, không có chánh kiến thì dẫn đến những điều không mong muốn.

Ngày nay chúng ta “**Vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai**”. Trách nhiệm và bổn phận của người Phật tử là phải noi gương Ngài mang ánh sáng từ bi trí tuệ tới muôn nơi, tới mọi đối tượng, mọi giai tầng trong xã hội không nên phân biệt trong nước hay ngoài nước. Vì hiện nay là thế giới phẳng không còn chia tách về không gian và thời gian. Điều cốt lõi của người Phật tử hiện nay là phải giữ gìn nền văn hóa đạo đức cho nhân loại nói chung và cho đất nước ta nói riêng trước nạn văn hóa bị xâm thực. Vì đất nước ta đang trong quá trình hội nhập, mở cửa, đón nhiều luồng gió mới, tốt đẹp song cũng có nhiều gió xấu, nhiều nếp sống, văn hóa độc hại ảnh hưởng nhiều tới thuần phong, mỹ tục của người dân và Phật tử nên chúng ta phải có trí tuệ (bằng cách trau dồi giới đức và tu tập) để nhìn nhận và đánh giá các loại thông tin có lợi và bất lợi. Cố gắng nắm bắt công nghệ 4.0 để ứng dụng trong việc học Phật và truyền bá giáo pháp của Đức Phật để phát huy những giá trị cốt lõi, tinh hoa của giáo pháp sinh động mà Đức Thế Tôn đã truyền dạy. Nguồn năng lượng an lành nơi thân tâm, một trí tuệ tuyệt vời, một kiến giải vô ngã vị tha, dung nhiếp tất cả các pháp, giúp lòng người thanh thoát an vui, chuyển hóa não phiền, ra khỏi đau khổ, luân hồi sanh tử./.

Nay khi tuổi đã xế chiều
Một mình một bóng sáng chiều héo hon
Qua rồi một thuở xuân son
Khi nhìn tuổi trẻ cháu con vui đùa.

Nay khi mỗi tối lên chùa
Chuyên tâm tụng niệm hơn thua làm gì
Cửa thiền là chốn Từ bi
Mọi người bình đẳng có chi sang hèn.

Nay Khi

Hòa thượng Thích Đồng Bổn
Quê Chiều 02/11/22

Nay khi trước lạ sau quen
Đồng tu đạo hữu tình sen một nhà
Giận hờn phiền não bỏ qua
Mến thương nhân ái chan hòa niềm tin.

Nay khi còn biết nghe nhìn
Tập quay vào lại ngắm mình trong gương
Nhìn cho rõ nét vô thường
Đến trên mái tóc pha sương nhuộm màu.

Nay khi khoác áo lam nâu
Siêng lòng niệm Phật có đâu sờn lòng
Buông tâm đối cảnh đều không
Ngồi trong thiền định để trồng phúc duyên.

Nay khi xếp lại tình tiền
Già rồi mộ Nghĩa để phiền não trôi
Tình nào rồi cũng phai phôi
Tri âm tri kỷ cuối trời thanh thoi.

Nay khi chờ nghiệp chuyển dời
Mỗi ngày lay Phật chờ vui lối làm
Nguyên cho người phát thiện tâm
Cầu cho nhân loại mỗi năm hòa bình.

Nay khi nhận thức hữu tình
Rồi ai cũng phải tử sinh lẽ thường
Hiểu rồi nhìn ánh tà dương
Ngày thì đã hết, yêu thương vẫn còn...

Nay khi muôn sự chưa tròn
Công phu thêm để phai mòn nghiệp xưa
Nhẹ lòng vui sống muối dưa
Thắng ma tâm đã dây dưa lâu rồi.



Mẹ và Trăng

HT. Thích Giác Tâm

Áo lụa mẹ choàng trắng trong như nguyệt bạch, trăng đậu trên vai trên vương áo ngắn dài. Lóm đóm hoa lóm đóm sao, mẹ trẻ trung như thời con gái, bất chợt con thấy mình thơ dại, thật hồn nhiên như thuở vào đời. Mẹ thân yêu của con của muôn đời mãi mãi, chở che con suốt cuộc tử sinh này.

Một chút mây vẫn còn đang phiêu lãng, và chùng như đang hội tụ cùng trăng. Cõi vĩnh hằng mây trắng thanh lặng, rừng thênh thang đêm mênh mang lặng lẽ ngời lặng lẽ thờ, trầm tư về một thuở đi hoang. Huyền thuyên nhiều chỉ thêm ngộ nhận, con trở về chợt dứt nói năng.

Theo mẹ đến chôn này, để nhìn đời và để nhìn mây. Đời trôi chảy như dòng sông dịch biến, mây hợp tan, tan hợp chưa hề... Con thơ dại vẫn vàng trăng đó, tóc sương pha mây trắng vẫn đi về, trăng tháng chấp sao mà tơ nồn soi tỏ đêm dài và cội lão mai, trăng sáng quá lòng bình yên lạ, ngẩn ngơ nhìn trời đất mới tinh khôi.

*** Lời tác giả:** Bài thơ Mẹ và trăng tôi viết cách đây khoảng 20 năm, trong một đêm trăng sáng của tháng chấp. Ngày đó, chùa Bửu Minh (xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai) còn hoang vu lắm, có cây đa gần 100 tuổi, tượng Bồ-tát Quan Âm đứng cạnh cây đa, bóng trăng chiếu vào Bồ-tát, ánh sáng xuyên qua kẽ lá chiếu vào thân Bồ-tát lóm đóm ánh sáng rất đẹp. Tâm hồn tĩnh lặng tôi viết một mạch 3 khổ thơ theo thể thơ tự do có nhiều nhạc điệu. Viết một mạch không sửa. Nhà văn Quách Giao, con nhà thơ Quách Tấn đọc bài này, đem so sánh với bài “Chơi giữa mùa trăng” của nhà thơ Hàn Mặc Tử. Có bản dịch tiếng Anh và tiếng Hoa nhưng tôi bỏ đầu mắt tìm không ra.

068

NỘI SAN BÁT NHÃ



Chúc mừng hai niềm hoan hỷ

Ni sư Huệ Tâm

Tặng thầy Thích Minh Trí

Người ta có hai lần thôi,
Lần thời hôn lễ - lần thời xuất gia.
Đồng Nai xứ sở Biên Hòa,
Duyên đầu duyên đến, gần xa trùng phùng.
Vừa mới lên chức Phó ban¹,
Hà Nội suy cử vào hàng Trung ương².
Biên Hòa tu sĩ thanh lương,
Đại hội³ Thầy⁴ được vinh danh hai lần.
Đoàn đại biểu⁵ báo tin mừng,
Tặng ni thành phố⁶ hân hoan cùng Thầy.
Địa bàn Trị sự Đồng Nai,
Năng lượng thành phố tràn đầy tình thân.
“Nhiều điều phủ lấy giá gương,”
Người trong Phật giáo phải thương nhau cùng.
Covid Thầy tặng khoai lang,
Của tuy tơ tóc nghìn trùng nghĩa ân.
Người lãnh đạo phải tài năng,
Có tài thêm đức mười phân vẹn mười.
Lợi danh để lại cho đời,
Giúp đời phụng đạo ta thời thanh thời.



Chùa lớn chùa nhỏ - gặng thôi,
Đóng nhiều đóng ít ta thời chung lo.
Phải đâu chùa lớn Phật to.
Lợi lạc tăng, tín-đồ do tấm lòng.
Biên Hòa trú xứ tu đông,
Quyền cao chức cả Thầy không đôi dôi.
Vui lòng đẹp dạ bao người,
Nhân hậu Thầy vẫn như hồi năm xưa.
Chức quyền ngọn cỏ gió đùa,
Xiển dương tăng chúng bốn mùa hoa khai.
Tình đạo pháp không riêng ai,
Lãnh đạo tài đức chung tay xây đời.
Sanh chúng đang chờ đợi người,
Ban vui cứu khổ đất trời lạc an.
Tà Niên⁷ sông nước Kiên Giang.
Đồng Nai Trị sự hiền lành chánh chơn.
Biên Hòa Thầy trẻ tuổi hơn,
Nhân tài thành phố đâu lưng góp phần.
Tăng ni gởi chút đạo tình,
Phúc Lâm⁸ thành quả hai lần Thầy ơi!
Trước chùa cờ phướn rợp trời,
Trưởng ban đón tết hơn mười xuân qua.
Chung tay xây dựng sơn hà,
Nước giàu dân mạnh nhà nhà an khang.
Đồng Nai thiện tự mệnh mang,
Thành phố đóng góp từng trang sử đời.
Vinh quang Phật giáo thấy vui,
Trưởng ban khiêm hạ vui thời vui hơn!
Biên Hòa thành phố thân thương,
Đạo lộ giải thoát cùng chung bước đường.
Song hỷ rạng rỡ sắc xuân,
Biên Hòa thịnh vượng chúc mừng Trưởng ban⁹!

Thiền tự bên sông, ngày 30/11/2022

*** Chú thích:**

1. Phó Trưởng ban Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2022 - 2027.
2. Ủy viên dự khuyết Hội đồng Trị sự GHPGVN khóa IX, nhiệm kỳ 2022 - 2027.
3. Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Đồng Nai ngày 01-02/ 11/ 2022 và Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc ngày 27-29/ 11/ 2022.
4. Thượng tọa Thích Minh Trí, Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên Hòa nhiệm kỳ 2021 – 2026.
5. Đoàn Đại biểu Phật giáo tỉnh Đồng Nai tham dự Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc khóa IX.
6. Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
7. Chợ Tà Niên, xã Vĩnh Hoà Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, quê hương của Thượng tọa Thích Huệ Khai, Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2022 – 2027.
8. Chùa Phúc Lâm, số 1272, Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa.
9. Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên Hòa.

Lời giới thiệu:

*Đây là một bài ngắn trích từ quyển sách
Lý tưởng của người Bồ-tát (The Bodhisattva
Ideal) của nhà sư Urgyen Sangharakshita
(1925-2018)*



Đức Đạt-lai Lạt-ma và nhà sư Sangharakshita
tại Kalimpong (bắc Ấn độ) năm 1951



Nhà sư Sangharakshita và Thiền sư Nhất Hạnh
tại Berlin (nước Đức) năm 1992

ĐỨC PHẬT và ANANDA

Urgyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyển ngữ

Ananda (A-nan-đa) là người anh em họ với Đức Phật, và từng là người phụ tá của Ngài trong hơn hai mươi năm, vì thế nên khó có ai có thể hiểu Đức Phật hơn Ananda được. Mỗi khi Đức Phật được mời dự tiệc thì Ananda cũng đi theo, trong các buổi thuyết giảng thì Ananda cũng đều có mặt. Khi Đức Phật tiếp những người đến viếng hoặc trả lời các câu hỏi thì Ananda cũng có ở đó. Lúc nào Ananda cũng ở bên cạnh Đức Phật, chẳng khác gì như hình với bóng. Nêu lên các điều trên đây là để thấy rằng đối với Ananda thì Đức Phật là tất cả. Tất nhiên những giây phút trong khoảng thời gian cuối cùng của Đức Phật trước khi nhập-niết-bàn đã khiến Ananda đau đớn hơn bất cứ một người nào khác. Theo kinh *Mahaparinibbana* (Kinh Đại-bát Niết-bàn), Ananda tìm đến một tịnh xá gần đó, gục đầu vào thành cửa và nghĩ đến Đức Phật đang sắp ra đi, trong vài ngày hay vài giờ nữa mà thôi. Ananda đã khóc thật thảm thiết và thốt lên: "Thế là vị Thầy từng yêu quý mình vô vàn lại sắp từ bỏ mình để ra đi".

Những lời than thở đó mang thật nhiều ý nghĩa và đã được các vị đồng tu nghe thấy (nhờ vậy, cử chỉ đó và cả những lời than khóc đó của Ananda đã được các tỷ-kheo khác ghi nhớ và lưu lại đến ngày nay). Suốt hai mươi năm bên cạnh Đức Phật, Ananda từng được nghe thật nhiều bài giảng và các lời giáo huấn, mà phần lớn mang nhiều ý niệm thật phức tạp, khúc triết, thật cao siêu hoặc huyền bí. Ananda cũng từng được nghe các câu trả lời của Đức Phật trước những câu hỏi đủ loại. Ananda rất kính phục trí thông minh, sự khả ái cùng các sự giải thích lưu loát và giản dị của Ngài trước các câu hỏi thật khúc mắc.

Ngoài ra, Ananda cũng đã từng chứng kiến nhiều hiện tượng thật phi thường. Thế nhưng sự kính phục Đức Phật của Ananda không phải chỉ vì trí tuệ của Ngài, sự hiểu biết sâu sắc của Ngài, cách lập luận lưu loát của Ngài, quyền năng tạo phép lạ của Ngài, cũng không phải là sự dũng cảm hay nghị lực phi thường của Ngài, tất cả các thứ ấy chỉ là những gì phát sinh từ tâm thần Ngài. Đối với Ananda lòng nhân ái của Đức Phật mới chính là phẩm tính phi thường nhất nơi Ngài. Qua những năm tháng bên cạnh Đức Phật, Ananda từng cảm nhận được nhiều điều, nhất là cảm tính của Đức Phật đối với mình, và cảm tính đó có thể thu gọn trong một câu nói: "Đức Phật quả hết lòng thương yêu ta".

Một nửa Phật giáo nằm bên trong câu nói đó (*tình thương của Đức Phật đối với Ananda và sự hy sinh của Ananda đối với Đức Phật biểu trưng cho một nửa Phật giáo, giáo huấn là một nửa còn lại: "tình thương" là lòng từ bi, "giáo huấn" là trí tuệ*). Trở lại với chủ đề của chúng ta, thì câu nói trên đây cũng chính là nguyên nhân đưa đến sự hình thành của lý tưởng người bồ-tát. Trí tuệ của Đức Phật không phải chỉ phản ánh từ giáo huấn của Ngài, mà cả từ tình thương yêu và lòng từ bi của Ngài, hiện lên từ cuộc sống gương mẫu của chính Ngài, và đó là những gì đã in đậm trong tâm trí của Ananda. Một số đệ tử của Ngài đã cảm nhận được điều đó, có nghĩa là họ không thể nào quy hết Phật giáo vào những lời giảng dạy của Đức Phật (*ngoài giáo lý còn có cả tình thương yêu và lòng từ bi*). Theo họ, Phật giáo không chỉ đơn giản là trí tuệ có nghĩa là giáo huấn, mà còn là tình



thương yêu và lòng từ bi, hiện lên từ cuộc sống của chính Đức Phật. Nói đến Phật giáo thì phải nghĩ ngay đến cả hai khía cạnh đó. Thật vậy, chúng ta phải đạt được sự giác ngộ hầu giúp mình trông thấy sự thật: đây là khía cạnh trí tuệ. Thế nhưng, chúng ta cũng phải cố gắng đạt được trí tuệ vì mục đích mang lại phúc hạnh cho tất cả chúng sinh: đây là khía cạnh của lòng từ bi. Hai khía cạnh đó gộp chung với nhau sẽ làm hiện lên lý tưởng của

người bồ-tát. Đây chính là phương thức và nguyên nhân đưa đến sự hình thành của lý tưởng người bồ-tát.

Ananda hết lòng chăm lo cho Đức Phật, không nghĩ gì đến sự thăng tiến tâm linh của mình, vì thế người ta có thể xem Ananda như là người bồ-tát đầu tiên. Nếu có thể tin vào những điều thuật lại trong kinh sách thì sau khi Đức Phật nhập diệt, Ananda đã tiếp tục con đường của Ngài, tức là đi hết nơi này đến nơi khác để thuyết giảng *Dhamma*, bước theo sau là cả một đoàn các tỳ-kheo đông đảo. Thế nhưng chính cung cách hành xử đó của Ananda cũng đã từng bị chỉ trích (*cho rằng Ananda không màng đến sự giải thoát và giác ngộ cuối cùng cho riêng mình*). Tuy nhiên, nếu như có một người nào đó hành xử gần nhất với Đức Phật, thì nhất định người ấy sẽ không phải là ai khác hơn là Ananda. Các

câu chuyện thuật lại đôi khi không được trung thực (*trách Ananda không quyết tâm tu tập cho riêng mình*); không thể tin hết được. Thế nhưng, dầu sao Ananda cũng đã vượt qua lịch sử Phật giáo như là một nhân vật tạo được nhiều sự chú ý nhất, không có một vị arahant (A-la-hán) nào sánh kịp, kể cả Mahakassapa (Ma-ha Ca-diếp) và cả Moggallana (Mục-kiền-liên).

Một số người cho rằng Ananda cố ý trì hoãn việc tu tập của mình là để có thì giờ chăm lo cho Đức Phật, vì thế nên không đạt được giác ngộ trước khi Đức Phật nhập-niết-bàn. Cách suy nghĩ đó khá hời hợt, bởi vì đây là cách cho rằng sự chăm lo cho kẻ khác không liên hệ gì đến sự thăng tiến tâm linh của mình. Thế nhưng, phải hiểu rằng phục vụ kẻ khác cũng chính là một thành phần của việc tu tập. Hơn thế nữa, người ta có thể bảo rằng lý tưởng phục vụ kẻ khác là một trong số các con đường phát triển tâm linh hữu hiệu nhất. Trên con đường đó, người tu hành sẽ vượt lên trên cái tôi (*cái ngã*) của mình, các quyền lợi cá nhân và các tham vọng của mình, và đây cũng là những gì mà Ananda đã làm.

Ananda chăm lo cho Đức Phật không hề là cách chọn cho mình con đường dễ dãi và hời hợt. Kinh sách đã rất dứt khoát về điểm này: Ananda trì hoãn việc phát triển tâm linh của mình là để nhận lãnh một trọng trách khác cao quý hơn. Thật vậy, Kinh điển Pali cho biết Ananda chỉ đạt được cấp bậc arahant (A-la-hán) sau *parinirvana* (nhập-niết-bàn) của Đức Phật, thế nhưng không hề có ý nêu lên sự trễ nãi đó là vì lý do Ananda phải chăm lo cho Đức Phật. Thế nhưng, thiết nghĩ chúng ta cũng nên suy nghĩ thêm về sự kiện đó, sở dĩ sự trễ nãi đó đã xảy ra phải chăng là vì Ananda không xem cuộc đời tu tập của mình là để đạt được một mục đích nhất định nào đó như các vị arahant khác. Dường như Ananda không quan tâm mấy đến mục đích đó của mình. Nếu muốn làm sáng tỏ về vấn đề này thì phải cần thêm nhiều khảo cứu khác nữa. Đối với nhiều thể dạng tu tập khác cũng vậy, cũng cần phải nghiên cứu thêm. Người ta có thể suy đoán được ý nghĩa tâm linh về các thể dạng tu tập đó, thế nhưng nguồn gốc lịch sử thì hết sức khó truy tìm (*những gì trên đây cho thấy sự cố gắng của nhà sư Sangharakshita trong việc tìm hiểu và truy tìm nguyên nhân và nguồn gốc đưa đến lý tưởng của người bồ-tát và cũng có nghĩa là của cả Đại thừa. Trên phương diện tín ngưỡng thì điều đó có thể "suy đoán" được, thế nhưng trên phương diện sử học thì thật hết sức khó chứng minh các điều "suy đoán" đó*).

Cũng vậy, thật khó giải thích tại sao lý tưởng của người bồ-tát lại xuất hiện dưới hình thức một trào lưu tu tập nêu lên một sự khác biệt với quan điểm của những người không bước theo cùng một đường hướng tu tập với mình. Thế rồi vào một ngày nào đó, họ tự gọi cách tiếp cận ấy của mình là *Mahayana*, có nghĩa là "con đường rộng lớn" hay



"cỗ xe lớn", và gọi những người không chấp nhận cùng một phương cách tiếp cận như họ là những người bước theo *Hinayana*, là "con đường nhỏ" hay "cỗ xe nhỏ" (*Trong số tất cả các học phái xưa, đại diện duy nhất ngày nay của con đường Hynayana là Phật giáo Theravada. Lời ghi chú trong là của dịch giả trong bản dịch tiếng Pháp. Dầu sao cũng có thể xem Phật giáo Theravada là cốt lõi của Phật giáo nói chung. Nếu muốn bước theo Phật giáo Đại thừa một cách đúng đắn và nghiêm chỉnh thì trước hết phải thấu triệt và nắm vững "cốt lõi" đó của toàn bộ Phật giáo. Mahayana là một "cỗ xe lớn" có thể chuyên chở được nhiều người, thế nhưng dường như cũng khá nặng nề và kênh càng. Một cỗ xe nhỏ trái lại đôi khi cũng có cái lợi của nó. Dầu sao trí tuệ cũng phải cần đến từ bi và ngược lại từ bi cũng phải cần đến trí tuệ. Trí tuệ không từ bi hay từ bi không trí tuệ có thể đưa đến những sự tai hại khôn lường*).

Các sự kiện lịch sử đôi khi thiếu chính xác. Giáo huấn do Phật giáo Theravada lưu giữ, tuy phải trải qua một thời gian thật dài gồm nhiều thế kỷ, thế nhưng vẫn bảo toàn được một phần lớn tinh thần và cả các lời giảng trong giáo huấn nguyên thủy của Đức Phật. Vậy nếu những người "hynayana" (*tiểu thừa*) không mấy quan tâm đến cuộc đời của Đức Phật [mà chỉ nghĩ đến giáo lý] thì tại sao trong Kinh điển Pali các câu chuyện về cuộc sống của Đức Phật lại được ghi chép tỉ mỉ đến như thế? Điều đó phải chăng đã cho thấy không những họ chú tâm vào giáo huấn của Đức Phật mà cả cuộc đời của Ngài nữa.

Tuy nhiên người ta cũng có thể bảo rằng họ lưu giữ kinh điển chủ yếu chỉ là để bảo toàn giáo huấn của Đức Phật, nhưng đồng thời thì họ cũng ghi chép luôn cả những gì mà họ có thể làm được, nhưng không hề quan tâm đến các thứ ấy. Dầu sao chúng ta cũng phải biết ơn họ về những gì mà họ đã làm, bởi vì nếu không có các kinh sách mà họ lưu giữ được thì ngày nay làm gì mà chúng ta có được một ý niệm về Phật giáo trong các thời kỳ tiền khởi. Tất nhiên chúng ta không thể nào hình dung được Phật giáo là gì qua các trước tác của *Mahayana* (Đại thừa). Các trước tác đó trên phương diện tổng quát cho thấy một sự cố gắng tái lập một cấu trúc mới cho toàn thể giáo huấn Phật giáo, với chủ đích không những chỉ quan tâm đến Đức Phật lịch sử mà cả những gì mà người ta gọi là cuộc sống mẫu mực (*khuôn mẫu, lý tưởng/archetypal*) của Ngài (*có nghĩa là Đức Phật là hiện thân của một chúng sinh siêu nhiên, ngoài trí tuệ còn hàm chứa cả một quyền năng thiêng liêng. Và đây cũng là những gì đưa dân giáo huấn của Đức Phật đến gần một tín ngưỡng*).

Các phần cuối trong Kinh điển Pali (*tức là phần bình giải trong Tạng Luận*) dù đã được chọn lọc cẩn thận, thế nhưng vẫn còn giữ được một số khía cạnh nguyên thủy trong giáo huấn, giúp chúng ta tìm hiểu thêm về giáo huấn này. Một số kinh sách *Mahayana* (Đại thừa), chẳng hạn như các bài kinh trong *Ratnakuta* (*Bảo tích kinh, một bộ kinh của Đại thừa, gồm 49 bài kinh, nêu lên một đường hướng tu tập cân bằng giữa từ bi và trí tuệ*) dường như cũng hàm chứa một vài dấu vết nguyên thủy trong giáo huấn của Đức Phật. Thế nhưng một số khác, chẳng hạn như kinh Hoa Sen (*Suddharmapundarikasutra, là một bộ kinh có xu hướng chú trọng đến các phương tiện thiện xảo / upaya nhiều hơn là "giáo huấn"*). Đây cũng là một điểm tế nhị, có thể khiến người tu tập không trông thấy rõ con đường do Đức Phật vạch ra, có nghĩa là dễ bị lạc hướng trong các ngõ ngách của các phương tiện thiện xảo. Ngoài ra cũng cần lưu ý là chữ Đại thừa / Mahayana lần đầu tiên được nêu lên trong bộ kinh này) gần như không có một sự liên hệ nào với giáo huấn lịch sử của Đức Phật cả. Qua các kinh sách *Mahayana* (Đại thừa) người ta có thể tạo ra cho

mình một sự hiểu biết khá đầy đủ về tinh thần Phật giáo, thế nhưng nếu muốn tìm lại những lời thuyết giảng nguyên thủy mà tinh thần Phật giáo đó [của Đại thừa] đã được hình thành, thì nhất thiết phải quay lại với Kinh điển Pali. Dầu sao đi nữa, như đã được trình bày trên đây, chúng ta cũng có thể tìm thấy trong các các kinh sách bằng tiếng Pali các mẫu chuyện thật sinh động về con người và cả cuộc sống của Đức Phật.

Vài lời ghi chú của người chuyển ngữ

Bài viết trên đây cho thấy một sự cố gắng vượt bậc của nhà sư Sangharakshita trong việc truy tìm nguồn gốc tiên khởi nhất đưa đến lý tưởng của người bồ-tát và cũng là của toàn thể Đại thừa. Nguồn gốc đó phát sinh từ Con người và Cuộc sống của Đức Phật và của cả người đệ tử bên cạnh Ngài là Ananda. Các học giả Tây phương nói chung thường quan tâm đến những gì thật chính xác, trên phương diện sử học cũng như triết học, riêng đối với tôn giáo thì các nhân vật lịch sử thường thu hút họ nhiều hơn là các nhân vật sáng tạo mang tính cách tín ngưỡng, do đó tư liệu tìm hiểu về Ananda của người Tây phương thật dồi dào và phong phú. Ananda được gia nhập Tăng đoàn hai năm sau khi Đức Phật đạt được giác ngộ và bắt đầu thuyết giảng. Ananda được chính Đức Phật thụ phong và cũng là một trong số các đệ tử lâu đời nhất luôn bên cạnh Ngài và từng chứng kiến giây phút *parinirvana* (nhập-niết-bàn) của Ngài. Tóm lại Ananda là một trong số các đệ tử chịu nhiều ảnh hưởng của Đức Phật nhất, và cũng được thừa hưởng nhiều giáo huấn nhất, ngược lại Ananda cũng là người tạo được nhiều ảnh hưởng đối với Đức Phật. Sau đây chỉ xin đơn cử vài sự kiện đáng lưu ý. Ananda từng thuyết phục Đức Phật cho phép mẹ nuôi của mình là Mahaprajapati Gautami được gia nhập Tăng đoàn, đánh dấu sự thành lập của Tăng đoàn tỳ-kheo-ni đầu tiên. Một sự kiện khác đáng để suy nghĩ là sau hơn bốn mươi năm gia nhập Tăng đoàn cho đến khi Đức Phật nhập diệt, Ananda vẫn chưa đạt được cấp bậc arahant (A-la-hán). Thế nhưng nếu muốn tham gia vào ban điều hành của Đại hội kết tập Đạo Pháp tổ chức lần thứ nhất sau *parinirvana* của Đức Phật thì ít ra cũng phải đạt được thể dạng arahant. Trong khi đó hầu hết các đệ tử khác lúc bấy giờ đều cho rằng sự tham gia của Ananda vào ban điều hành không thể nào thiếu sót được, vì thế Ananda đã phải ra sức biệt tu trong một khu rừng cho đến khi kiệt lực, gần như ngất xỉu, để đạt được cấp bậc này. Kinh sách cho biết Ananda có một trí nhớ phi thường, một mình Ananda nhớ được 82000 bài kinh, các tỳ-kheo khác mỗi người chỉ nhớ được khoảng 200 bài. Thế nhưng, thiết nghĩ dường như sự kiện đáng lưu ý nhất và cũng quan trọng nhất trong cuộc đời tu tập của Ananda là trở thành người phụ tá thường trực của Đức Phật sau 20 năm đầu tiên sinh hoạt với Tăng đoàn. Trong suốt thời gian này các tỳ-kheo luân phiên nhau làm phụ tá cho Đức Phật, thế nhưng một hôm Đức Phật triệu tập toàn thể Tăng đoàn và cho biết là Ngài muốn chọn một người phụ tá thường trực bên cạnh Ngài. Nhiều tỳ-kheo tỏ ý muốn nhận lãnh trách vụ đó, thế nhưng Ananda không tỏ lộ gì cả. Đức Phật bèn hỏi Ananda tại sao lại không có ý kiến gì, và chỉ khi đó Ananda mới cho biết là mình rất muốn làm phụ tá cho Đức Phật, thế nhưng Ananda cũng xin Đức Phật chấp nhận tám điều kiện do mình đưa ra. Tám điều kiện đó gồm chung trong ba điểm chủ yếu: điểm đầu tiên là Đức Phật sẽ không ban tặng hoặc dành riêng bất cứ một sự ưu ái nào cho cá nhân mình; điểm sau đó là Ananda có quyền từ khước hoặc chấp thuận lời mời Đức Phật của bất cứ ai, và đồng thời cũng có quyền khước từ hoặc chấp thuận lời thỉnh cầu yết kiến Đức Phật của bất cứ ai; điểm sau cùng là Đức Phật chấp nhận trả lời các câu hỏi do mình nêu

lên và được phép lập lại những lời thuyết giảng của Đức Phật trong khi Ngài vắng mặt. Đức Phật đã chấp thuận những lời thỉnh cầu đó, và bắt đầu từ đó Ananda đã trở thành người phụ tá của Đức Phật cho đến ngày Ngài nhập-niết-bàn. Sau 20 năm gia nhập Tăng đoàn và sau đó là hơn 20 năm làm phụ tá cho Đức Phật, gồm chung tất cả là hơn 40 năm, Ananda đã sống bên cạnh Đức Phật. Thế nhưng phía sau sự kiện trên đây còn có những gì khác hơn và sâu xa hơn khiến chúng ta phải suy nghĩ hay không? Phải chăng Đức Phật đã có ý chọn Ananda làm người phụ tá cho mình trước khi nêu lên ý định đó trước đại hội, thế nhưng Ngài không chỉ định ngay trước đại hội mà chờ Ananda đưa ra điều kiện và sau đó thì mới chấp thuận? Đó là cách tránh mọi sự ganh tị và phân bì có thể xảy ra trong Tăng đoàn, và phải chăng đây cũng là một tầm nhìn xa về sự tiếp nối của con đường *Dhamma* do Ngài vạch ra? Trước khi nhập diệt, Đức Phật đưa ra các lời di huấn, nhưng không chỉ định một đệ tử nào thay mình giảng dạy và hướng dẫn Tăng đoàn. Trong bài viết trên đây nhà sư Sangharakshita nêu lên hình ảnh Ananda, sau *parinirvana* của Đức Phật, đã tiếp tục con đường của Ngài, tức là đi hết nơi này đến nơi khác để thuyết giảng, với cả một đoàn tỳ-kheo đông đảo bước theo sau. Phải chăng Đức Phật đã trông thấy hình ảnh đó từ hơn hai mươi năm trước? Ngoài ra trong bài viết trên đây, nhà sư Sangharakshita cũng đã nêu lên cho thấy sự hy sinh của Ananda đối với Đức Phật và lòng nhân từ vô biên của Đức Phật, là hai yếu tố đưa đến sự hình thành của lý tưởng người bồ-tát. Cái lý-tưởng đó là một sức mạnh, một cái gì đó từ bên ngoài thu hút chúng ta nhìn vào đó để bước theo. Thế nhưng trong khi bước đi trên con đường đó, thì sức mạnh đó, lý tưởng đó, sự thu hút đó lại tạo ra các tác động hướng vào bên trong con người của mình, biến cải tâm thức của chính mình. Thật vậy, khi nào nhận thấy được thật sâu xa và chân thật khổ đau của từng mỗi chúng sinh và của tất cả chúng sinh, từ trong quá khứ cho đến hiện tại và cả tương lai, trên hành tinh này và cả trong cùng khắp vũ trụ, thì khi đó chúng ta cũng sẽ nhận thấy được sự rộng lớn của lý tưởng đó, cái trọng trách bao la đó nơi người bồ-tát. Cái lý tưởng hay trọng trách đó không nhất thiết chỉ hiện ra trước mắt mình qua hình ảnh của Đức Phật, của Ananda hoặc của đoàn người bước theo họ, mà là ở bên trong chúng ta, hiện lên từ con tim và khối óc của chúng ta, từ Phật tính của từng mỗi chúng ta. Cái trọng trách đó, cái sức mạnh đó, cái lý tưởng đó dường như không có một điểm chấm dứt nào cả.

Bures-Sur-Yvette, 24.04.2022





Tiếp cận lịch sử nghệ thuật “BÁNH XE CẦU NGUYỆN” TRONG PHẬT GIÁO TÂY TẠNG

Thích Nguyên Định

1. Lời dẫn

Kinh luân hay bánh xe cầu nguyện (s. dharmacakra; t. khor-lo, ཀམ་ལོ་; e. prayer wheel, h. 經綸) là một trong những bộ pháp khí linh thiêng của các truyền thống Phật giáo Tây Tạng. [1] Nó được biến thành mọi cơ hội để tạo ra các công đức, đem lại phúc lợi cho tất cả chúng sinh.

Trong bài viết này, đề cập tới không phải là lịch sử nói chung mà là lịch sử nghệ thuật, từ góc độ phương pháp tiếp cận của người nghiên cứu.

2. Phương pháp tiếp cận lịch sử nghệ thuật của các nhà nghiên cứu

Từ ngữ kinh luân hay bánh xe cầu nguyện trong tiếng Anh là một cách đọc nhầm lẫn. Trên thực tế, bên trong không phải những lời cầu nguyện - mà là thần chú. Sai lầm này là do những du khách phương Tây ban đầu không biết thần chú là gì. Việc sử dụng từ “bánh xe” có lẽ là do bản dịch theo nghĩa đen từ tiếng Tây Tạng, trong đó “khor-lo” có nghĩa là cái gì đó quay tròn, nhưng không nhất thiết phải là bánh xe. Tiếng Đức là Gebetmühle – cối xay cầu nguyện (prayer mill) gần đúng ý nghĩa của nó hơn từ “bánh xe” trong tiếng Anh.



Hình 1. Bánh xe cầu nguyện lớn

Peter Simon Pallas (1741-1811) một nhà động - thực vật học người Đức, từ thế kỷ XVIII đến thế kỷ XIX sử dụng trống cầu nguyện Gebettrommel. [2]

Bettrommel được dùng cho kinh luân lớn và Gebetmü - kinh luân cầm tay. [3] Julius Heinrich von Klaproth (1783-1835) nhà ngôn ngữ học, sử học, dân tộc học, phương Đông học và nhà thám hiểm người Đức. Năm 1814 sử dụng Bet-zyylinder. [4] Bản dịch tiếng Anh sử dụng “kinh luân”. [5] James Bell (1769-1833) vào năm 1832 gọi là “cối xay cầu nguyện.” [6]

Có hai loại kinh luân: loại lớn di chuyển bằng tay cầm hoặc dùng tay đẩy nhẹ nhàng, nhờ sức gió, [7] sức nước [8] hoặc không khí nóng [9] (hình 1) và loại cầm tay nhỏ xoay tròn (hình 2) được giữ chuyển động bằng dây xích. [10] Dây xích và quả cầu trong công nghệ hiện đại (phương Tây) gọi là bộ điều tốc (governor). [11]



Hình 2.
Bánh xe cầu nguyện cầm tay

Ý tưởng về đại kinh luân thường được cho là bắt nguồn từ một phát minh của người Trung Quốc: hộp đựng sách xoay hình bát giác để đựng tất cả các tập của Tam tạng (s. tripitaka) lại với nhau. Đề cập đến một kho lưu trữ hình bát giác xoay vòng đối với kinh điển Phật giáo Trung Quốc - cùng thời với sự kiện này, dường như tìm thấy trong dòng chữ trên một tấm bia có ghi ngày tháng; tương đương với ngày 16 tháng 1 năm 823 sau Tây lịch (STL), vào năm 1942 được đặt tại tu viện Pei-lin ở His-an hoặc Hsingan (興安省) Trung Quốc. [12]

Vào năm 836 STL, một hộp sách cũng tương tự như vậy được đề cập đến ở chùa Nan-Chhan (南禪寺) Suchow (徐州), nơi có một thiết bị hỏng - không thể sử dụng được. Vì vậy, để làm rõ vấn đề này, bằng cách người ta đem các tập sách được đựng trong hộp đọc và nghiên cứu rất kỹ lưỡng. [13] Bằng chứng về việc xây dựng các kho lưu trữ kinh luân cho những tập sách trong thế kỷ VIII và IX dường như rất ít ỏi. Đến thế kỷ XI, được xem là đầy đủ và phong phú hơn. Một lý do chính đáng về điều này, Luther Carrington Goodrich (1894-1986), một nhà Hán học và sử học về Trung Quốc người Mỹ, nói rằng: “*Có thể là việc in ấn kinh điển Phật giáo Trung Quốc từ năm 971 STL đến 983 STL, đã đặt toàn bộ phạm vi kinh điển Phật giáo trong thẩm quyền quyết định của bất kỳ tu viện nào có tầm quan trọng.*” [14]

Thực tế, ở Mông Cổ hiện đại, một số trụ cầu nguyện lớn có hình bát giác được công nhận ở vùng Trung Á, các thiết bị này ghi những câu thần chú (mantra) được truyền cảm hứng từ các hộp sách quay (kinh luân sách). [15]

Một quan điểm khác, theo Bunyiu Nanjio (1849-1927) tu sĩ, học giả Phật giáo người Nhật Bản, trong phần giới thiệu Danh mục của ông: Bản đồ (trong ấn bản

tiếng Nhật của kinh điển Phật giáo năm 1681 về một tủ sách lớn có tám góc được làm để quay quanh một trục thẳng đứng), được cho là phát minh vào năm 544 STL bởi một người nổi tiếng, cư sĩ Mahasattva (đại sĩ) Trung Quốc. Người ta nói rằng, theo suy nghĩ của vị cư sĩ này: nếu bất kỳ người Phật tử nào có thể chạm tay vào tủ sách chứa toàn bộ Tam tạng kinh điển và xoay một vòng, thì sẽ có công đức như những gì mà người đó đã đọc toàn bộ Tam tạng vậy. [16]

Vào thế kỷ XII, các Phật tử Trung Quốc dường như đã thích nghi với việc sử dụng tủ sách của họ với ý tưởng tích lũy công đức, bằng cách xoay các hình trụ chứa các bản kinh linh thiêng. Theo Yeh Meng-tê (葉夢得, 1077-1148), một học giả, nhà thơ và bộ trưởng Trung Quốc thời Tống đã nói: Đối với sáu hoặc bảy trong số mười ngôi chùa, người ta có thể nghe âm thanh của những chiếc hộp đang xoay. [17] Điều này cho thấy rằng, đây không phải là kết quả của việc gia tăng hoạt động học thuật mà là một nỗ lực nhằm vào cái mà ông gọi là “tín tâm đã được cơ giới hóa” (mechanised piety).

Mục đích của kinh luân, dù dưới bất kỳ hình thức nào đi nữa, luôn hướng tâm trí con người quay trở về lĩnh vực tâm linh của cuộc sống, ngay cả trong các hoạt động hằng ngày. Thậm chí khi nó không được đẩy bởi bàn tay con người và được điều khiển bởi nước, gió hoặc khí nóng, như chúng ta sẽ thấy sau này; nó vẫn được nhìn thấy bởi những người hành hương đi ngang qua xoay chúng và lần lượt đi vòng trở lại. Theo thuật ngữ hiện đại gọi là “sự chuyển động tuần hoàn của trái đất” (the circular movement of the earth). Nhằm nhắc nhở cho chúng ta thấy về lần Chuyển pháp luân đầu tiên (sơ chuyển pháp luân), khi đức Phật thuyết pháp cho năm anh em Kiều Trần Như (s. kaundinya) tại vườn Lộc Uyển ở Varanasi, và hai lần chuyển pháp luân khác bắt đầu Đại thừa và Kim cương thừa. Các hành giả cũng có thể cảm thấy nó phản ánh sự quay của bánh xe trong cơ thể (luân xa) như được dạy trong Yoga và y học Tây Tạng, [18] nhưng bánh xe cầu nguyện chủ yếu thuộc về lĩnh vực thờ cúng phổ biến, như nghi lễ đi nhiễu có từ thời kỳ đầu của Phật giáo ở Ấn-độ và Đông Nam Á.

Người ta có được một nguồn cảm hứng khi tiếp cận các tủ sách xoay; bánh xe cầu nguyện do gió chuyển động có thể tìm thấy ở Tây Tạng trước khi cối xay gió (windmill) trục thẳng đứng đến châu Âu. Ở Tây Tạng, cối xay gió chỉ được sử dụng trong nghi lễ cầu nguyện. Ứng dụng đầu tiên của năng lượng gió đối với các trụ cầu nguyện, là cách nhìn nhận trở nên rất khó hiểu đối với nghiên cứu của phương Tây. Cối xay gió không được tìm thấy ở Trung Quốc cuối thế kỷ XIII, và chỉ được áp dụng để bơm hoặc kéo thuyền trên kênh qua các âu thuyền. [19] Có thể ý tưởng sử dụng năng lượng gió để xoay các trụ cầu nguyện được lấy cảm hứng từ việc sử dụng những lá cờ cầu nguyện tung bay trong gió, và mang thông điệp tôn giáo ở những khu vực mà Shaman giáo (shamanism) [20] và đạo Bön [21] đã được thực

hành từ rất sớm.

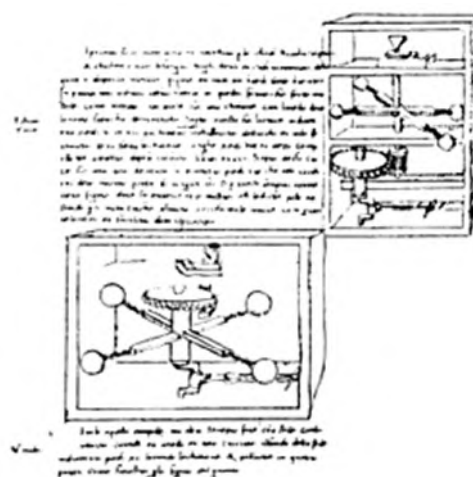
Ở châu Âu, cối xay gió trục đứng đầu tiên xuất hiện như một bản phác thảo (sketch) trong cuốn sổ tay chưa xuất bản của kỹ sư người Ý - tên là Mariano Jacopo Taccola (1438-1450). [22] Cối xay gió châu Âu trước đó quay quanh một trục ngang hơi nghiêng sang một bên, và có lẽ được lấy cảm hứng từ cối xay nước (watermill) trục ngang có hộp số. [23] Khả năng thiết bị có trục thẳng đứng của kỹ sư Taccola. Trên thực tế, có nguồn gốc từ Tây Tạng được xác nhận bởi sự xuất hiện trong nghệ thuật Ý vào thời điểm đó, với những họa tiết như vũ điệu của thần chết, [24] cũng như đôi cánh dơi (bats) và các vị thần phần nộ từ các bức tranh châu Âu thế kỷ XIII trở đi. Berthold Laufer (1874-1934) [25] đã mô tả những chiếc trống cầu nguyện Tây Tạng, với những cánh gió uốn cong được bảo quản trong các viện bảo tàng phương Tây. Ngày nay, Savonius S-rotor cung cấp điều hòa không khí dưới dạng quạt thông gió xoay trên nóc xe tải có động cơ, và toa xe lửa đông lạnh được cho là hậu duệ trực hệ của những thứ này.

Bánh xe nước nằm ngang cũng được áp dụng để xoay trụ cầu nguyện ở Tây Tạng, trong khi đó sức nước chưa bao giờ được áp dụng để quay hộp đựng sách ở Trung Quốc. [26] Đối với những người du mục Mông Cổ, trong một số trường hợp đã sử dụng không khí nóng để xoay các trụ cầu nguyện trong gió lùa phía trên ngọn lửa nơi lều ở của họ.

Vào những năm 1420 ở châu Âu, các kỹ thuật viên phương Tây quan tâm nhiều đến các thiết bị giúp tay quay cơ khí chuyển động qua “điểm chết” (dead spot). Điều này dẫn đến việc khám phá các linh kiện của bộ điều tốc. Trong bản vẽ tay quay phức hợp và thanh kết nối được tìm thấy trong bản thảo - tác phẩm của một họa sĩ và kỹ sư người Ý - Mariano Jacopo Taccola (hình 3). Từ năm 1482 đến 1501, người ta tìm thấy một bộ điều tốc quả cầu và dây xích theo đúng mô hình của Tây Tạng. [27]

3. Tiếp cận nghệ thuật Tây Tạng Bánh xe cầu nguyện

Vào năm 1970, Tarthang Rinpoche còn gọi



Hình 3.
Bản thảo của kỹ sư
Mariano Jacopo Taccola.
Sao chép từ Lynn White jr. (1964),
*Mediaeval Technology
and Social Change*,
Oxford University Press



Hình 4.
Bên trong Kinh luân là
một dải giấy có câu thần chú

Tarthang Tulku (1934-nay) đã chọn một bộ sưu tập các thần chú (s. mantra; t. sngags, སྒགས་), đặc biệt có lợi cho thời đại ngày nay. Ngài huấn luyện các học trò của mình theo phương pháp truyền thống để in ấn và cuộn bản kinh văn cho kinh luân (hình 4). Thay vì tay cầm, vốn thường thấy ở các bánh xe nhỏ hơn, ngài Rinpoche bọc các bản kinh văn đã cuộn lại bằng vải và đặt chúng trên bàn xoay, sử dụng điện để khiến các câu thần chú cổ xưa chuyển động vĩnh viễn (hình 5). Trong những năm gần đây, Tarthang Rinpoche đã áp dụng các kỹ thuật in và sắp chữ trên máy vi tính hiện đại để tạo ra những bánh xe có nội dung tương đương với những bánh xe lớn nhất như đã từng được sản xuất ở Tây Tạng. Thế hệ bánh xe cầu nguyện mới này mô



Hình 5.
Các bản kinh văn được cuộn lại bằng vải



Hình 6.
Bánh xe cầu nguyện được làm từ gỗ Walnut (óc chó), chứa bên trong 10 triệu câu thần chú

phỏng truyền thống Mani Dong-khor, [28] bánh xe cầu nguyện gồm mười triệu câu thần chú (hình 6) được đánh giá cao ở Tây Tạng.

4. Khi nào nên sử dụng Bánh xe cầu nguyện

Không có bất kỳ định nghĩa chính xác nào về thời điểm sử dụng kinh luân, một người có thể quay kinh luân bất cứ lúc nào, thậm chí trong khi hành thiền hoặc trì tụng thần chú hằng ngày; kể cả lúc

thực hành một số nghi thức tâm linh. Bánh xe cầu nguyện cũng có thể được quay trong khi đi nhiều quanh một bảo tháp và ngay cả khi chúng ta đang xem TV, nghe kinh (pháp thoại) hoặc đọc sách cùng với tất cả những công việc hằng ngày khác. Nhưng bánh xe cầu nguyện không nên quay trong khi một vị Lạt-ma đang đọc diễn văn hoặc giảng dạy.

5. Cách sử dụng Bánh xe cầu nguyện

Kinh luân nên quay theo chiều kim đồng hồ, với sự tập trung vào một điểm của thân, khẩu và ý. Quay kinh luân thật dễ dàng và nhanh chóng, không đòi hỏi nhiều sức mạnh thể lực to lớn hay lặp đi lặp lại nhiều lần. Hoạt động dễ thực hiện, có ý nghĩa, mục đích và lợi ích rất lớn đối với người thực hiện.

6. Thay lời kết

Từ những kết quả có được bởi các nhà nghiên cứu, cũng như việc hành trì nghi thức tâm linh phổ biến trong Phật giáo Tây Tạng; ứng dụng kinh luân nhằm tu tập

tâm và chuyển hoá tâm để hành giả đạt đến trạng thái an lạc, giác ngộ. Mặc dù, đối với hành giả sử dụng kinh luân không chỉ để tạo ra công đức và thiện nghiệp cho bản thân, mà còn hướng cầu nguyện cho khắp pháp giới chúng sanh đồng viên lợi lạc. Phổ biến nhất - lời cầu nguyện được xướng tụng trong khi sử dụng kinh luân là “Om Maṇi Padme Hūm”. Khi xướng niệm “Lục tự đại minh chơn ngôn” nhằm đánh thức đức tính từ bi nơi tự tâm của hành giả, và cầu cầu sự gia hộ đức Quán Thế Âm, hiện thân của lòng từ bi trong Phật giáo Tây Tạng. Cũng vậy, kinh luân được khắc câu thần chú này có một năng lực diệu dụng vô cùng.

*** Tham khảo và Chú thích:**

- [1] Xem Patton Dodd, Jana Riess và David Van Biema (2018), *The Prayer Wheel: A Daily Guide to Renewing Your Faith with a Rediscovered Spiritual Practice*, Published by Convergent Books.
- [2] Peter Simon Pallas (2016), *Sammlungen zur politischen, physikalischen und moralischen Geschichte der mongolischen völkernschaften*, St. Petersburg, vol. 2, tr. 304.
- [3] Sđđ. tr. 335.
- [4] Julius Heinrich von Klaproth (1812), *Reise in den Kaukasus und nach Georgien*, Published by Berlin, Hallisches Waisenhaus, vol. 1, tr. 108.
- [5] Xem F. Shoberl (trans.) (1814), *Travels in the Caucasus and Georgia, performed in the years 1807 and 1808*, Published by London, Henry Colburn.
- [6] James Bell (1832), *A system of popular and scientific geography*, Published by Glasgow, Fullerton and Blackie, vol. 5, tr. 403.
- [7] Loại bánh xe này được quay bằng gió. Gió chạm vào bánh xe cầu nguyện nhằm tiêu trừ nghiệp chướng của những người khi chạm vào.
- [8] Loại bánh xe cầu nguyện này được quay bằng dòng nước chảy. Nước chạm vào bánh xe - cho là sự kiết tường, và mang sức mạnh thanh lọc của nó vào tất cả các dạng sống trong các đại dương và hồ mà nó chảy vào.
- [9] Bánh xe này được quay bằng sức nóng của lửa hoặc đèn điện. Ánh sáng phát ra từ bánh xe cầu nguyện sau đó tẩy trừ nghiệp chướng của chúng sinh khi chạm vào.
- [10] John Lowry (1973), *Tibetan Art*, Published by London, Victoria and Albert Museum, tr. 79.
- [11] Lynn White jr. (1960), *Tibet, India and Malaya as sources of Western Mediaeval technology*, *American Historical Review*, vol. 65, tr. 520.
- [12] Luther Carrington Goodrich (1942), “The revolving book-case in China,” *Harvard Journal of Asiatic Studies*, vol. 7, tr. 133.
- [13] S. Levi & E. Chavannes (1915), ‘Quelques titres énigmatiques dans la hiérarchie ecclésiastique du Bouddhisme indien,’ *Journal Asiatique*, 11th series, vi, tr. 308.
- [14] “May be the printing of the Chinese Buddhist canon between 971 and 983, which placed the whole range of sacred Buddhist literature within the reach of any monastery of importance.” Luther Carrington Goodrich (1942), “The revolving book-case in China,” *Harvard Journal of Asiatic Studies*, vol. 7, tr. 137.
- [15] Lynn White jr. (1978), *Mediaeval Religion and Technology*, University of California Press, tr. 86.
- [16] Bunyiu Nanjio (1883), *A Catalog of the Chinese Translation of the Buddhist Tripitaka, the Sacred Canon of the Buddhists in China and Japan*, Clarendon Press, các tr. 131-132, 137.
- [17] Lynn White jr. (1964), *Mediaeval Technology and Social Change*, Oxford University Press, tr. 86.
- [18] Xem Margarita Alcantara (author) (2017), *Chakra Healing: A Beginner's Guide to Self-Healing Techniques that Balance the Chakras*, Althea Press.
- [19] Joseph Needham (1954), *Science and Civilisation in China. vol. I*, Cambridge University Press, tr. 245.
- [20] Xem Mircea Eliade (1989), *Shamanism: Archaic Techniques of Ecstasy*, Published by Arkana Books.
- [21] Xem Dhundup Tsering (1995), *A Collection of Studies on the Tibetan Bön Tradition*, University of Oslo, Serinda Publications, London.
- [22] Xem Lynn White jr. (1978), *Mediaeval Religion and Technology*, University of California Press.
- [23] Lynn White jr. (1960), *Tibet, India and Malaya as sources of Western Mediaeval technology*, *American Historical Review*, vol. 65, tr. 519.
- [24] Jurgis Baltrušaitis (1955), *Le Moyen Âge fantastique : antiquités et exotisme dans l'art gothique*, Paris, Published by Armand Colin, tr. 247.
- [25] Berthold Laufer (1934), “The noria or Persian wheel,” in *Oriental studies in honour of Cursetji Erachji Pavey*, Oxford at the University Press, tr. 238.
- [26] Joseph Needham (1954), *Science and Civilisation in China. vol. IV, part 2*, Cambridge University Press, tr. 552.
- [27] Lynn White jr. (1960), *Tibet, India and Malaya as sources of Western Mediaeval technology*, *American Historical Review*, vol. 10, tr. 49.
- [28] Mani Dong-khor là một ngôi chùa Phật giáo ở Bhutan. Mani Dongkhor nằm gần Jenkhana Chorten và NRDCL (văn phòng chính phủ Bhutan).

Mùa đông sắp trở chẳng rồi
Phùn mưa đầu chỉ từ trời mưa sa
Hạt mầm ẩm bàn tay cha
Làm cơn mưa mạ lòa xoà hạt gieo

Lập Xuân

Nguyễn Thị Kim Anh

Từ trong rét mướt bọt bèo
Chỗ này mai sẽ vui reo lúa vàng
Cánh đồng choàng giấc mơ màng
Rải mùa xanh nồn mời xuân hãy về

Củ hành héo nắng sân quê
Thơm từ nia trặc thơm về thẩu keo
Vàng hoa cải gió rập riu
Con ong cứ tưởng hoa theo ghẹo mình

Người về bày tiệc tất niên
Chờ giao thừa điểm chuông nền nã ngân
Trên tường tờ lịch phân vân
Ngày Ba mươi tết như gần như xa

Chuyến xe chở người xa nhà
Bỏ quên cơm áo bỏ đa đoan tình
Cành mai khẳng khiu ngoài hiên
Liu chiu chồi biếc gọi mình Lập Xuân.



Quả bưởi tròn như trái đất
Hứa hẹn năm mới tốt lành
Nải chuối - bàn tay trời, Phật
Chở che cho khắp chúng sanh.

Giúp Mẹ
BÀY NGŨ QUẢ

Nguyễn Chí Diễm

Quả cam: vẹn tròn viên mãn
Quất đem sung túc lộc về
Hồng, đào: thăng tiến, thành đạt
Táo mang phú quý tràn trề.

Mẹ em đi chợ ngày Tết
Mua bao thứ quả trăm miền
Uống nước nhớ nguồn phải biết
Bày ngũ quả thờ tổ tiên.

Em giúp mẹ bày ngũ quả
Mẹ cười khen em thật ngoan
Ngũ quả chính là ngũ phúc
Cả nhà đón mùa Xuân sang.

Tiếng Chuông chùa

Lê Minh Hải

083
NỘI SAN BÁT NHÃ

Lòng tôi chạm tiếng chuông chùa
Tâm hồn nhẹ dịu, hơn thua nhạt nhoà...

Tiếng chuông ngân tựa khúc ca
Lắng sâu như những thật thà chân quê

Tiếng chuông buông xuống trưa hè
Nhẹ như cơn gió bờ tre rì rào
Lặn vào trong giấc chiêm bao
Toả ra thơm ngát ngát ngào hương sen

Tiếng chuông văng vẳng trong đêm
Ngõ như ai mới thắp lên ánh đèn
Giọt trăng lấp lánh cửa thiền
Hồn tôi thanh thản tới miền tĩnh tâm

Chuông chùa khi bổng, khi trầm
Nghe như những tiếng ngàn năm vọng về
Chắp tay hướng cõi bồ đề
Chuông chùa thức tỉnh vườn mê kiếp người.

Ta về Giêng hai

Lê Thị Xuân Hương

Lúa đồng đang chín rộ
Dòng sông chùng xanh hơn
Mây cuối trời lớp lớp
Gió reo reo bên đường...

Cam vàng, quýt đỏ hồng
Đợi ngày về phiên chợ
Ngọt ngào tình xứ sở
Suốt dặm dài nẻo quê...

Ta về cùng quê hương
Đường mở đi trăm ngã
Gặp những chiều khói toả
Phút bình yên trong lòng...

Tháng giêng ơi, ta về
Cánh cửa mùa rộng mở
Nghe phập phồng đất thở
Tiếng mùa vàng sinh sôi...

Đi cuối đất cùng trời
Vẫn thương về quê Mẹ
Bước mùa đi rất nhẹ
Lộc non kịp chào đời
Tháng giêng, hai thăm gọi
Toả mệnh mông đất trời...

CHÙM THƠ 4 CÂU CỦA NGUYỄN
NGOC
HÙNG

Áp Tết

Chỉ đôi hôm nữa Tết rồi
Đèn xanh lộc chồi đã bật
Xót mình xang bang xác bác
Gần xuân chẳng thấy xuân gần!

Hăm Ba Tháng Chạp

Bữa nay ông Táo lên trời
Bình vôi há miệng trông vôi bóng tằm
Bất ngờ khách quý đến thăm
Rộn ràng chim hát cả năm vui hoài!



Nảy Tươi

Roi rói tiếng chim roi rói nắng
Đắm hương roi rói mặt hoa cười
Lòng héo như cây mùa lá rụng
Roi rói em về lộc nảy tươi!

Du Xuân

Vui gì đâu nữa mà vui
Du xuân trăm bước ngậm ngùi sém trăm
Giêng nay rạng rỡ mặt rằm
Bóng người xưa vẫn tằm tằm mù mù.

Hoa Xương Rồng

Cam chịu bốn mùa nắng mưa khắc nghiệt
Vất kiệt mình đến bạc máu xanh da
Từ tua tủa những chùm gai nhọn sắc
Lặng lẽ mọc lên một đóa trắng ngà!

BUÔNG

Nguyễn Quốc Huân

Lên chùa thỉnh một hồi chuông
Chờ bon bon...dứt thì buông cái dùi
Bài thơ mới viết khi hồi
Độc chơi một bận là rồi ... quên ngay.

Mắc chi đem lại nhớ ngày
Đang chừ lại nhớ tới mai một kia
Hiên nhà một giọt sương khuya
Nhẹ hều gieo xuống lặng chia xa cảnh

Có gì trong tiếng chim thanh
Vút qua khoảng biếc rồi tan giữa trời
Ví như ai mím mắt cười
Cho mình say nắng gỡ núi rồi tơ

Có người lướt tới nhắc cho
Cái chân xe máy chơ quơ, cạ đường
Giận mình ko kịp cảm ơn
Chấp chi dữ vậy, biết buông chỗ nào!

Cá chuối đắm đuối vì con
Lời người xưa hát hãy còn vang ngân
Theo con ngàn dặm xa gần
Đắm đắm bóng mẹ mắt ngàn hạt châu...

Khi con vấp vấp lo âu
Cậy người thay mẹ đêm sâu vỗ về.
Khi con sung mãn đề huề
Chia bùi sẻ ngọt vai kề vai con ...

Dầu cho ngàn dặm nước non
Khéo ăn khéo ở vo tròn tình thương
Lỡ chân quán trọ đêm sương
Hãy còn có những mẹ nuông con mà ...

Mẹ từng nâng đỡ lân la
Đói cơm khát nước... nuốt nà mẹ chăm...
Nhờ con bờ nước huyệt chân
Mẹ tin con có người nâng con mà

Thứ Năm 10.11.2022

CÁ CHUỐI

Hạnh Phương



MAI NÀY...

Nhà báo Chu Minh Khôi

Mai này ta sẽ hư thân
May còn tro cốt kê chân Phật ngồi
Nghe câu kinh kệ thanh thoi
Xóa đi danh phận để đời tự do.

Tên mình nặng gánh âu lo
Tuổi mình cứ giữ bo bo làm gì?
Bao nhiêu rừng rực xuân thì
Xin thiêu cháy tận đến khi lạnh trời.

Cốt tro là thứ bụi đời
E rằng níu giữ hoen người trần gian
Thì xin mượn trận mưa ngàn
Vãi ra tám hướng xanh tràn cỏ hoa.

Mai này ta sẽ khác xa
Xác thân bỏ lại, an hòa rong chơi
Lòng nương ở chỗ Phật ngồi
Hồn nhiên cây cỏ dưới trời nghe kinh.



THƠM MÙI Tết

Minh Hải

Mùi Tết mà tôi muốn nói đến chính là mùi thơm khi thắp hương. Mùi thơm ấy làm tôi luôn liên tưởng đến sự quây quần sum họp. Đâu phải chỉ có ngày Tết người ta mới thắp hương nhang, nhưng mùi thơm đặc biệt này vào dịp Tết khiến lòng tôi thấy ấm áp vô cùng. Tôi còn nhớ những năm đi làm ăn xa quê, vào dịp 23 tháng Chạp cúng ông Táo, thấy nhà người ta thắp hương, mùi thơm ấy làm cho lòng nao nao. Tôi nhớ nhà. Có năm phải làm việc đến hết ngày 28 Tết mà thấy chẳng còn tâm trí nào cho công việc. Lúc ấy đi ra đường thấy rộn rã lắm rồi, những mặt hàng Tết bày bán ngập các cửa hàng. Trên các ngõ phố, đào quất và hoa rực rỡ, người đi lại nhộn nhịp, ai cũng hối hả lo cho Tết nhà mình. Thế là thấy thèm hơi ấm người thân, muốn buông bỏ tất cả để về quê ngay lập tức.

Mùi hương nhang làm tôi mừng tượng ra cảnh đông vui của những bữa cơm ngày Tết. Văng bên tai tôi là tiếng cười giòn tan của trẻ con, tiếng cười hồ hởi của người lớn, tiếng đĩa bát lách tách... tất cả làm nên nỗi nhớ cồn cào. Thế là hiện lên ngay trước mắt cái cảnh cả nhà ngồi đông đủ ăn uống. Tôi thích cái cảm giác thông thả ngồi khoan chân trên chiếc chiếu cói trải dưới nền nhà. Cái cách ngồi ăn dân dã ấy làm cho tôi thấy sướng khoái nhất. Nâng lên chén rượu, tợp một hơi thấy cái nóng chạm cổ họng, lan xuống ngực, rồi thấy mùa xuân lan ra khắp người ấm áp. Hồi nhỏ, tôi thường theo ông nội đi tảo mộ vào dịp cuối năm. Ông chỉ cho tôi từng ngôi mộ và giải thích cận kề. Tôi chăm chú nhìn, chăm chú nghe nhưng hầu như sau đó lại quên ngay, trẻ con là thế. Sau khi nhặt cỏ và quét tước sạch sẽ khu mộ của gia đình, ông bắt đầu thắp hương mời tổ tiên về ăn Tết. Mùi hương tỏa ra theo gió rất thơm. Rồi ông đi đến những ngôi mộ xung quanh cắm lên mỗi ngôi mộ một nén hương. Ông bảo cõi âm cũng như dương trần, cũng có lảng giềng làng xóm. Làm thế để họ không thấy lạnh lẽo và cũng là tỏ tấm lòng thành kính của mình với người nằm dưới đất. Ông chấp tay, cúi đầu trước mộ tổ tiên làm rầm khăn vái. Tôi đứng bên cạnh ông nhưng chẳng biết khăn gì, chỉ biết ngược mắt nhìn làn khói mỏng manh uốn lượn bay lên. Tôi chợt đoán đó là linh hồn người đã khuất nghe thấy lời khấn

của ông mà bay lên. Mùi hương nhang gọi cho tôi cảm thấy hình như con người và thế giới bên kia không cách xa là mấy. Và làn khói cùng mùi hương này mới kỳ diệu biết bao!

Ngày 30 Tết, mùi hương nhang quyện vào không gian làng quê. Tôi ngược lên bàn thờ gia tiên với một lòng biết ơn và thành kính. Những linh hồn theo làn khói bay lên, đan vào nhau như cũng hân hoan cùng con cháu đón chào năm mới. Tôi tin rằng, con người sau khi chết sẽ không hoàn toàn mất đi nếu người còn sống chúng ta luôn nhớ và nhắc tới họ. Và cái thế giới tâm linh ở một dịp nào đó sẽ không hề khó lý giải một chút nào.

Những ngày đầu năm, người ta cũng thường lên chùa lễ Phật. Trong niềm vui của năm mới, họ lại thắp hương dâng Phật và gửi vào đó những ước nguyện về một năm mới bình an, may mắn. Khói hương bay lên tan vào gió xuân làm cho không gian như ấm hơn lên. Ở nơi linh thiêng, lòng người thấy thanh thản, tĩnh tâm để nghĩ về những điều đẹp đẽ. Mùi hương làm cho tâm hồn thư thái, qua làn khói và mùi hương ấy người ta tin rằng đức Phật sẽ thấu hiểu những ước vọng mà độ cho họ được như ý muốn. Tôi đứng nhắm mắt cảm nhận những nhịp của đất trời và lòng người đang giao hòa làm nên một mùa đẹp nhất trong năm. Nhìn lên điện thờ lung linh đèn nến và hoa, thấy đôi mắt Phật mở to hiền từ mà lòng mình nhẹ nhõm. Mùi hương làm vơi bớt những sân si, tham vọng trong lòng. Chỉ còn thấy những điều trong trẻo và thánh thiện. Mùi hương thơm như tấm lòng của Phật vây bọc lấy tôi, che chở cho tôi.

Mùi thơm đặc biệt của hương nhang âm áp vô cùng. Tôi chợt nghĩ tới một điều thật thú vị: phải chăng đó là mùi Tết?



NHỆ BƯỚC phù vân

NS. Thích nữ Hạnh Liên

(Chùa Liễu Quán,
phường Phước Tân 12/ 2022)



*Một sớm bên hiên chùa năm cũ
Vật nắn ban mai gọi mùa sang
Xuân nồng ấm ôm đời hồ hải
Cánh én chao nghiêng rộn sắc vàng
Liễu rữ bờ xa hoài phố cũ
Quán mộng xuân thì vọng tiếng thơ
Tĩnh lòng khẽ đón xuân qua ngõ
Hạnh phúc đơn sơ mãi đón chờ
Nhuỵ đoá tâm xuân bừng hé nụ
Minh quang một thoáng rõ chùng lao
Minh tâm nhẹ quét cơn phù vọng
Thi kệ vài câu tổ mộng nào
Tặng người áo mới mùa xuân thắm
Buồng gánh ưu phiền bước qua sông
Tiếng chuông chùa cũ bừng cơn mộng
Tĩnh giác mùa sang, nhẹ gót hồng.*



Nét Xưa

GIỮA LÒNG PHỐ THỊ

Nguyễn Bạch Hồng Vân

Khái niệm về Tết của mỗi người Việt Nam luôn gắn liền với chiếc bánh chưng-câu đối đỏ-hương trầm... và bóng ngôi chùa cổ kính...

Mỗi dịp giáp tết, trên con đường sầm uất nhất nhì Biên Hoà, có một ngôi chùa màu nâu đặc trưng nép mình dưới bóng cây to...

Hàng năm, cứ độ 28-29 tháng chạp, tôi lại .. tìm cơ chạy xe thật chậm ngang ngôi chùa ấy, len lén nhìn vào bên thềm cũ rêu phong, tám chiếu trơn trải trên nền gạch tàu, vị trụ trì giản dị với tấm áo nâu sồn cũ, đôi dép hai quai, ngồi cặm cùi gói từng chiếc bánh chưng. Đêm muộn, thầy lại ngồi trông củi, châm nước. Bóng thầy in trên vách trong đêm tĩnh mịch, ngoài kia chỉ cách một bức tường là phố thị nhộn nhịp, với bao âm thanh, hình ảnh của thời 4.0.

Tôi đã từng thấy thầy rất trang nghiêm với y hậu hành lễ trên chánh điện. Tôi đã từng nghe giọng nói trầm ấm, mạch lạc, truyền cảm khi phát biểu trong những nghi lễ của Giáo hội Phật giáo thành phố Biên Hòa. Và tôi cũng từng tận mắt thấy thầy thật bình dị đến thân thương, ngồi bệp trên nền gạch gói bánh, ngồi lặng lẽ canh nồi bánh chưng, để dâng cúng Phật trong ngày đầu năm mới, để có chút lộc cho phật tử trong dịp lễ trọng của Phật giáo.

Bánh chưng ngày nay, ngày nào cũng có. Người ta nấu theo dây chuyền, ép chân không để bảo quản được lâu. Nhưng chiếc bánh chưng mộc mạc, gói bằng tay cùng lá dong và lạt tre bằng chính đôi tay vị bần sư và quý phật tử trong ngôi chùa đơn sơ giữa lòng phố thị trong những ngày cuối năm có ý nghĩa rất đặc biệt: Nó gọi lại cho mỗi chúng ta những hoài niệm xưa cũ, những phong tục, truyền thống đón



tết của ông bà mà ngày nay
đang dần mai một.

Hơn thế nữa, sau một
năm với bao bận bề lo toan,
chợt dừng chân bên mái chùa xưa, nhìn hình ảnh
vị sư trong chiếc áo nâu sồn ngồi gói bánh, nấu
bánh, mang cho ta một cảm giác bình yên, và
cảm nhận được Tết cổ truyền đang về rất gần.

Tôi và rất nhiều Phật tử thầm mong chư
Phật gia hộ cho vị bản sư trụ trì chùa Phúc Lâm
luôn bình an để chăm lo Phật sự, và bình dị ngồi
gói bánh chưng mỗi dịp xuân về. Để mỗi dịp
giáp tết, tôi lại cố ý chạy ngang chùa, lén đứng
nhìn vào trong và nhủ rằng:” tết đến thật rồi, về
nhà đi thôi.”

089

NỘI SAN BÁT NHÃ



CHÙM THƠ

trần văn thọ

Chải tóc

Soi gương chải tóc mùa xuân
Sợi hieu hắt, sợi lo toan, xô bồ
Chải vào ký ức hư vô
Chợt thương một thuở hương bồ kết thơm

Gốc mai vườn mẹ

Gốc mai cần cỗi trong vườn cũ
Gần tuổi mùa xuân của mẹ già
Tháng giêng hoa trở vàng như nắng
Mà bóng mẹ hiền nay đã xa

Thà như

Ta thà như đá ngàn năm
Nắng mưa dầu dãi lặng câm thật thà
Sắc không không sắc ta bà
Đời như giấc mộng phù hoa vô thường

Ngộ

Lời kinh chùa quyên hương sen
Gột sân si lẫn bon chen đời này
Hái cành sen ướp trên tay
Đóa hoa vừa nở đã đầy sắc hương

Vũ điệu đêm

Nhân thế trầm luân bao điệu vũ
Chân vấp sân si, vấp đốn hèn
Tay lần tràng hạt, tâm thiền định
Mặc gió quay cuồng vũ điệu đêm

Đêm xuân

Giao mùa nao nức bồi hồi
Cành xuân bung biếc nụ chồi giêng hai
Nàng xuân e ấp chờ ai
Nửa đêm hoa rụng vàng phai áo người

Ký ức HOA VẠN THỌ

Nguyễn Quốc Huân

Tôi quen anh chị trong một cuộc gặp mặt đồng hương Quảng Nam. Vốn cùng quê từ "cấp xã" nên tôi và anh chị thân nhau lắm. Anh chị xem tôi như em út trong nhà, có việc gì cũng nhắc nhở, trao đổi.

Có thể nói, anh chị là những người thành đạt. Anh là tiến sĩ, làm việc ở khu công nghiệp Biên Hoà. Chị là chuyên viên của Sở tài Nguyên và Môi trường. Cả gia đình là những Phật tử thuận thành. Anh chị có hai con. Các cháu đều ngoan và học giỏi. Gia đình anh chị sống trong một chung cư cao cấp, tiện nghi không thiếu thứ gì. Một mẫu gia đình trẻ ở thành phố mà nhiều người mơ ước. Dạo tháng 11 năm ngoái, tôi ghé nhà anh chị chơi. Thấy anh và hai cháu đang lui cui trước khoảnh sân nhỏ xíu trước nhà. Thì ra, anh vừa làm vừa chỉ cho các cháu cách cấy những cây hoa vạn thọ mỏng manh như que tăm sang mấy cái chậu lớn. Nhìn cách anh tỉ mỉ chỉ cho hai con cách làm tới xấp đất, cách nâng niu khi đặt rễ cây xuống đất ra sao, cách cắm cho cây không gãy đổ, cách tưới nước như thế nào, tôi thâm ngán ngẩm. Ở thành phố công nghiệp chật chội này, khoảng sân trước chung cư quý lắm, lại linh kinh chậu to, chậu nhỏ. Mà để tìm một chút đất mùn đâu phải dễ, nói gì đến công chăm chút, gieo giống. Tôi buột miệng:

- Ôi trời! Hoa vạn thọ thì thiếu gì! Góc chợ nào mà chẳng có, lại rẻ như bèo! Thời buổi này, thiếu gì hoa đẹp, lại sang trọng. Hoa Đà Lạt có, hoa ngoại nhập cũng có, đủ cả. Anh trồng làm gì thứ hoa này cho nhọc xác!

Anh lặng thinh, mỉm cười. Đợi công việc xong xuôi, anh mời tôi vào nhà, pha một ấm trà. Đợi trà ngấm, anh rót ra chén mời tôi. Sau vài câu xã giao thời tiết chẳng đâu vào đâu, anh từ tốn nói:

- Cậu ạ, mình xa quê đã hơn 20 năm. Chẳng hiểu sao, mỗi lần sắp tết, mình lại bồi hồi nhớ cái màu hoa, cam chẳng ra cam, đỏ chẳng ra đỏ, cái mùi hăng hắc của hoa vạn thọ đến thế. Mình lại quay quắt nhớ đến vuông sân rộng trước nhà ở quê. Cứ mỗi năm, vào khoảng 23 tháng Mười âm lịch, lúc đó không còn những cơn mưa lớn tầm tã nữa. Chỉ còn cái nắng se vàng đầu đông và phơn mưa nhẹ nhẹ mà mẹ mình gọi là mưa gieo cái. Đó là thời thời điểm mẹ mình đem cái gói hạt giống hoa vạn thọ được cất kỹ trên giàn bếp từ mùa trước ra gieo, để đúng dịp tết thì trở hoa.

Khoảng sân rực thắm trong tiết xuân về. Mẹ mình chọn những cành hoa to nhất, đẹp nhất để dâng lễ chùa và chưng cúng trên bàn thờ Tam bảo, ông bà... Cậu biết đây, quê mình nghèo lắm! Gánh hoa vạn thọ của mẹ rải khắp phiên chợ quê ngày cuối năm cùng với các loại rau củ khác. Giêng hai giáp hạt mà! Mẹ bòn chắt từng đồng cơm côi nuôi mấy anh em mình ăn học. Mình vượt qua mấy năm đại học là nhờ đôi quang gánh hoa của mẹ... Mẹ mình cũng thích hoa này lắm, vì nó gắn bó với mẹ không biết bao nhiêu mùa xuân về!

Trong đôi mắt anh, tôi chợt nhận thấy một vùng xa xăm trong ký ức, đầy yêu thương, khắc khoải. Anh kể tiếp:

- Cậu biết không, chính những cây hoa vạn thọ mà mình đang ươm là hạt giống từ giàn bếp quê nhà, bà nội nâng niu gửi vào bằng đường bưu điện cho các cháu...

Mình dạy các cháu cách trồng hoa là dạy cho các cháu biết yêu thương, biết nhớ về bà nội, biết nhớ về quê hương, gốc gác. Dạy cho các cháu biết yêu quý, trân trọng và thấu hiểu những quãng đời gian khó mà mình đã từng trải, để có ý chí vươn lên trong cuộc sống. Các cháu được như ngày hôm nay chính là nhờ những cây hoa vạn thọ, bé xiu, quê mùa này đây, cậu ạ!

Tôi chỉ còn biết lặng người. Thâm xấu hổ và khó chịu vì suy nghĩ bộp chộp của mình. Các con anh thật là hạnh phúc vì đã có cha mẹ như thế, được chăm chút trong tình yêu thương bình dị mà đầm thắm. Tôi tin rằng, sau này khi các con anh lớn lên, cái màu hoa vạn thọ của vùng quê thương khó, đầy kỷ niệm ấy sẽ theo suốt cuộc đời. Dù ở đâu, làm gì, chúng vẫn có một nơi chốn vững chắc để nhớ thương, hướng về. Như hoa vạn thọ quê mùa mà bền bỉ, âm thầm dâng những mùa hương sắc cho đời, dệt nên mùa xuân quê hương ấm áp tình người...



GIEO HẠT MÙA SAU

Lê Đức Đồng

Thuở sinh thời của nội, tôi cùng nội đi tìm cây thuốc Nam đó đây. Nơi cây cỏ thuốc Nam thường mọc là những khu vườn hoang, là những doi đất vắng bóng người qua lại, sinh sống...

Nơi đây, những giống cây thuốc Nam tha hồ sinh trưởng, mọc um tùm và chờ người hái mang về làm thuốc giúp đời, giúp người qua cơn bệnh tật...

Tuỳ theo đặc tính từng loại cây thuốc, công việc thu hái diễn ra vào mùa cây tích tụ nhiều “chất thuốc” trong mình.

Cây thuốc Nam dùng cho người Việt Nam nên ông cha thường nhắn nhủ “*Nam được trị bệnh Nam nhân*”. Cây thuốc Nam hiện diện khắp nơi và đúng là dân mình “*sống trên đồng thuốc*” mà nhiều khi không biết!

Mùa thu hoạch thuốc Nam đã tới. Nội dặn đi dặn lại nhiều lần là khi chặt cây, nhớ chặt phần ngọn, nơi có trái khô để lại, đừng mang về hết phần của cây. Nội bảo mùa sau,



cây con sẽ mọc lên cho những mùa cây thuốc mới.

Nếu chặt hết đầu đuôi theo kiểu “*tận thu*” thì mùa sau chẳng còn cây thuốc nữa ! Với những cây lớn, phải chừa lại phần gốc cho chồi non bật lên. Chặt nhẹ nhàng, không làm đau cây để cây còn sức mọc lên khi những cơn mưa mát mẻ đầu mùa về tới...

Những bó thuốc Nam còn thơm mùi nhựa, mùi tinh dầu thật hấp dẫn ! Có phải luôn tiếp xúc, luôn tìm những cây thuốc mà chúng tôi luôn cảm thấy sáng khoái trong người ? Bởi không khí trong lành nơi vàm sông, nơi đầu doi bãi đã hào phóng tặng người tìm kiếm thuốc.

Bỗng cảm thấy tâm mình nhẹ nhàng, lâng lâng vì được góp sức mình giúp người, giúp đời bằng việc sưu tầm cây thuốc! Công việc lặng thầm, chỉ mình mình biết

Cứ thế, năm này qua năm khác, khi trở lại những khu đất này; những cây thuốc Nam thế hệ sau đã mọc lên xanh tốt và chúng tôi lại thu hoạch mang về.

Thử hỏi bây giờ có mấy người lưu tâm đến chuyện “*gieo hạt mùa sau*”? Tôm cá dưới sông, trên ruộng đều bị tận diệt bởi hàng tấn thuốc bảo vệ thực vật, bởi xung điện tràn lan; bởi những dòng nước thải đen ngòm từ những nhà máy ven sông...

Con lươn có sức sống dẻo dai, có sức chịu đựng là thế mà phải ngoi đầu lên khỏi sình để chết thảm chết thương ! Con cóc, con cò, con le le , chim bìm bịp tìm về mí vườn làm tổ cũng không yên. Những pha đèn cực mạnh làm chúng loá mắt, rơi lọt vào vợt của những kẻ săn bắt chim trong mùa chúng làm tổ...

Hãy biết dừng tay lại, hãy biết làm điều thiện, điều tốt lành để “*gieo hạt mùa sau*” ! Hãy biết yêu quý, bảo tồn, bảo vệ cỏ cây, yêu quý thiên nhiên này để dành những “*mùa sau*” cho con cháu của mình!

Khoảng trời xanh trên đầu còn xanh mãi hay không, tùy thuộc vào ý thức “*gieo hạt mùa sau*” của mỗi con người, của mỗi hành động có ích, thiết thực cho cộng đồng từ hôm nay ...

“ PHIẾM ĐÀM Ở Hiền Gặp Lành ”

Tâm Tịnh Lê

Hiền dân: Trời ơi, sao con ở hiền mà không lành gì hết? Tội ác lại gặp lành mới khổ chứ!

Trời: Thế nào là ác, thế nào hiền, là lành? Con chỉ hiểu theo ý con thôi, lúc này thôi, ở đây thôi. Hiểu rộng hơn sẽ thấy khác. Con hiểu bằng cái tâm của con bướm thì thấy hoa, bằng tâm của chim ưng thì thấy được cánh rừng, bằng tâm của trời thì thấy cả vũ trụ, cả muôn trùng hành tinh khác. Nếu kẻ ác lại gặp lành thì thế giới này làm gì tồn tại đến hôm nay.

Hiền dân: Con xưa nay ở hiền, tử tế, mà sao lúc này đang gặp nạn nè?

Trời: Cứ cho là con hiền, hiền lắm, thật hiền nhưng ta hỏi nè. Con bị đau một tí nơi ngón tay so với bị gãy tay, thì đó là lành hay dữ?

Hiền dân: So với người không bị đau gì hết thì người đau vẫn là khổ vậy.

Trời: Con tìm người không bị đau, không khổ ở thế gian đi và hỏi họ nhờ đâu mà được vậy. Nói thế thôi, con đừng đi tìm, có đâu mà tìm.

Hiền dân: Thế sao thẳng ở ác, nó vẫn gặp lành?

Trời: Sao biết nó lành. Ở ác thì gặp đũa còn ác hơn. Thử xem loài thú độc, thú dữ có nhiều trên rừng không? Hay là loài hiền lành, vô hại nhiều hơn. Con thử ở ác đi thì xem nội tâm con có được bình yên không? Đó là chưa nói đến hậu quả nhân tiền sẽ khủng khiếp đến chừng nào.



Hiền dân: Lý luận kiểu ấy thì vô cùng, như kiểu có chuyện gì thì bảo “cái số tôi nó vậy” là xong, huề cả làng.

Trời: Ngu si hưởng thái bình. Mình ngỡ họ ngu, chứ thật ra họ khôn đấy. Họ nhắm mắt chỗ cần nhắm, họ ngu chỗ nên ngu. Cái gì cũng muốn xáo tung lên, biết cho tường tận thì khác gì rước khổ vào thân.

Hiền dân: Sao người lành thường bị kẻ ác làm khổ?

Trời: Người ác làm khổ tất cả chứ đâu phải chỉ dành riêng cho người hiền, vậy nên kẻ ác có gặp lành được lâu đâu. Nhiều khi có người thì ác chỗ này mà lại rất hiền chỗ khác, hoặc họ biết tự chuyển hóa từ ác sang lành mà ta không biết đó thôi. Cái khổ có cả triệu triệu nguyên nhân khác nữa mà người ta không nhận ra. Có khi chính mình tạo ra cái khổ cho mình rồi đổ lỗi cho người khác.

Hiền dân: Tại sao thiên tai khiến vô số người lành vô tội phải chịu khổ đau?

Trời: Con người ác độc với thiên nhiên, cỏ cây, đất đá, không khí và nguồn nước mà họ ngỡ là mình sống hiền lành. Thiên tai là cảnh báo mà họ có biết sợ đâu, không những thế mà còn tiếp tục, ngày ngày xới tung cả trái đất này. Con người đâu có coi không khí, đất đá, nước nôi cũng là sinh vật mà biết xâm phạm chúng cũng là tội ác. Hiểu biết của họ còn nghèo nàn, thô thiển, ích kỷ lắm.

Hiền dân: Cứ tin ở hiền gặp lành rồi cứ chấp nhận khổ đau chờ đợi cái lành tới có phải là u mê không?

Trời: Ở lành như chấp hành đúng luật giao thông thì tránh được tai nạn. Nói thế không phải là không có tai nạn. Có muôn vàn tai nạn đáng lẽ xảy ra, nhưng nhờ đi đúng luật mà ta tránh được. Ta đã thoát muôn vàn tai nạn nhưng ta không biết và coi như đương nhiên là thế. Hễ có chút tai nạn nhỏ là đã kêu khổ rồi. Con người thường nhớ cái bất hạnh mà than khổ chứ không hề biết cảm ơn khi họ được bình thường. Thậm chí, được bình thường còn than buồn, chán rồi so với kẻ hơn mình mà phát sinh ganh tị tự rước khổ vào thân.

Sợ là mình u mê tức là bớt u mê rồi. Chờ đợi là lẽ tất nhiên của đời sống. Tại cái tâm tham lam, nóng vội nên người ta thiếu kiên nhẫn chờ đợi rồi sinh sự, rồi sai lầm và kêu khổ.

Hiền dân : Tại sao những kẻ ác, kẻ giàu sang thích nói “Ở hiền gặp lành” ?

Trời : Nghịch lý là một điều thường thấy ở đời. Trong mỗi người đã chứa đựng muôn ngàn nghịch lý sao không hề thấy. Lúc buồn thấy toàn cảnh buồn, lúc vui thấy ngược lại, không phải là nghịch lý sao. Tự mình vẽ vòng tròn rồi mình chạy trong vòng đó, chạy mãi rồi quên đi, lại than sao mình không thoát được cái vòng tròn kỳ quặc ấy. Mình cho người ta ác, mà biết đâu họ nghĩ hoàn toàn ngược với mình.

Hiền dân : Nói mãi sẽ là vô cùng. Làm sao có kết luận ở đây được ?

Trời : Làm gì có kết thúc ở đời này. Chết cũng là bắt đầu cái sống mới. Ta là trời ở bầu trời này, còn có trời khác ở bầu trời lớn hơn, và cứ thế mà có trời của trời của trời... Nhiều khi, phải biết cảm ơn sự bất hạnh của mình.



Truyện ngắn:

GIAO THỪA TRÊN BÃI BẮC

Lê Quang Trang

Không đúng mùa sinh sản, nhưng đôi khi vào những ngày cuối năm, các cụ rùa lại về thăm bãi Bắc, ngay lúc biển vắng người và gió cũng ngủ quên trên tán dừa phẳng lặng. Ba là người đầu tiên phát hiện điều ấy, sau lần ông nhặt những tổ trứng rùa mang về ấp ở sau Lăng Ông Ngự, ngay đêm giao thừa đáng nhớ...

Hồi ấy có người can ngăn, “rùa thường mang lại xui xẻo, đừng dính vào chúng làm chi mắc diêm”. Nhưng nhìn những ổ rùa bị sóng lớn đánh tan tã, trứng bị cuốn trôi khắp nơi, ba tôi không kìm được lòng mình. Cứ thế, ông mặc kệ lời khuyên, cứ mỗi sớm khi mặt trời chưa lên kịp, ông lại ra bãi tìm xem ổ rùa nào vừa đẻ là mang trứng về để ấp.

Ban đầu, ổ trứng chẳng nở được bao nhiêu, trăm trứng rùa thì chỉ có dăm bảy chú khê vỏ trứng chào đời, số còn lại đều bị rửa cả. Nhìn những chú rùa con sống sót, lẻ loi bơi về biển, và những trứng rùa hư trắng đầy trong ổ ấp, lòng ba đau như chính mình mới là con sóng cuốn đi ổ trứng vô tội. Sau mùa thả rùa về biển, ba theo tàu cá ra khơi chuyển cuối năm, hy vọng gặp nhiều may mắn để có được một cái Tết ấm no.

Tàu ra khơi không lâu thì bỗng nổi lên cơn bão. Tháng mười một thường biển đã dịu đi, nhưng chẳng hiểu sao trời lại tung ra cơn gió ngược. Gió rít qua mái nhà rừng rợn, mây phen mẹ phải khấn vái rì rào bên những bó nhang to nghi ngút khói. Người ta bảo nhau rằng, cũng tại ba tôi bắt trứng rùa về ấp, nên làm cho biển cả nổi giận tung ra những cơn bão dữ... Lời đồn cũng đến nhanh và phần nộ chẳng khác gì cơn bão, ai nấy cũng xoáy ánh nhìn vào nhà tôi. Bởi hàng trăm năm qua, trên cù lao biển này có ai dám đụng đến các cụ rùa đâu. Và làng chưa bao giờ thấy bão về vào những ngày cuối năm một cách dữ dội như vậy. Mẹ tôi vừa buồn vừa tủi, nghẹn ngào mà chẳng dám rơi nước mắt, chỉ biết

ngó về phía biển van vái chư thần, “có thiêng hầy chứng giám tấm lòng nhà con, chẳng phải muốn hại chi các cụ rùa mà gom trứng về để ấp”.

Tuy nhiên, biển vẫn nổi sóng không nguôi. Năm ấy tôi vừa tròn sáu tuổi, ngó về phía bờ Bắc, nơi bãi đẻ của các cụ rùa, nơi ngày nào tôi cùng ba rọi đèn lượm trứng rùa về ấp. Bây giờ gió cuốn tôi bời, những hàng dừa oằn mình trong bão, những tàu lá quơ liên hồi như cũng muốn mình oan.

Bão dữ, quét ngang cù lao ba hôm thì lại tạnh. Ngó ra phía biển vẫn còn những đám mây đen vẫn đục phía chân trời. Có tin về rằng, chiếc tàu cá ba tôi theo, bị mắc kẹt trong một hẻm đá nổi ở giữa biển, may mà mọi người vẫn còn sống sót. Tin về trước, thì nửa ngày sau thì đoàn ngư dân trong đó có ba tôi trở về đến đất liền. Ông thất thần, yếu ớt xanh xao bước vào nhà như bão đã ngớp lấy hồn ba, chưa trả.

Nằm thiêu thiêu trên võng nửa mê nửa tỉnh suốt mấy hôm ba mới ngồi dậy nói năng. Ông kể rằng con bão bắt ngờ đến khi tàu vẫn đang giăng mẻ lưới. Bão lạ, chẳng một dấu hiệu nào báo trước, cũng chẳng giống bất kỳ cơn bão nào mà đời ba chứng kiến được. Bị bão táp bất ngờ, cả đoàn tàu đều chơi vơi. Sóng có lúc hất tàu lên rất cao rồi đập xuống. Trong gang tấc của cái chết, thì bỗng dưng cảm nhận được chiếc tàu như có vật gì đó nâng lên, rồi tiến băng băng đi một hướng. Đến khi tàu đụng vào một hẻm đá, và mắc cạn lại đó thì mới hay Ông Ngư vừa đưa lưng cứu tàu vào tận nơi đây. Trong ánh đèn còn sót lại trên tàu, ai nấy cũng thấy rõ lưng ông như con trâu khổng lồ, hai tia nước bắn lên thật cao rồi có tiếng vầy đuôi. Ông từ từ rời đi, trong khi cơn bão thì vẫn hung hăng như muốn nuốt đi chiếc tàu mà chẳng được. Bão vẫn cố ném những trận sóng đến gần một ngày sau thì mới tan. Trong đôi mắt sáng như sao, chứa đầy niềm tin sau lần được Ông Ngư cứu mạng, ba khẳng khái bảo rằng:

- May mà có Ông đỡ mạng, mọi người còn chống chọi đến lúc ấy. Chứ nếu không chẳng biết đã ra sao. Ngẫm nghĩ chuyện xưa ông bà kể lại, nay mới thấy rành rành Ông Ngư cứu mạng mình thì chẳng phải sai.

Sau đợt bão ấy, sức khỏe ba có phần yếu đi so với trước, khó có thể theo tàu lênh đênh trên biển được lâu. Tuy nhiên làm sao rút ra khỏi cái mùi biển mặn mòi cho được. Ba xin theo các tàu đánh bắt gần bờ, đi ngắn ngày để có thể vừa lao động, kiếm thêm chút tiền phụ cho gia đình mà vừa bám biển. Chuyến đi của ba thường không quá lâu, nhưng ông đi thường xuyên hơn trước, hiếm khi ngơi nghỉ dài ngày ở nhà. Trong một chuyến ra khơi độ chừng hai hôm thì tin từ biển nhắn về, tàu thấy được một Ông Ngư sắp lụy, ba tôi là người phát hiện đầu tiên. Ba ra mũi tàu khấn vái, nếu Ông Ngư có thiêng, đã chọn cù lao chúng con là nơi yên nghỉ thì xin hãy theo chúng con vào bờ... Thiêng thay! Ông Ngư như nghe hiểu được tiếng người, Ông bơi trong sự yếu ớt theo con tàu, khi vào sắp đến bãi thì Ông mới lụy. Theo tục lệ, ba tôi được xem là “con cả”, đứng ra lo tang chế cho Ông. Xúc động, ba bảo rằng, trên thân ông có vết thương, như dấu đỡ một con tàu trong bão. Điều ấy làm cho tôi và dân cù lao càng tin rằng Ông Ngư chính là “ân nhân” đã cứu mạng chuyến tàu gặp bão! Bởi niềm tin ấy, mà ba tôi hết lòng phụng lễ, để tang cho Ông như người thân ruột thịt, đến tận ba năm nhang khói. Tang chế Ông xong, cũng là lúc sức khỏe của ba chẳng cho phép đi biển nữa. Ba lui cui nhận chức làm từ, giữ khói nhang cho Lăng Ông Ngư, và ra bãi biển mỗi sáng sớm của ngày. Mẹ tôi vẫn giữ chân bạn hàng nhỏ ở xóm chày. Tôi vừa xong đại học, có việc làm ổn định ở phố, tuy công việc tất bật, phải xa nhà,

nhưng qua màn hình điện thoại, tôi luôn thấy ba mừng vui khi khoe những chú rùa ba cứu được hay những trứng rùa nở ra những con xinh đẹp và khỏe khoắn.

Tháng mười một, khi biển vừa qua những cơn bão cuối cùng của năm, sóng gợn lăn tăn êm dịu, cũng là lúc những ổ trứng rùa bắt đầu nở con. Cần thận nhặt từng con rùa cho vào chiếc thúng có lót vải, ba đợi lúc biển yên sẽ mang chúng ra bãi thả về với đại dương. Xong đợt thả cuối cùng của năm, ba mẹ gọi điện cho tôi mừng vui bảo rằng, “đợt vừa rồi rùa nở nhiều lắm, con nào cũng mạnh khỏe chạy về với biển như gặp mẹ, ắt năm nay biển sẽ bình yên!” Niềm tin của ba, thôi thúc tôi nhất định năm nay phải về ăn Tết ở quê nhà, phải đón giao thừa trong mùi biển căng phồng phôi mới thôi.

Nói là nói vậy, nhưng công việc giáp Tết bận bịu. Cố chạy với thời gian muốn dứt hơi, thì cũng phải mất một đoạn đường dài mấy trăm cây số, kẹt xe liên miên mấy đoạn nhiều khô thì mới về được đến nhà. Chiếc đồng hồ đã điểm giao thừa, nhà tôi vẫn bông hoa trưng bày đón Tết. Cửa mở đón gió mà nhưng chẳng ai ở nhà, ba mẹ đã đi đâu sao không nghe một lời dặn lại. Gọi điện mãi vẫn không được, tôi lang thang đi về phía biển. Và bất ngờ khi thấy ba mẹ đang cúi với chiếc thúng kê bên. Hai cụ rùa lên bãi ngay đêm giao thừa, một cụ để được tám mươi sáu trứng, cụ còn lại già nua, bị mắc lưới dính chặt hai chân sau. Cha con tôi ề ạch cắt lưới, thoa thuốc, cụ rùa nằm im, lim dim mắt như mê ngủ; mẹ đánh dấu các trứng trong ổ, sắp ngay ngắn vào thúng. Khi mọi thứ đã xong, hai cụ rùa vẫn ngồi đó ngó chúng tôi, đôi mắt mở to như muốn nhìn cho thật kỹ. Hồi lâu, hai cụ chậm chậm bước về với biển. Khi đã hòa vào nước cụ còn ngoái lại nhìn chúng tôi như chúc một năm mới bình an. Giao thừa đã trôi qua, năm mới đã gõ cửa ở nhà. Và chúng tôi đã “xông đất” cho biển quê mình bằng những điều như thế!



TỪ BI (LOVE) MÀ KHÔNG HÀNH ĐỘNG CHỈ LÀ MỘT TỪ VỚI BỐN CHỮ CÁI

Tác giả: Suphani Thawatchai

Dịch giả: TT. Thích Minh Trí

Tam Suphachai là chủ quầy chuyển-đổi tiền tọa lạc tại góc phố bộ hành mua bán sầm uất trong trung tâm thương mại của Thành phố Bangkok. Công việc kinh doanh của anh ấy tuy ổn định nhưng không phát đạt, ngoại trừ lúc cao điểm của mùa du lịch.

Vào thứ Năm của tuần thứ tư mỗi tháng, thường xuyên có một người phụ nữ đến quầy chuyển-đổi tiền của anh để chuyển tiền về quê nhà ở tỉnh Udon Thani. Mỗi lần đến gửi tiền, người phụ nữ ấy đều chuyển 20.000 baht.

Một ngày thứ Năm, người thiếu phụ ấy đến quầy chuyển-đổi tiền của Tam Suphachai như thường lệ. Lần này, cô chỉ chuyển 15.000 baht. “*Chị không chuyển bằng số tiền như mọi lần à?*”, Tam Suphachai hỏi người phụ nữ.

“*Không ạ, lúc này công việc làm ăn của em không được ổn*”, người phụ nữ thờ dãi trả lời.

Tam Suphachai đoán người thiếu phụ đang làm việc tại một trong những tiệm mát-xa gần quầy chuyển-đổi tiền của anh. Anh đã đoán chính xác. “*Không đủ ạ*” cô ấy nói. Và “*không bao giờ là đủ*”, người thiếu phụ thốt lên.

Trong tức tặc, lời than thở chuyển thành tiếng nấc nghẹn với những giọt nước mắt giàn giụa.

“*Em phải cho con trai vào học trường tư thục nội trú. Nếu không, nó sẽ giao du chơi bời với những người bất hảo bởi vì ở nhà không có ai trông nom nó. Và em còn cần gửi tiền cho đứa em gái em đang ở nhà chăm sóc bố mẹ nuôi của nó. Lúc nào em cũng không còn lại chút gì cho bản thân*”, người thiếu phụ khóc nức nở khi thổ lộ lời cuối.

Khi Tam Suphachai đang nhập những chi tiết giao dịch vào máy tính, anh chưa thể giúp đỡ nhưng cảm thấy ái ngại trước hoàn cảnh của người thiếu phụ.

“*Hãy mạnh mẽ lên chị ạ. Hãy tin vào sự yêu thương tử tế. Chị có một tấm lòng lương thiện. Những điều tốt đẹp sẽ đến với chị ngay thôi mà.*” Đó là tất cả những gì mà Tam Suphachai có thể mang đến cho người thiếu phụ lúc này.

Khi Tam Suphachai đưa cho người phụ nữ ấy giấy biên nhận chuyển khoản, cô chấp tay vái chào và ngỏ lời xin lỗi vì không kiềm chế được cảm xúc của bản thân nên đã làm phiền đến anh.

Một tháng trôi qua, người phụ nữ ấy quay lại. Lần này cô đề nghị chuyển tiền như thường lệ 20.000 baht.

“*Mọi việc ổn chứ, thưa chị?*” Tam Suphachai hỏi. “*Cũng vậy thôi anh ạ*”, cô mỉm cười trả lời.

Sau khi hoàn tất thủ tục chuyển khoản, Tam Suphachai đưa cô biên nhận nộp tiền. Cô vội cảm ơn và chấp tay vái chào tạm biệt anh.

Năm phút sau người thiếu phụ ấy hỏi hả quay lại quầy chuyển-đổi tiền của Tam Suphachai. “*Chắc chắn có sự nhầm lẫn nào đó*”, cô nói. “*Giấy biên nhận chuyển khoản này ghi 200.000 baht trong khi em chỉ đưa cho anh 20.000 baht.*”

“*Không có sự nhầm lẫn nào cả*”, Tam Suphachai trả lời. “*Chị hãy dùng số tiền đó để đảm bảo cuộc sống gia đình chị được an ổn.*”

Một lần nữa người thiếu phụ xúc động, nghẹn ngào không nói nên lời, nhưng lần này với cường độ cảm xúc cao hơn. Cô lấy tay ôm mặt và khóc nức nở. Vừa nức nở, cô vừa cố gắng nói lời cảm ơn Tam Suphachai.



“*Được rồi. Chị đừng nghĩ ngợi nữa. Chị hãy làm những gì có thể để đảm bảo mọi người mạnh khỏe, an ổn*”, Tam Suphachai động viên người thiếu phụ.

Vào thứ Năm của tuần thứ tư của tháng sau, người thiếu phụ ấy đã không quay lại quầy chuyển-đổi tiền của Tam Suphachai. Thay vào đó, Tam Suphachai nhận được lời mời kết bạn trên trang Facebook của quầy chuyển-đổi tiền của anh. Bây giờ anh mới biết tên của người thiếu phụ ấy là Simwattana, thường gọi là Sim.

Trên FB của mình, người phụ nữ ấy đăng một số hình ảnh về quán ăn nhỏ của cô, được chụp tại tỉnh Udon Thani. Và sau đó là những hình ảnh về các món ăn như: gỏi đu đủ, gà xiên que và trà sả. Những hình ảnh này nhận được hàng chục lượt like cùng nhiều lời chúc mừng. Trên các tấm hình đăng trên FB có ghi dòng chữ: “*Món gỏi đu đủ/ gà xiên que ngon nhất tỉnh Udon Thani*”.

Liên sau đó là những tấm hình đăng khác xuất hiện, mô tả một nhóm du khách Nhật Bản đang ném thử các món ăn trong quán cô. Tiếp theo là những tấm hình khác về một cặp vợ chồng “da trắng” đang giơ một ngón tay cái lên.

Và rồi một thông báo xuất hiện trên ứng dụng nhắn tin của Tam Suphachai được gửi từ Sim với nội dung: “*Anh có rảnh nói chuyện với em không?*”

Đến lúc này Tam Suphachai mới thật sự biết lai lịch của Sim.

Cô xuất thân trong một gia đình nghèo ở tỉnh Khon Kaen. Cha cô qua đời cách đây khoảng một năm trước khi mẹ cô mất lúc vừa sinh em gái cô. Vì sợ thị phi, em gái cô được cho đi làm con nuôi. Cô làm quen lại với em gái chỉ mới cách đây 2 năm.

Về bản thân, cô bỏ học trung học sau khi đang mang thai con trai ở tuổi 17. Trong khi đó, đối với người bạn đời, cô rất hiếm khi gặp mặt anh ta vì anh ta còn phải tiếp tục đi học.

Sau khi lập gia đình một năm, chồng cô bị gọi gia nhập quân ngũ 3 năm và mất liên lạc với cô trong một thời gian. Để duy trì tài chính, cô nuôi con trai đến khi nó được 3 tuổi thì cô quyết định để con trai cho gia đình chồng trông nom và đến Bangkok tìm việc làm.

Ở Bangkok, cô làm bất cứ công việc gì miễn là có thể kiếm được tiền, từ việc quét dọn, chạy bàn đến công nhân nhà máy. Nhưng số tiền mà cô kiếm được quá ít và mất nhiều thì giờ. Vì vậy, cô quyết định trở thành nhân viên mát-xa.

Trong suốt 2 năm qua, những lo toan trong gia đình bắt đầu thử thách ý chí của cô. Người chồng thất nghiệp mà cô đang hỗ trợ tài chính bắt đầu trắng hoa nên cô đã li dị anh ta. Rồi cha mẹ nuôi của em gái cô xin cô ngày càng nhiều tiền để trang trải chi phí ốm đau. Cuối cùng là đứa con trai bị bỏ rơi của cô bắt đầu trốn học và lêu lổng với thành phần bất hảo.

Cô không có nhà, tiền ít và nhất là phải một mình gồng gánh cả gia đình trên đôi vai gầy.

Trong cơn túng quẫn cùng cực, cô nhận lời đi với khách làng chơi nhếch nhác. Đó là việc làm mà cô thực sự coi thường nên cố dành ra những ngày để vào chùa tu tập thiền định nhằm “gội rửa” tội lỗi.

Trong tin nhắn cuối cùng cô nói Tam Suphachai rằng: “*Em không biết khi nào và làm cách nào để có thể trả hết công ơn của anh. Anh đâu có biết rằng nhiều sinh mạng đã được anh cứu giúp. Em cảm ơn anh nhiều lắm.*”

Khi Tam Suphachai chuyển tiền vào tài khoản của Sim, anh làm như vậy theo trực cảm bản năng. Từ trong sâu thẳm, anh biết đây là việc mà anh phải làm. Ngoài ra, đây là khoản tiền anh tiết kiệm thêm mà anh cũng không dùng đến nó dù thế nào đi nữa.

Nêu bật trực cảm bản năng của Tam Suphachai chính là nói đến tri giác của lòng từ bi yêu thương (metta) mà anh đã cảm nhận dành cho Sim. Nét mặt lo âu và những tiếng nấc nghẹn của người thiếu phụ ấy làm người ta có ấn tượng sai lầm rằng ai đó đã cho đi mọi thứ cô ấy có, nhưng cuộc đời thật bất công khi nó tiếp tục quăng chất thải vào cô ấy.

Là con người, cô ấy có những giới hạn chịu đựng nhất định. Nếu phải cam chịu nhiều hơn thế nữa, chắc chắn cô ấy gục ngã. Khi cô ấy gục ngã, gia đình của cô ấy cũng sẽ ngã theo.

Giáo lý nhà Phật nhấn mạnh đến hành động bất bạo động (ahimsa) và phát triển sự nhận thức về nhân quả (karmar – nghiệp). Nếu chúng ta nhìn vào nét mặt khổ đau và chỉ nhói lên lòng từ bi yêu thương (metta) thì hành động thụ động này không phục vụ mục đích thực sự nào khác ngoài sự khơi gợi lòng thương hại.

Lòng từ bi yêu thương (metta), theo nghĩa chân thực nhất, giúp tâm trí ta sẵn sàng đối mặt với khổ đau của người cam chịu bằng sự trầm tĩnh. Nếu ta chọn hành động theo sự thôi thúc từ nội tâm thì lòng từ bi khi đó sẽ sinh khởi cho phép ta giúp đỡ đối tượng mà không bị vướng mắc về cảm xúc.

Tam Suphachai không chỉ cứu giúp Sim. Anh đã cho Sim một cơ duyên để khởi sự lại và tự do đối diện với cuộc sống mà không cần cam chịu trước sức mạnh đen tối của nghịch cảnh. Từ đó, mang lại niềm hy vọng mới cho em gái Sim, cha mẹ nuôi của em gái cô và cậu con trai cô.

Quả thật, Tam Suphachai đã cứu giúp không chỉ một người. Vòng dây liên kết nghiệp báo xoay vần sâu xa. Ta không biết kết quả của việc hỗ trợ của ta sẽ đi về đâu.

Tam Suphachai có thể biết hoặc không biết. Nhưng theo ý nghĩa của đạo Phật về lòng từ bi (love), sự giúp đỡ ấy của Tam Suphachai vượt xa một từ với bốn chữ cái.

Chùa Phúc Lâm, ngày vía đức Phật A-di-đà năm Nhâm Dần (10/ 12/ 2022)

* Dịch theo nguyên tác Anh ngữ “*Love without action is just a four letter word*” của tác giả **Suphani Thawatchai**

Nguồn: <https://www.buddhistchannel.tv/index.php?id=7,13284,0,0,1,0>



Vào
Cửa
Phật
Sanh
Tân
Hoan
Th

Đón
Cửa
Chùa
Bát
Tánh
San
Si



HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ NĂM 2022

Sáng ngày 08/ 05/ 2022 (nhằm mừng 08/ 04/ Nhâm Dần), tại Tổ đình Phước Viên phường Tân Hiệp, Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên Hòa long trọng tổ chức Đại lễ Phật đản Phật lịch 2566 - Dương lịch 2022.



*“Thượng tọa Thích Minh Trí,
Trưởng ban Trị sự GHPGVN TP.
Biên Hòa trao bằng vàng tri ân công
đức Nhạc sĩ Thiện Cần –
Trần Văn Giỏi, ra mắt nhạc phẩm
“Phật giáo Biên Hòa ca.””*



Chiều ngày 08/05/2022, (nhằm 08/04/Nhâm Dần), Ban Trị sự - Ban Từ thiện Xã hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa tổ chức trao tặng 500 phần quà Phật đàn cho hội viên hội người mù và người khó khăn trong tỉnh Đồng Nai với tổng kinh phí 240 triệu đồng.



Sáng ngày 11/ 05/ 2022 (nhằm ngày 11/ 04/ Nhâm Dần), phái đoàn Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Đồng Nai do ông Nguyễn Sơn Hùng, Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm trưởng đoàn đã đến Văn phòng Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên Hòa - Chùa Đức Quang phường Tân Phong - dâng hương, lễ Phật và chúc mừng chư tôn đức tăng, ni, Phật tử thành phố nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2566.



Chiều ngày 10/ 05/ 2022 (nhằm ngày 10/ 04/ Nhâm Dần), phái đoàn Thành Ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN thành phố Biên Hòa, do bà Trần Thị Mai Thảo, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch HĐND thành phố làm trưởng đoàn đã đến Văn phòng Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên Hòa - Chùa Đức Quang phường Tân Phong thăm và chúc mừng tăng, ni, Phật tử nhân Đại lễ Phật đản Phật lịch 2566.

Ngày 30/ 12/ 2021 (nhằm 27/ 11/ Tân Sửu) tại Hội trường Văn phòng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa - Chùa Đức Quang phường Tân Phong - đã diễn ra Hội nghị tổng kết Phật sự năm 2021 và trao Quyết định chuẩn y nhân sự Ban Trị sự nhiệm kỳ 2021 - 2026.





Trong không khí hoan hỷ chào đón Tết cổ truyền - xuân Nhâm Dần, ngày 24/01/2022 (nhằm ngày 22/ chạp/ Tân Sửu) đoàn Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành phố Biên Hòa, do Thượng tọa Thích Minh Trí, Trưởng ban Trị sự làm trưởng đoàn, đã chúc Tết nhị vị Hòa thượng Lãnh đạo cấp cao GHPGVN tỉnh Đồng Nai.



Khánh tuế Hòa thượng Thích Nhật Quang, Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2017 - 2022, Trụ trì Thiền viện Thường Chiếu xã Phước Thái, huyện Long Thành.



Khánh tuế Hòa thượng Thích Giác Quang, Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Tăng sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2017 - 2022, Trưởng ban Quản trị Quan Âm tu viện phùng Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa.



Dâng hương tưởng niệm cố Hòa thượng Thích Quang Đạo, nguyên Phó Ban Trị sự kiêm Trưởng ban Ban Hoằng pháp Phật giáo tỉnh Đồng Nai.

Ngày 15/01/2022 (nhằm ngày 13 tháng 12 năm Tân Sửu), đoàn Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đến vãn an và chúc Tết Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai, và chư tôn đức giáo phẩm Chứng minh Ban Trị sự Phật giáo thành phố nhân dịp Tết cổ truyền.



Chúc tết Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai.



Chúc Tết Hòa thượng Thích Thiện Đạo,
Chứng minh Ban Trị sự Phật giáo thành phố,
Trụ trì Chùa Phi Lai



Chúc tết Hòa thượng Thích Huệ Chí,
Chứng minh Ban Trị sự Phật giáo thành phố



Chúc tết Hòa thượng Thích Phước Tú, Phó ban
Trị sự kiêm Trưởng ban Nghi lễ Phật giáo tỉnh



Chúc tết Thượng tọa Thích Huệ Khai,
Phó ban Thường trực Ban Trị sự Phật giáo tỉnh



Hòa thượng Thích Minh Ngạn, Phó Ban Trị sự
kiêm Trưởng ban Kiểm soát Phật giáo tỉnh

*Văn an Sư bà Thích nữ Nhãn Liên,
Mẹ Việt Nam Anh Hùng,
Trụ trì Tịnh xá Ngọc Hiệp phường Thống Nhất*



Ngày 14/01/2022 (nhằm ngày 12 tháng 12 năm Tân Sửu), đoàn Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa, do Thượng tọa Thích Minh Trí, Trưởng Ban Trị sự làm Trưởng đoàn, đã thăm và chúc Tết cổ truyền các cơ quan ban ngành tỉnh Đồng Nai, thành phố Biên Hòa và phường Tân Phong.

Đoàn đã đến chúc Tết Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai, Ban Tôn giáo tỉnh, Phòng An ninh Đối nội Công an tỉnh, Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Biên Hòa, Ban Dân vận Thành ủy, Phòng Nội vụ, Công an thành phố và Đảng ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc phường Tân Phong.



Ngày 9 - 10/07/2022, (nhằm ngày 11 - 12 /06/Nhâm Dần), đoàn Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên Hòa do Thượng tọa Thích Minh Trí, Trưởng ban Trị sự làm trưởng đoàn đã đến thăm, cúng dường 13 trường hạ và điểm an cư tại chỗ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.





Sáng ngày 07/08/2022, (nhằm ngày 10/07/ Nhâm Dần), tại Tổ đình Long Thiền phường Bửu Hòa, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa long trọng tổ chức Lễ Tự tứ - Vu lan nhằm tổng kết 03 tháng an cư kiết hạ PL. 2566 - DL. 2022.





Trao quà Vu Lan tại Tổ đình Long Thiền phường Bửu Hòa chiều ngày 07/08/2022, (nhằm 10/07/Nhâm Dần), chư tôn đức Thường trực Ban Trị sự Phật giáo thành phố Biên Hòa và lãnh đạo UBMTTQVN thành phố đã trao 500 phần quà Vu lan đến 400 hội viên Hội người mù các huyện: Định Quán, Xuân Lộc, Trảng Bom, Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch và TP. Biên Hòa và 100 người có hoàn cảnh khó khăn của phường Bửu Hòa. Mỗi phần quà gồm nhu yếu phẩm và phong bì tiền mặt. Tổng giá trị 340 triệu đồng.



Ngày 10/08/2022 (nhằm 13/07/ Nhâm Dần), đoàn Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Biên Hòa đã đến Văn phòng Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố - Chùa Đức Quang, phường Tân Phong, chúc mừng đại lễ Vu lan PL.2566 - DL. 2022.



Ngày 13/11/2022 (nhằm 20/ 10/ Nhâm Dần), Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa long trọng tổ chức Lễ công bố và trao Quyết định bổ nhiệm Trụ trì Chùa Phi Lai phường Tân Tiến đối với Đại đức Thích Nguyên Long.



Ngày 23/ 10/ 2022 (nhằm 23/ 09/ Nhâm Dần), Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đã tổ chức Lễ công bố Quyết định thành lập và bổ nhiệm Trụ trì thiền viện Duy Lực phường An Hòa đối với Sư cô Thích nữ Pháp Ngân.



Nhân dịp lễ Tiểu tường cô Hòa thượng khai sơn Thích Phước Minh, ngày 18/08/2022 (nhằm ngày 21/07/ Nhâm Dần), Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa tổ chức Lễ Công bố Quyết định bổ nhiệm trụ trì chùa Già Lam Thiện Sanh, phường Tân Tiến đến Đại đức Thích Trung Phú.



Sáng ngày 31/ 10/ 2022, (nhằm ngày 07/10/Nhâm Dần) đoàn Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đã đến trụ sở Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Biên Hòa trao tài trợ 120 thẻ bảo hiểm y tế, trị giá 67.800.000 đồng, cho học sinh có gia cảnh khó khăn vượt khó chăm học trên địa bàn thành phố.



Ngày 27/ 08/ 2022, tại Hội trường A, trụ sở Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Biên Hòa, Ban Thường vụ Thành đoàn đã tổ chức chương trình trao tặng 100 thẻ bảo hiểm y tế, trị giá 80.500.000 đồng, do Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa tài trợ, cho người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố.



Ngày 13/ 10/ 2022, Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đã đến Thành ủy Biên Hòa chúc mừng Ban Dân vận Thành ủy nhân dịp kỷ niệm 92 năm Ngày Truyền thống Công tác Dân vận của Đảng (15/ 10/ 1930 – 15/ 10/ 2022). Dịp này, Thường trực Ban Trị sự GHPGVN thành phố Biên Hòa đã tài trợ 30 chiếc xe đạp, trị giá 60 triệu đồng để Ban Dân vận Thành ủy trao tặng các học sinh có gia cảnh khó khăn trên địa bàn thành phố.



Ngày 21/ 09/ 2022, đoàn Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đã đến trụ sở Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai ủng hộ 330 suất học bổng năm học 2022 – 2023 có tổng trị giá 330 triệu đồng.



Sáng ngày 03/08/2022 (nhằm mừng 06/07/ Nhâm Dần), tại Hội trường Văn phòng Ban Trị sự - Chùa Đức Quang phường Tân Phong, Ban Từ thiện Xã hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa phối hợp với Hội Khuyến học cùng cấp tổ chức Lễ trao học bổng năm học 2022 – 2023. Mỗi suất học bổng trị giá trên 1.300.000 đ, gồm hiện vật và phong bì tiền mặt 1.000.000 đồng. Tổng kinh phí đợt trao học bổng năm nay là 85.000.000 đồng do Ban Từ thiện Xã hội vận động chư tôn đức tăng, ni, quý Phật tử và các nhà hảo tâm phát tâm ủng hộ.



Sáng ngày 20/11/2022, đoàn chư tôn đức ni Phân ban Ni giới thuộc Ban Tăng sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa trao tặng quà từ thiện đến bà con dân tộc thiểu số. Tổng trị giá của chuyến từ thiện này là 150 triệu đồng do Phân ban Ni giới GHPGVN thành phố Biên Hòa vận động chư tôn đức ni Trụ trì các tự viện trên địa bàn thành phố Biên Hòa ủng hộ.



Ngày 19/ 01/ 2022 (nhằm ngày 17/ chạp/ Tân Sửu), nhân dịp Tết cổ truyền dân tộc, Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) thành phố Biên Hòa cùng Ban Dân vận Tỉnh ủy Đồng Nai đã đến thăm và trao quà Tết, trị giá 120 triệu đồng tại các huyện: Định Quán và Tân Phú.



Tiếp tục chương trình từ thiện “Tết sẻ chia”, ngày 22/ 01/ 2022 (nhằm 20/ chạp/ Tân Sửu), Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa cùng Thường trực Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố trao 200 phần quà Tết Nhâm Dần cho người khó khăn và nạn nhân chất độc da cam.



Chiều ngày 10/01/2022 (nhằm ngày 08/chạp/Tân Sửu), Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đã quang lâm về Tổ đình Quan Âm Tu Viện, phường Bửu Hòa, dâng hương tưởng niệm Lễ Tiểu tường cố Ni trưởng Thích nữ Huệ Giác.



Sáng ngày 13/ 05/ 2022 (nhằm 13/ 04/ Nhâm Dần), Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh Đồng Nai và thành phố Biên Hòa đã đến Nghĩa trang Liệt sỹ tỉnh Đồng Nai dâng hương tưởng niệm anh hùng liệt sỹ nhân Đại lễ Phật đản PL. 2566 – DL. 2022



Chiều ngày 25/08/2022 (nhằm ngày 28/07/Nhâm Dần), Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đã quang lâm về Quan Âm tu viện, phường Bửu Hòa, dâng hương tưởng niệm cố Hòa thượng Thích Thiện Phước, húy Nhựt Ý, dòng Lâm Tế thứ 41, Tổ sư Khai sơn Liên Tông Tịnh Độ Non Bồng.



Sáng ngày 21/07/2022 (nhằm ngày 23/06/Nhâm Dần), Thường trực Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam thành phố Biên Hòa đã quang lâm về chùa Phi Lai, phường Tân Tiến, dâng hương tưởng niệm cố Đại lão Hòa thượng Thích Diệu Tâm.



Đoàn Đại biểu GHPGVN thành phố Biên Hòa gồm 70 chư tôn đức tăng, ni tiêu biểu do Thượng tọa Thích Minh Trí làm trưởng đoàn đã tham dự Đại hội Đại biểu Phật giáo tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2022 – 2027 được tổ chức trong 02 ngày, 01-02/11/2022 tại Trụ sở Ban Trị sự GHPGVN tỉnh – Chùa Tỉnh Hội phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa. Tại Đại hội, 13 chư tôn đức tăng, ni thành viên Ban Trị sự GHPGVN thành phố đã được suy cử Ủy viên Thường trực và Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh nhiệm kỳ 2022 – 2027, trong đó Thượng tọa Thích Minh Trí được suy cử Phó Trưởng ban Ban Trị sự Phật giáo tỉnh.



Ra mắt tân Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2022 – 2027.



Chư tôn đức tăng, ni thành viên Ban Trị sự GHPGVN thành phố đã được suy cử Ủy viên Thường trực và Ủy viên Ban Trị sự GHPGVN tỉnh nhiệm kỳ 2022 – 2027.

Tại Đại hội Đại biểu GHPGVN khóa IX, nhiệm kỳ 2022 – 2027 diễn ra tại Thành phố Hà Nội từ ngày 27-29/ 11/ 2022, Thượng tọa Thích Minh Trí, Phó Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN tỉnh Đồng Nai, Trưởng ban Ban Trị sự GHPGVN thành phố được suy cử Ủy viên dự khuyết Hội đồng Trị sự GHPGVN khóa IX.



Đoàn Đại biểu Phật giáo tỉnh Đồng Nai tham dự Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc khóa IX.



Thượng tọa Thích Minh Trí tại Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc khóa IX.



Trong số này

Nội San

Bát Nhã

DL. 2022 - PL. 2566 / SỐ 4



- Lời nói đầu
- 005** Ánh sáng thành đạo
- 006** Tứ thiền và Tam minh nền tảng của thành đạo
- 010** Đi lễ chùa đầu năm: Nét đẹp văn hóa đặc trưng và khát vọng muôn đời của con người
- 015** Đức Phật thành đạo – Sự khởi đầu cho một mùa xuân bất tận
- 018** Thành đạo hay đắc đạo
- 020** Triết lý Tết cổ truyền Việt Nam
- 023** Hạnh từ bi của Bồ-tát Di Lặc
- 025** Lễ Tết trong văn hóa Phật giáo
- 027** Bức tranh của mùa Xuân
- 030** Kính mừng ngày đức Thế Tôn thành đạo 08-12
- 030** Phật-đà Mâu-ni
- 031** Xuân
- 032** Ôn Phật từ bi
- 032** Vào cõi sắc không
- 033** An nhiên ngắm xuân
- 035** Xuân thành đạo
- 037** Mùa xuân trong đạo Phật
- 039** Văn hóa Phật giáo với mùa xuân
- 044** Cảm nhận bài thơ “Xuân Yêu Thương” của Lãng Già Tâm

047	Tám hướng thành đạo
048	Phật Hoàng Trần Nhân Tông
050	Tìm cầu hạnh phúc nơi đâu?
053	Tu tập để chuyển hóa thân và tâm
056	Từ “Ánh Đạo Vàng” đến “Sám Nguyện”
058	Chớ coi thường tụng kinh niệm Phật nghe pháp
060	Người Phật tử trong kỷ nguyên mới
066	Nay khi
067	Mẹ và trăng
068	Chúc mừng hai niềm hoan hỷ
070	Đức Phật và Ananda
076	Tiếp cận lịch sử nghệ thuật “Bánh xe cầu nguyện” trong Phật giáo Tây Tạng
082	Lập Xuân
082	Giúp mẹ bày mâm ngũ quả
083	Tiếng chuông chùa
083	Ta về giếng hai
084	Chùm thơ 4 câu của Nguyễn Ngọc Hưng
084	Buông
085	Cá chuối
085	Mai này
086	Thơm mùi Tết
087	Nhẹ bước phù vân
088	Nét xưa giữa lòng phố thị
089	Chùm thơ 4 câu của Trần Văn Thọ
090	Ký ức của hoa Vạn Thọ
091	Gieo hạt mùa sau
093	Phiếm đàm “ở hiền gặp lành”
095	Giao thừa trên bãi Bắc
098	Từ bi (love) mà không hành động chỉ là một từ với bốn chữ cái
103	Hoạt động Phật sự năm 2022



Mừng Xuân

DI LẶC

LƯU HÀNH NỘI BỘ
www.phatgiaobienhoa.com